nghệ thuật

vol 2

viên linh: viễn mộng

MỘT TIỂU LUẬN MỚI NHẤT CỦA PHẠM KIỀU TÙNG:
văn chương và bạo động

41

23-30 July 1966

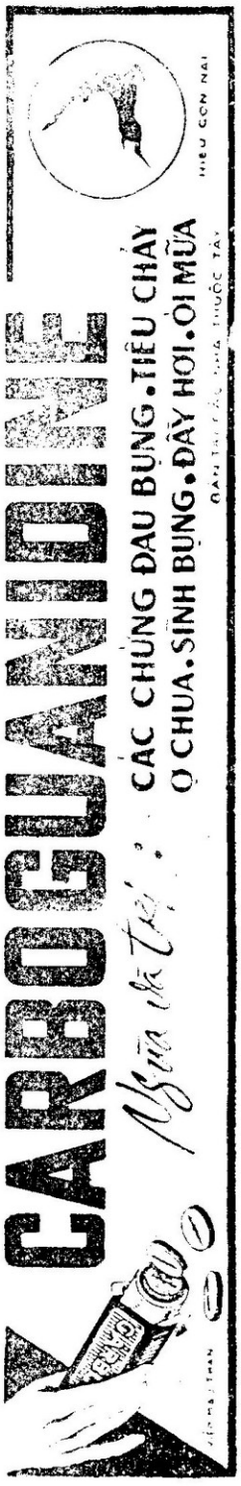

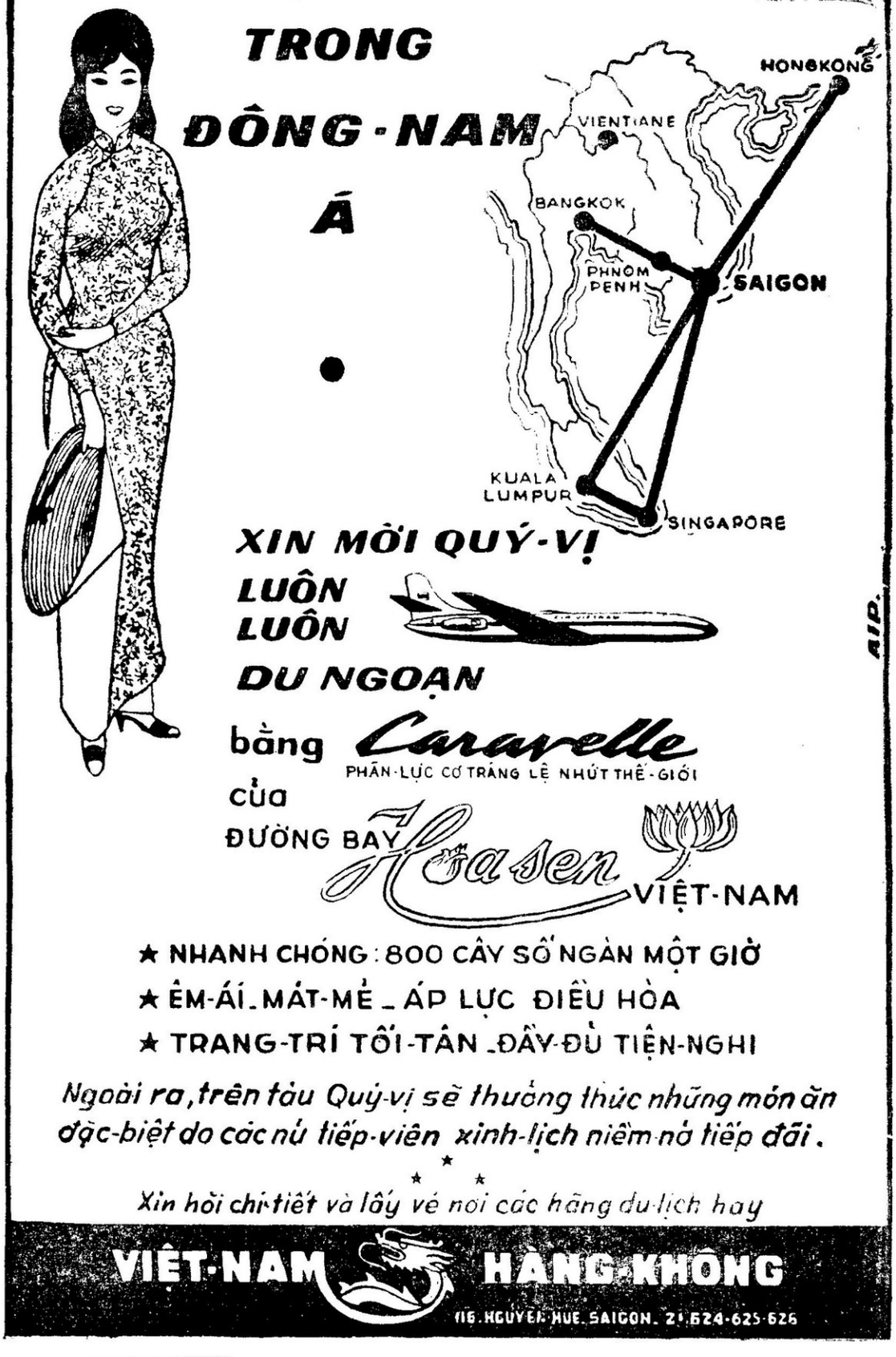

SẮP PHÁT HÀNH

tình khúc tháng 11

Thơ DU TỬ LÊ

Bìa và phụ bản

Duy Thanh — Huy Tưởng — Động Đình Hồ

nghệ thuật

PHẠM KIỀU TÙNG	☐	VĂN CHƯƠNG VÀ BẠO ĐỘNG
NGHỆ THUẬT	☐	PHỎNG VẤN BẠN ĐỌC VỀ NHÀ VĂN VÀ TIỂU THUYẾT VN HIỆN ĐẠI
NGUYỄN NHẬT DUẬT	☐	KINH NGHIỆM VỀ VỰC THẲM TRONG THI CA
VIÊN LINH	☐	VIỄN MỘNG
ĐINH HOÀNG SA	☐	NGƯỜI HÀNH KHÁCH THƯỜNG TRỰC
NGUYỄN NHƯƠNG NGHIỆM	☐	THÀNH PHỐ VÀ NHỮNG NGÀY...
TRẦN UYÊN TỬ	☐	KHUÔN MẶT CHIẾN TRANH
MALRAUX — TÔ THÙY YÊN	☐	PHẬN NGƯỜI
SƠN NAM	☐	VẠCH MỘT CHÂN TRỜI
VIÊN LINH	☐	TỪ ĐÓ,
MAI THẢO	☐	VĂN NGHỆ VÀ CUỘC SỐNG
XÍCH CHƯƠNG	☐	THỜI SỰ NGHỆ THUẬT
NGUYỄN TRUNG	☐	TRƯỜNG HỢP TRƯƠNG VĂN Ý
	☐	NHỮNG NGƯỜI VIẾT MỚI
X	☐	CHÚT BUỒN NĂM THÁNG
HOÀNG NGỌC LAN	☐	TIẾNG NẤC
CỎ BỒNG	☐	BUỔI TRƯA

Tranh bìa số này : họa phẩm của Gauguin

CHỦ NHIỆM, CHỦ BÚT : MAI THẢO

TUẦN BÁO VĂN HỌC NGHỆ THUẬT RA NGÀY THỨ BẢY

THƯ KÝ TÒA SOẠN : VIÊN LINH

Tòa Soạn và trị sự 233 Phạm ngũ Lão Saigon Điện Thoại 25.881 — Năm thứ hai, — tuần lễ từ 23-7 tới 30-7-1966

NGHỆ THUẬT SAU MỘT TUẦN LÀM VIỆC

☐ Khi số báo này tới tay bạn đọc, Nghệ Thuật ngưng nhận bài trả lời cuộc phỏng vấn về nhà văn và tiểu thuyết Việt Nam hiện đại. Số bài hiện tới tòa soạn đã đủ để từ đó chúng ta có thể rút ra những nhận định, hay căn cứ làm những dấu mốc cần thiết cho sinh hoạt văn học nghệ thuật hiện nay. Những ý kiến của bạn đọc đã gây ra nhiều phản ứng, làm nên một dư luận trong giới những người cầm bút. Trong loạt bài tiếp theo, nhân cuộc phỏng vấn, sẽ là những ghi nhận, những đối thoại của tòa soạn với bạn đọc, và giữa tòa soạn với một số các tác giả được nói đến nhiều nhất. Loạt bài sau này sẽ khởi đăng ngay từ số sau và sẽ tiếp tục ngay sau khi những ý kiến chót của bạn đọc được đăng tải.

☐ Nghệ Thuật chân thành cảm tạ sự sốt sắng tham dự cuộc phỏng vấn của quí bạn. Ít nhất thì đây cũng là lần đầu tiên độc giả không từ chối phát biểu ý kiến về một vấn đề phức tạp. Riêng với những bài trả lời chưa kịp đăng — chúng tôi sẽ trích dẫn trong một mục mới — 2 cột báo mỗi tuần : mục độc giả nói chuyện về thơ văn. Có thể mục này sau đó sẽ trở thành liên tục, như một diễn đàn thường trực dành riêng cho người đọc, nơi người đọc lên tiếng về những vấn đề văn học, một tác phẩm, một tác giả hay chỉ một nhân vật, một bài thơ nào đó được nhìn bằng con mắt thưởng ngoạn. Đó cũng là một tấm vé mời vào phòng hội nghệ thuật, bạn có thể nhận tấm vé ấy và toàn quyền xử dụng, bạn có thể vào trong một chốc lát, lên tiếng nhiều hay ít, ngồi lâu hay ra ngay. Phòng hội của chúng ta có diễn giả luân phiên và không có chủ tọa đoàn, nghĩa là không có chương trình định sẵn.

PHÒNG TRANH VỊ Ý

Phòng triển lãm hội họa của họa sỹ Vị Ý đã khai mạc tại phòng Thông Tin Đô Thành sáng ngày 17 tháng 7 vừa qua. Phòng tranh gồm hơn 30 tác phẩm đều là tranh sơn dầu là một công trình trong bốn năm làm việc của họa sỹ. 30 tác phẩm đều được thực hiện trong một kích thước rất lớn, có bức lớn tới 3mx4 như bức Nguồn Việt, Thần Nông, những bức Sức Diên Hồng, Phương Mặt Trời Dựng... đều ở cỡ 1m x 3m60. Trong các tác phẩm giới hội họa rất chú ý tới các tác phẩm : Cảnh Lập Thể, Sức Diên Hồng, Nguồn Việt, Võ Gươm Mà Ca, Hàng ngày Tôi và Tôi, Linh Quang Trung. Trong nhiều năm nay, người ta có thể nói chưa có một phòng tranh nào đặc biệt như phòng tranh Vị Ý, đặc biệt về tranh lớn, đặc biệt về khuynh hướng riêng của họa sỹ, một khuynh hướng lập thể được thực hiện bởi một tâm hồn Việt Nam, một tâm hồn vừa phấn đấu vừa mơ mộng vừa nặng chĩu những ưu tư. Phòng tranh cũng đặc biệt vì kỹ thuật vững vàng mà họa sỹ đã có sau nhiều năm không bày tranh.

Người ta có thể nói : phòng tranh của Vị Ý đã mang đến cho sinh hoạt hội họa một phấn khởi và mang đến cho chính họa sỹ một thành công.

VĂN NGHỆ

VÀ CUỘC SỐNG

■ ghi nhận của MAI THẢO

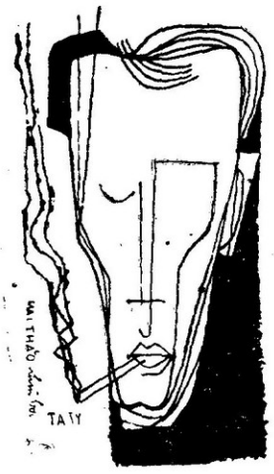

Thứ hai 18-7

Người đàn bà trong tiểu thuyết Việt Nam là một nhánh hoa, chưa là một đời cây. Một khuôn mặt, chưa là một đời sống. Đẹp như tranh Tô Ngọc Vân ở Đôi Bạn và Bướm Trắng Nhất Linh. Huyền thoại ở Nguyễn Tuân qua Tóc Chị Hoài. Đến Thanh Tâm Tuyền là vũ bão và bàng hoàng sống. Nhìn chung người đàn bà ấy trong thế giới tiểu thuyết ta có thể là một ảnh hình đã phác họa song suôi nhưng chưa là một định mệnh đã vươn tới cái đỉnh vẹn toàn của ý thức. Phụ nữ thứ yếu trong tiểu thuyết do nơi xã hội ta chưa đổi thay lối nhìn phong kiến cũ, khiến những Lan, Huệ, Hồng, Vân, chưa có chỗ đứng dưới mặt trời. Rồi bỗng có Nhã Ca làm thơ, Túy Hồng viết truyện. Tiểu thuyết được thổi qua bởi một mùa gió mới. Gió lửa, choáng váng như gió Lào. Nó thổi qua những miền da thịt xôn xao. Nó giông bão trên những nồng nàn dục tình nổi loạn. Vận động giải phóng phụ nữ thành hình trong tiểu thuyết và thơ văn chúng ta tuy vậy mới chỉ được ghi nhận như những chứng tích phá vỡ khởi đầu của bản năng và sinh lý. Giải phóng này đưa ra khỏi tù đầy của thân phận để rơi vào một tù đầy mới. Của thân thể. Những đời sống đàn bà vươn lên từ chữ viết vẫn chưa là thứ đời sống toàn diện phải có, như một độc lập, một bình đẳng, một song hàng với đời sống đàn ông. Tiểu thuyết ta cần thiết phải làm thay cho xã hội ngưng đọng này cuộc giải phóng xã hội và con người ấy của người phụ nữ, mà trong thực tế ngoài đời hiện giờ, đã đi thật xa khỏi vị trí lưu đầy và lệ thuộc ngày xưa. Ở điểm này, và từ khởi điểm này, viết về đàn bà, phải thấy rằng những liên hệ về hạnh phúc, tình yêu, tâm hồn giữa họ và đàn ông đã hoàn toàn đổi khác. Người đàn ông trong nhìn lại, xét lại và thấy lại đàn bà. Đó là một chủ đề mới của tiểu thuyết chưa được khai thác và thể hiện. Tôi gọi là một chủ đề. Theo đúng nghĩa của danh từ. Nghĩa là một chủ đề xã hội.

Thứ ba 19-7

Đọc trong bản thảo tuần này, tôi ghi được câu này của một anh bạn trẻ viết văn từ Huế : « *Chúng ta luôn luôn mang dáng dấp của những kẻ sắp ra đi* ». Tuổi trẻ đang từng từng lớp lớp ra đi Trên những đất đai ngắm nhìn quen thuộc cũ đã vắng bóng thật nhiều những người trẻ tuổi mới. Tôi có một đứa em trai. Mỗi lần gặp nhau như hai người lạ mặt. Nó là một thay đổi hoàn toàn. Từng phút từng giờ. Đối với chính nó. Nghĩ mà buồn cho nó. Thế mà nó vẫn phải sống chung với những cái của tôi đang sống. Tuổi trẻ hôm nay không có mặt mũi, không có tay chân, không có tiếng nói. Ồn ào mà nín thinh. *Rất nhiều con mắt ráo hoảnh mở trong hồn. Như lân tinh trong bùi cỏ về đêm.* Tuổi trẻ làn những cặp mắt ráo hoảnh mở trong hồn, Thơ Tô Thùy Yên.

Thứ tư 20-7

Viên Linh : tuần này phải viết một cái gì về ngày 20 tháng 7 chứ ! Cuộng ta vẫn nhớ. Chúng ta không quên. Chúng ta nào có ở ngoài. Chúng ta ngập chìm tới cổ. Trong cái lưới dày đặc của thời thế và hiện tình đất nước chúng ta. Buổi chiều tôi gặp họ Vũ. Nói với anh tôi muốn viết được, dù chỉ được một vài giòng, về lần thứ 12 của ngày hai mươi tháng bảy. Một kỷ niệm ? Nhưng kỷ niệm dùng làm gì ? Về Hà Nội ? Mười hai năm, Hà Nội đã mù sương. Lần thứ nhất ra Huế với Quốc Phong, cách đây bốn năm, Vũ quang Minh chở tôi từ Huế tới chân cầu Bến Hải. Chiều giới tuyến mưa phùn. Cây cầu hai màu sơn, tượng trưng cho ngăn chia kệch cỡm. Hiên lương lạnh tanh Chúng tôi kéo cao cổ áo đi xuống cái xóm ven bờ tôi quên mất tên, ở đó có một trạm phát thanh nhỏ, hướng những chùm loa sang bờ đối nghịch, Người trạm trưởng trẻ tuổi kể cho tôi nghe về một công tác tuyên truyền địch vận, đôi khi biến thành hài kịch vì sự đổi chiều đột ngột của hướng gió Bến Hải. Gió thổi ngược lại. Ta nghe ta nói. Như bên kia cũng vậy. Gió vĩ tuyến có những buổi chiều đùa cợt thẳng thừng với cái công tác tuyên truyền của cán bộ hai bờ như vậy. Một năm, gần Nguyên Đán, Kim Cương, Trần văn Trạch đã tới cái trạm phát thanh địa đầu heo hút này. Kim Cương hát sang cho bên kia nghe. Một bài hát ướt đẫm tình yêu.

Lần độc nhất ra thăm Bến Hải hình ảnh dội đập mạnh mẽ nhất vào trí nhớ tôi không phải là lá cờ ta trong mưa phùn, lá cờ địch trong sương mù, mà là những thửa ruộng của vùng phi quân sự. Lúa được mùa. Dào dạt, xanh ngắt. Như thế liền ba năm. theo lời một ông già đứng bên bờ đường nói chuyện với Vũ Quang Ninh. Lúa Bến Hải được mùa ba năm liền. Nhưng người không được mùa người và đã mười hai năm Việt Nam như thế.

Thứ năm 21-7

Buổi trưa. Ngoài cửa sổ bàn viết tôi, có những chùm hoa đỏ, buông rủ, bất động, trên một nền trời xanh cao và chói nắng. Có tiếng máy bay ầm ầm ỳ ỳ. Trưa Saigon nhẹ và khoẻ người lạ thường. Nhớ lùi lại những trưa ngoài Bắc. Nhớ nhất đến cái nắng thiêm thiếp trên những sườn đồi hoang vu miền Vĩnh Yên, Phúc Yên. Trưa bị nung chín. Nẫu nà và mê hoảng. Nắng động ảnh. Trong nắng như có một thứ khói lạ chập chờn. về cái nắng mùa thu trên những sườn đồi trung du miền Bắc này, Thanh tâm Tuyền có một nhận xét rất đúng, về một thứ cảm giác rợn người : cái nắng ấy làm chết người ta như trong cái nắng ấy chết đi giữa một trạng thái tận cùng của hoang vu. Tác động của tạo vật và thiên nhiên, mãi mãi, với tôi, có một hiệu năng ghê gớm. Mưa nắng thường thôi, Nhưng có những lúc nắng, nhưng có những lúc mưa bàng hoàng quái lạ.

Thứ sáu 22-7

Nắng mưa kia mang tin xấu đầy trời.

PHẠM KIỀU TÙNG VĂN CHƯƠNG

Có phải bạo động vẫn thường xuất hiện như một hiện tượng phổ biến, và xuất hiện liên tục trong lịch sử nhân loại, có phải bạo động như căn phần của mỗi người chúng ta, bạo động như một định mệnh gắn liền với đời sống với thân phận làm người? Lịch sử đã trả lời, và thời thế mỗi ngày mỗi biến động lại càng khoác cho bạo động một bộ mặt tuy khủng khiếp nhưng không rời, như định mệnh. Trong khi đó, mọi suy tưởng về vấn đề bạo động chỉ còn là những giải thích, mọi tôn giáo chỉ còn là những niềm tin mong manh như một hy vọng hèn mọn, một ảo tưởng nhạt nhòa. Từ đó có thể tin rằng bao lâu mọi người còn bị đày ải trong vòng bạo động, chừng đó bạo động còn là một đề tài lớn trong văn chương. Tại sao ?

Đồng ý là không thể bắt buộc nhà văn phải chọn lựa một đề tài nào, tất cả văn chương không bắt buộc phải là những tiếng kêu oán thán phẫn nộ, hay những hô hào kết án những bạo hành đang diễn ra. Chúng ta vẫn chấp nhận những cảm xúc riêng tư của người viết, vẫn tôn trọng chủ quan tính «cần phải được tôn trọng» của người làm văn chương. Người đọc không trả tiền thuê những gã nô lệ viết cho mình. Chúng ta hiểu rất rõ rằng mỗi nhà văn là một người tự do, là một tự do, vì văn chương nghệ thuật là thế giới của những người tự do — người sáng tạo cũng như người thưởng ngoạn. Nhưng trước hết nhà văn là gì ? Nhà văn không thể là người vô tình. Thế giới văn chương không phải là thế giới vô tình. Chẳng phải là nghĩa địa im lặng lạnh lùng của cái chết, hay sa mạc dửng dưng lãnh đạm vắng bóng người. Trong văn chương đó, là con người là đời sống, Trong văn chương đó, là nước mắt, là nụ cười, là niềm hoan lạc, nỗi xót thương. Khởi từ bình diện của những cảm xúc hoàn toàn riêng tư không thể truyền đạt thông đồng, văn chương vươn lên bình diện của những tình tự, những ý tưởng phổ biến, truyền đạt được : Văn chương gắn liền với cảm xúc, có thể nói được là khởi từ cảm xúc. Nhà văn chính là người mang một hệ thống giác quan bén nhậy. Và người đọc, khi thông cảm được với người viết, cũng đã khởi từ một xúc động nào. Cảm xúc như mối liên hệ đầu tiên giữa người viết và người đọc.

Vậy thì chẳng là đáng nói sao, nỗi hăm dọa đen như sự đe nặng ngột ngạt của uy quyền đàn áp, niềm tội lỗi đó như cái chết của bạo động máu lửa, chẳng là đáng nói sao, những điều đó — khi nhà văn, trong bản tính của hắn, không thể là vô tình, Hãy ghi nhận thêm điều này, để làm sáng tỏ mối liên hệ giữa văn chương và cảm xúc : một hiện tượng giải thích được, là những người làm văn chương thường nghiêng về những tình tự *tiêu cực*, tỷ dụ họ thường nói về một tâm trạng sầu hoài, hay một nỗi tiếc thương quá khứ, hoặc quá nữa là điều gọi là thương vay khóc mướn. Tại sao? Bởi nếu viết văn và đọc văn ở một khía cạnh là để thương yêu hòa hợp, để xóa bỏ những khoảng cách ngăn chặn mọi người không thể gặp gỡ nhau trong một niềm thông cảm, thì phải nhận như Simone de Beauvoir rằng có một số *đề tài* gắn liền với văn chương như một định mệnh vậy : văn chương phải nói về niềm cô đơn, về cái chết, về nỗi đau đớn, niềm tuyệt vọng v.v... là những tình tự *tiêu cực* thường khép kín mọi người trong một niềm ngờ vực, nghi kỵ lẫn nhau. Trong niềm vui của những ngày giải phóng, nước Pháp thoát khỏi sự chiếm đóng của quân đội Đức quốc xã, Simone de Beauvoir đã thấy rằng văn chương lúc đó hoàn toàn vô ích, bởi lẽ trong khi đó mọi người thông cảm nhau qua một niềm vui vốn là một tình tự tích cực. Còn văn chương bởi vì mọi người còn thấy cần phải thông cảm nhau, những tình tự tiêu cực chính là những gì cần được xóa bỏ để đi tới thông cảm : văn chương, trong bản chất của nó, vốn dĩ gồm sẵn một số đề tài ưu đãi, là những tình tự đó. Và nói tới bạo động hiển nhiên là nói tới khía cạnh tiêu cực đó rồi : bạo động mang theo nó những đau khổ, hủy hoại cái chết v.v... Bởi vậy bạo động cũng là một trong những đề tài quen thuộc trong văn chương.

VÀ BẠO ĐỘNG

Cũng cần nói thêm, là khi nhận rằng văn chương gồm một số những đề tài lớn đó, không có nghĩa là thu hẹp văn chương trong một giới hạn tù túng nghèo nàn. Là nhà văn, ở một khía cạnh, là nói về một vấn đề đã được nói tới, nhưng nói bằng một ngôn ngữ riêng đồng thời đặt vấn đề đó trong một cảnh ngộ nào liên hệ tới nhà văn, mối liên hệ hoàn toàn đặc thù. Cùng một số đề tài, nhưng mỗi nhà văn là một ngôn ngữ, tác phẩm là một cảnh ngộ.

Bạo động là một hiện tượng phổ biến và thường trực, nhưng ở mỗi thời đại, ở mỗi nơi chốn, mỗi bạo hành là mỗi cảnh ngộ đặc biệt. Nhà văn nói về bạo động để làm gì ? Trước nhất, để nói lên sự hiện diện của mình trong hoàn cảnh lịch sử mà nhà văn được sinh ra để sống trong đó. Một hoàn cảnh lịch sử là chung cho một đám đông, nhưng nhà văn là người có cái vinh dự nói lên được hoàn cảnh đó : hoàn cảnh đó trở thành một cái gì của nhà văn.

Sartre đã khuyên những nhà văn hãy ôm chặt lấy thời đại của họ, và đừng để lỡ. « Thời đại của mình, đó là cái may cũng như cái rủi duy nhất của nhà văn,.. Chúng ta chỉ có cuộc đời này để sống, giữa cuộc chiến tranh này ». Nhà văn không có được sự chọn lựa sống trong một thời đại tốt đẹp. Vấn đề không phải là hoài vọng một thời thanh bình nào đã qua đi trong lịch sử, cũng không phải là mơ ước một xã hội chưa tới. Chỉ có cuộc đời này trong thế cuộc này. Vấn đề là nhà văn sống cho thế cuộc đó, và thế cuộc đó là dành sẵn cho nhà văn. Nếu chỉ có một cuộc đời để sống, thì sự dấn mình vào đời sống đó hiển nhiên là một giá trị, hơn là sự dửng dưng, đứng bên lề, bởi lẽ cần phải nhắc lại rằng chỉ có một đời sống, một hoàn cảnh giới hạn, và bởi vậy đừng để lỡ. Nhà văn nói về thời đại của mình để bày tỏ mối liên hệ thiết yếu giữa mình và thế cuộc. Nếu chúng ta là thừa thãi, là vô nghĩa trong thời thế của chúng ta, thật là điều tủi nhục. Simone de Beauvoir : « Cá nhân dấn nhập vào thời đại của nó, kẻ nào thử tác động vào lịch sử bằng một hành động hay bằng một phẫn nộ hoặc nổi loạn, hẳn là sẽ có những liên hệ rất phong phú và rất thâm sâu với thế giới này, hơn là kẻ rút lui tách khỏi thế gian, trong một tháp ngà » (1). Tự cảm thấy mình là *cần yếu* đối với thế giới mình sống, theo Sartre đó là một trong những nguyên do chính yếu thúc đẩy sự sáng tạo nghệ thuật (2).

Những cảm xúc càng bén nhậy, một ý thức càng sáng suốt bao nhiêu, càng giúp nhà văn lĩnh hội đầy đủ hơn, cái thực tại phong phú quanh bắn. Ôm trọn lấy thời đại của mình, không những chỉ để nói lên sự hiện diện, nói lên niềm vinh dự dành cho người làm văn chương, không những chỉ nói lên giá trị của sự dấn mình vào thế cuộc, mà sự ôm trọn đó còn là điều kiện cho một tác phẩm lớn của một nhà văn lớn. Thực vậy, nếu nhà văn chỉ có được mối liên hệ hời hợt với thời đại của hắn, nếu nhà văn chỉ có được cái nhìn thiếu sót, không thâu tóm được thực tại trong toàn thể của nó, thì tác phẩm của nhà văn cống hiến người đọc chỉ là một bày tỏ thiếu sót, nghèo nàn, nói như Simone de Beauvoir. « hắn sẽ hiến cho chúng ta một vũ trụ hèn mọn : hắn bắc nhịp thông cảm với chúng ta theo một cách quá hẹp hòi và bằng một cách thế hết sức nghèo nàn » (3)

(*còn nữa*)

(1) L'individu engagé dans son époque, celui qui essaie d'avoir prise sur l'histoire par une action ou par une indignation ou par la révolte, a avec le monde des liens beaucoup plus riches et beaucoup plus profonds que celui que se retire à l'écart du monde, dans une tour d'ivoire — que peut la littérature, p.87.

(2) Un des principaux motifs de la création artistique est certainement le besoin de nous sentir essentiels par rapport au monde — Sartre, Situations, II, p 90.

(3) Si le champ de ses intérêts est étroit et mesquin, il nous livre un univers mesquin ; il établit une communication avec nous sur un mode extrêmement restreint et d'une manière très pauvre — p. 87.

TỪ ĐÓ,

TRUYỆN DÀI **viên linh** ☐ 5

VIII

MỘT chiếc xe ngựa hiện dần trên con lộ chính, cửa ngõ của thị trấn. Xích nhận ra đó là chiếc xe của ông Năm. Ông Năm mũ nỉ đen, thuốc tồ sâu. Ông nói lớn khi trông thấy Xích :

— Kìa ông giáo.

— Chào ông.

— Ông giáo đi đâu đó.

— À, tôi vào trong Thác.

— Đi sớm dữ.

— Đi sớm la cà mà. Lâu lắm mới lại đi xe ông Năm đó nhỉ.

— Dạ, mời ông giáo lên.

Xe ngừng, con ngựa hồng gõ móng một chỗ. Xích quăng chiếc va ly vào giữa lòng xe và nhảy lên. Chàng hiếng mắt về phía thị trấn. Dường như chàng trông thấy một cây thánh giá rất nhỏ trên đỉnh nhà thờ của mục sư Mathieu. Cây thánh giá rung rinh trên một tàng cây xanh đen. Có một lúc Xích nhìn thấy nó nhô cao khi chiếc xe lên dốc, chuyển chậm chạp trên con đường đất mỗi lúc một thu hẹp dần. Ông giáo vào trong Thác làm chi đó. Nghỉ dưỡng ít lâu. Ở đó buồn chết, làm gì có người ta, quanh quẽ không à. Tôi có người quen đóng đồn trong đó. À, chắc là cái đồn bên Thác nước. Đúng cái đồn đó. Sao ông giáo không ở ngoài phố cho vui. Cũng chả vui gì. Dạ chắc ông giáo ưa thanh thản tự do. Xích không đáp. Chàng duỗi dài hai chân trên lòng xe vắng, thở dài. Ngõ nào cũng niêm tên tuổi thầy hết rồi đừng trốn uổng công. Nếu quả thật như vậy, Xích cùng đường. Chàng móc túi, lấy chiếc thẻ kiểm tra của mình ra dò xét. Nguyễn Xích, 25 tuổi, giáo sư Trung học, con ông X. (ch) và bà Y. Lật mặt sau : dấu vết riêng : cao 1m68, nặng 52 kí lô, sẹo nhỏ cách lông mày mắt trái 1 phân rưỡi. Tung tích của mình. Xích nghĩ thế mà nhét chiếc thẻ kiểm tra vào chỗ cũ. Tung tích của mình. Xích lấy ngón tay trỏ di di lên chỗ cái sẹo theo sự chỉ dẫn trong thẻ. Sao không bao giờ mình thấy cái sẹo của mình mà chúng nó lại thấy. Chàng mở chiếc ngăn nhỏ trên nắp va ly, thò tay lấy ra một tấm gương tròn, soi mặt vào đó. Khuôn mặt chàng xanh mướt. Ngó kỹ, Xích nhận ra cái sẹo, chỉ bằng một nửa hạt gạo gẫy chéo, lẫn vào một nếp nhăn. Nhỏ thế này mà nó cũng ghi. Làm sao nó tìm ra mình bằng cái sẹo này được. Ông còn những cái tồ bố khác sao không ghi, lại ghi một cái nhỏ như vậy. Xích phì cười.

— Có gì vui đó ông giáo.

— Này ông Năm, có khi nào ông nhìn rõ mặt mình không ?

— Ông giáo hỏi gì lạ vậy.

— Tôi bị đó. Tôi thấy tôi không giống như người ta thấy tôi.

— Thế ông giáo thấy mình ra sao ?

Xích à 1 tiếng. Chàng liếc nhìn người xà ích quen, từng nhiều lần chở chàng bằng chiếc xe ngựa rất đẹp của ông ta. Rồi Xích nói tóm tắt :

— Trông tôi như một thầy Giu-Đa lúc tôi đi nhà thờ.

Ông Năm cười, thốt nói :

— Hèn chi mỗi lần chở ông giáo qua xóm Đạo tôi thấy ông lạ hơn ngày thường. Độ rày ông ít qua đó.

Xích lắc đầu. Phúc. Có một người đã vô tình nhắc đến Phúc. Mà thôi — Xích nói — ông cũng để ý tôi dữ nhỉ. Kìa ông giáo, ông mích lòng đó hả. Đó là tôi nghe người ta nói vậy. Ai vậy ông. À, thì cũng loanh quanh những người ông giáo đã biết đó.

Xích nhổm người lên, nhìn sang bên đường. Triền núi khô khan lặng lẽ. Thế ra con mắt của thị trấn lớn quá sức. Mình cứ tưởng không ai biết chuyện của mình cả. Hà hà — Xích cười. Gì đó ông giáo. Tôi nghĩ chuyện thế sự đó mà. Chán ngắt. Ôi công đâu mà nghĩ tồn thọ. Cái gì rồi cũng tung hê đi ông giáo.

Người xà ích móc túi lấy một điếu thuốc sâu. Ông ta liếm lẹp nhẹp đuôi điếu thuốc và nhổ nước bọt sang bên đường. Lúc ấy hai người đã nghe tiếng thác nước đổ rì rào vọng lại. Chiếc xe ngựa đã leo lên đoạn đường một bên là khe núi trũng bẳn xuống, cây cối mọc rậm rì.

— Sắp tới đồn rồi.

Xích ngó xa xa. Đồn ở giữa thung lũng, hiu quạnh lẻ loi. Đi lối trăm thước nữa, chiếc xe ngừng lại. Người xà ích bảo khách :

— Ông giáo cho bao nhiêu cũng được. Chuyến vào kể như đi không, có ông giáo càng thêm vui cho tôi.

— Lát ra chắc đông lắm.

— Cũng không đông lắm, nhưng có khách đều. Bây giờ họ mới ra phố chợ mua bán, ai mà đi sớm như ông giáo làm gì.

Xích mời người xà ích một điếu thuốc thơm nhưng ông từ chối. Hai người chia tay, tiếng móng ngựa gõ lộp bộp vui tai.

Dường như lúc ấy Xích đứng đối diện với mặt trời. Vừng sáng đã nhô lên ngang đỉnh cây cao. Chàng chẻ mắt nhìn xuống thung lũng tìm Thạnh. Giờ này hẳn anh ta còn ngủ.

IX

Sau mười phút đi men lòng chảo xuống thung lũng, Xích đến trước một bót canh nhỏ, nơi vài ba người lính đang xúm lại trên một chiếc chiếu hoa rách nát đánh bài cào. Chàng không vội hỏi, đứng nhìn và thở. Bỗng một tiếng nói lớn :

— Ông hỏi ai ?

Xích quay nhìn người lính nghiêng mặt nhìn lên, tay anh ta vẫn cầm xấp bài.

— Chuẩn úy Thạnh—Xích nói.

— Có việc gì không ? Ông ở đâu lại.

— Tôi là bạn. Anh thông báo dùm có ông Xích hỏi.

Người lính bảo một bạn đồng ngũ, nhỏ bé hơn anh ta. Anh này đứng dậy men con đường đắp xi măng, ngang qua một cái cầu xi măng nhỏ hướng tới căn nhà gạch duy nhất trong thung lũng. Xích nhìn mặt nước trong veo dưới chân chàng và cùng lúc nghe tiếng thác rì rào ở trên cao. Đây là thác nước của Hồ Nhà Đèn, làm chạy máy cung cấp điện cho cả thị trấn và một vài đồn điền quanh đó.

Thạnh hiện ra nơi khung cửa ngôi nhà gạch, may ô trắng sạch sẽ, quần nhà binh vàng.

— Ê, Thạnh kêu, ông giáo hết thời hả

— Chào bạn. Đến ở nhờ đây.

Hai người bắt tay nhau, Thạnh cười nhe chiếc răng khểnh :

— Cậu tới đây ở tôi vui lắm. Ở đây một mình buồn, không thể tả. Thế nào, lại có chuyện à ?

Xích gật đầu, rồi lắc đầu. Chàng lấy thuốc châm hút. Thả hơi khó trong không, Xích vẫn lặng thinh Thạnh lại nói :

— Bạn bỏ cái chức giáo sư ấy đi là phải. Tôi thấy sống thế nó thế nào. Nhất là...

Anh ta ngừng nói, cũng châm thuốc và không nói tiếp. Hai người nhìn nhau cười. Lát sau Xích xách valy vào trong nhà, vứt chiếc mũ xuống mặt bàn, bảo bạn :

— Tôi ở nhờ cậu ít lâu. Rồi tính sau.

— Cậu có thể ở líp. Ở cho đến bao giờ tôi không ở đây nữa cậu mới phải đi. Mà tính cái gì.

— Nhiều chuyện lắm.

Thạnh nhìn bạn chậm lại :

— Có tin gì về bà cụ không ?

Xích ngửng lên. Chàng lỏ ra ngoài ngay. Phúc có lần đã hỏi : Sao anh không về ở với mẹ ?

■ còn nữa

Đã phát hành khắp nơi

CẢNH TƯỢNG ĐÊM NAY

TẬP TRUYỆN VIỄN LINH

200 trang — Giá 68 đồng

Thời Mới xuất bản

HUYỀN CHI

Huyền Chi, theo tài liệu của Thế Phong, tên thật là Hồ Thị Ngọc Bút, sinh ở Bắc Việt nhưng sống lâu năm ở miền Trung và một thời được coi như cây bút phụ nữ phong phú nhất. Đặt cô vào *Những thi sĩ của mười năm trước* là bởi vì thi phẩm Huyền Chi cũng mang những cảm khái chua chát trước thời đại của mình, như những thi sĩ mà Nghệ Thuật đã giới thiệu trong dề mục này. Năm 1952, cô cho xuất bản thi phẩm đầu, nhan đề là *Cõi Mờ*. Tập thơ đã gây một tiếng vang lớn lúc bấy giờ. Trong nhiều năm nay, cô không cho in thêm một bài thơ nào. Bài dưới đây là một điển hình của Huyền Chi.

lạc loài

Bơ vơ quá giữa kinh thành
Có ai may áo viễn hành nữa đâu ?
Lạc loài từ độ xa nhau
Đường phai dấu cũ, nhạt mầu thời gian
Ở đây nhung lụa bạc vàng
Trăm màu sa mã, muôn ngàn phồn hoa
Giá băng cạn chén quan hà
Giang hồ chỉ có mình ta với người
Bụi đời mờ nẻo ngược xuôi
Năm năm tháng tháng ngậm lời thơ điên
Sang ngang lỡ một mái thuyền
Để về đây sống giữa niềm hoang vu
Mấy mùa khói lửa âm u
Mấy mùa ly loạn mịt mù muôn nơi
Đêm đêm ra đứng nhìn trời
Đêm đêm nghe gió vọng lời muôn phương
Có trăm cánh gió điên cuồng
Về đây giữa lúc phố phường tối đen
Dập dìu ong bướm đua chen
Riêng mình ta chẳng người quen, lạ nha
Lạc loài giữa xứ tha ma
Sống bơ vơ quá nghĩa là thế thôi !

HUYỀN CHI

độc giả tham dự cuộc phỏng vấn của Nghệ Thuật

độc giả bây giờ đọc tiểu thuyết nào ?

Kể từ số này, Nghệ Thuật ngưng nhận bài trả lời cuộc phỏng vấn. Thư tham dự nhiều quá sự ước lượng của Tòa Soạn, trong khi cuộc phỏng vấn không thể kéo dài hơn. Tuy nhiên, trong vài số nữa, chúng tôi sẽ còn tiếp tục đăng tải một số ý kiến của quí bạn, rút ngắn trong mục ý kiến bạn đọc, lối 2 cột báo mỗi tuần. Từ số sau, tòa soạn sẽ có bài ghi nhận về cuộc phỏng vấn này. Bài ghi nhận do tòa soạn viết, nhưng căn cứ trên các ý kiến đã được đăng tải, như là một bài tổng kết, rút tỉa những ý chính và những vấn đề chính. Sau đó, từ những ý kiến chính và những vấn đề chính ấy, chúng tôi sẽ mời các nhà văn (được nói đến trong cuộc phỏng vấn) lần lượt lên tiếng cùng độc giả về những vấn đề chung của văn chương hoặc về ngay những điều mà quí bạn đã nói về họ.

Ý KIẾN BẠN TRẦN VĂN TRUNG
Sinh năm 1949 — Học sinh Trung học
Khánh Hưng Ba Xuyên

— Theo tôi văn chương không phải để giải trí. Với tôi văn chương là một người bạn nhiều kinh nghiệm khả ái.

— Văn chương chẳng những mang đến niềm vui. Mà còn cho tôi những kinh nghiệm quý báu .. Đọc để thu nhận, để phấn nộ và để cảm thông với người trong truyện.

— Sau đây là mười nhà văn tôi thích nhất :

Mai Thảo, Bình nguyên Lộc, Doãn quốc Sỹ, Thế Uyên, Thanh tâm Tuyền, Lưu Nghi, Nhật Tiến, Viên Linh, Sơn Nam, Tạ Tỵ.

Ý KIẾN BẠN THANH UYÊN
Học sinh Châu Đốc

— Dù biết cuộc sống riêng tư ảnh hưởng lớn đối với những người viết vẫn, nhưng khi theo dõi một tác giả tôi không thích tìm hiểu đời tư của tác giả đó. Tôi chỉ đón nhận những tác phẩm — nếu có thể — của nhà văn tôi thích bằng tất cả lòng nhiệt thành của một người mê say văn nghệ.

— Theo tôi, văn chương có tác dụng đối với những người say mê nó. Người đứng tuổi có khi chỉ đọc để giải trí. Còn với bọn trẻ chúng tôi đọc để suy tư, bằng chứng là những thanh thiếu niên học sinh nếu có chút ham thích văn chương đều tỏ ra băn khoăn, những băn khoăn trưởng thành, bằng suy tư...

— Danh sách mười tác giả tôi thích :

Dương Nghiễm Mậu, Thanh Nam, Mai Thảo, Nguyễn Đình Toàn, Tạ Tỵ, Trần Châu Hồ, Ngọc Linh, Y Uyên, Nguyễn Đức Nam, Viên Linh.

Ý KIẾN BẠN NGUYỄN SINH TỪ
Giáo viên tiểu học — sanh năm 1944

(1) Riêng cá nhân tôi, đọc truyện, trước hết là một khám phá và theo dõi. Và tôi cho công việc khám phá và theo dõi tác giả và tác phẩm đó là một niềm vui. Cho nên khi nói đến truyện, đến tiểu thuyết tôi thường nghĩ đến các cây viết mới, hiện còn đang thử thách và tìm kiếm.

(2) Hoạt động văn chương của một tác giả là điều khá quan trọng, khi cần tìm hiểu tác giả đó. Chẳng hạn, nhà văn ấy còn làm nghề gì : đi lính, dạy học, công chức ? Ông ta đứng trong nhóm văn nghệ nào.

Tôi cố gắng theo dõi mọi tác phẩm của tác giả mà tôi đã thích. Phần đông, thì họ tiến về kỹ thuật. Như Võ Phiến, quả thật đã làm vinh hạnh cho ngôn ngữ Việt từ Chữ Tình cho đến Một Mình. Còn Y Uyên thì quả thật thành công lắm, trong loại truyện ngắn mà dài. Về chiến tranh.

(4) Nếu chấp nhận văn chương là một khám phá, thì tiểu thuyết là mảnh đất còn nhiều bí ẩn mà nhà văn còn có thể khai thác.

(5) Y Uyên, Võ Phiến, Phan Du, Lê tất Điều, Tô thùy Yên, Võ Hồng, Hồ trường An, Viên Linh, Bình nguyên Lộc, Nguyễn thụy Long.

Ý KIẾN BẠN HOÀNG ÁI QUỐC
Học sinh — sinh năm 1947 — Đà nẵng

Chỉ theo dõi họ qua tác phẩm của họ và qua những ý kiến của những người khác nói về họ. Dĩ nhiên vì thích họ nên tôi đã đọc tất cả những tác phẩm của họ. Như Dương nghiễm Mậu, không một tác phẩm nào của ông mà tôi không đọc đến. Tôi nghĩ một tác phẩm của một tác giả chính là một phần tử tượng trưng cho con người của họ. Thế nên đọc nó tức là tìm hiểu về họ vậy.

Văn chương phải có một cái gì làm cho ta suy nghĩ.

10 tác giả tôi thích nhất :

Dương nghiễm Mậu, Dương Kiền, Doãn quốc Sỹ, Mai Thảo, Thao Trường, Võ Phiến, Duyên Anh, Lê Xuyên, Nhật Tiến và Thanh tâm Tuyền.

Ý KIẾN BẠN TRƯƠNG VĂN ÚT

— Muốn theo dõi một tác giả theo tôi ngoài việc hiểu tác phẩm của tác giả, còn phải hiểu về đời sống riêng của tác giả đó nữa.

— Văn chương đến với tôi như cái gì quan trọng lắm và làm tôi say mê.

— Sự đáp ứng văn chương nơi tôi tìm thấy trong các truyện viết về thực trạng chiến tranh và xã hội hiện đại.

Sau đây là danh sách 10 tác giả tôi thích nhất.

Mai Thảo, Hồ hữu Tường, Vũ khắc khoan, Nguyễn mạnh Côn, Tạ Tỵ, Dương nghiễm Mậu, Sơn Nam, Duy Lam, Viên Linh Lê tất Điều,

Ý KIẾN BẠN VŨ. CP2
Linh, sinh năm 1938

Câu 1–5 : Xin được miễn.

Câu 2 : Bằng cách đọc *tất cả* tác phẩm của họ vì không có cơ hội tiếp xúc với tác giả. Tôi nghĩ, đây là một thiếu sót. Hành động, cách thế sống của tác giả có ảnh hưởng rất nhiều đến sự tiếp nhận tác phẩm của họ.

— Có khác so với trước. Xét riêng Nguyễn đình Toàn, tôi thấy ông trong *Chị Em Hải, Những Kẻ Đứng Bên Lề, Con Đường...* khác nhau. Về bút pháp cũng như về tư tưởng, tuy không nhiều lắm.

Câu 3–4 : Tôi lớn lên trong thời chiến. Khi ý thức được niềm-đau-chiến-tranh trên phần đất này, tôi nghĩ, riêng cho văn chương, mỗi sáng tác phẩm phải khởi từ thực trạng này—bằng ý hướng dấn thân—để, cùng các ngành hoạt-động-xây-dựng-khác, làm giảm thiểu hoặc ngưng diệt một viễn ảnh tận hủy.

Nhà văn, đã hẳn, nói theo một bài tiểu luận của Nguyễn nhật Duật đăng trên Nghệ Thuật 33, dù có những lúc xuất thần đạt tới một nhận-thức-bất-phân-ly-chủ-khách, cũng không thể, sau cảm-thức-sáng-tạo, không đối mặt thường xuyên với thực tại. Như vậy, đi trong thực-tại-linh-động, nhà văn, trong sứ mệnh chuyển hóa (tôi nói chuyển hóa, bởi tin rằng, theo chủ quan, nhà-văn-nghệ-đích-thực sẽ là nhà trí thức đích thực. Định nghĩa nầy hàm hồ nhưng tôi không nói hơn được), cần phải linh động hóa thực tại—nhất là thực tại chiến tranh ngày nay—qua sáng tác phẩm, để đưa thực tại đến một mức độ cao vượt.

Văn chương, với tôi—do đó, có giá trị tùy thuộc, nhưng là một tùy thuộc quan yếu. Tôi không thích thú đọc *Đêm Tóc Rối* của Dương Nghiễm Mậu, *Ngoài Đêm* của Thế Uyên, lúc nầy Không phải vì mối bận khoăn thời đại mà vì niềm xao động tự nhiên, tầm thường, do ảnh hưởng chiến tranh, mà nhu cầu ngược tới không phải là *Đêm Tóc Rối* hay *Ngoài Đêm*. Rất có thể, ở một hoàn cảnh sống khác, tôi sẽ say mê chúng.

Riêng về tiểu thuyết tôi tạm coi mình đã lớn vượt tiểu thuyết tiền chiến, nhưng chưa (hay không) đuổi kịp tiểu thuyết mới hay tiểu thuyết phản tiểu thuyết (anti roman). Đây là một mâu thuẫn do tôi, khi quan niệm văn chương có tác dụng sâu xa về đời sống xã hội ?! Bởi lẽ, nếu văn chương thiết yếu nhằm phục vụ đám đông—như văn chương dấn thế (litérature engagée) do Jean-Paul Sartre, Abert Camus chủ xướng; ở Việt Nam, nhóm *Hành Trình, Tiếng Nói*...— thì, trên bình diện nghệ thuật, văn chương cũng phải đạt tới chiều cao tất hữu của nó. Nhưng, khi lên tới chiều cao, văn chương sẽ trở nên lạ mặt với đám đông, ở đây, những người không làm văn chương. Với bút pháp khó hiểu của Williams Faulkner, Alain Robbe Grillet..v.v... ở Việt Nam, một vài truyện ngắn của Thạch Chương, Kiệt Tấn, Nguyễn Nghiệp Nhượng, Duy Thanh v.v... khó thích hợp với trình độ thường ngoạn của đa số.

Tôi thấy thiếu một gạch nối cần thiết giữa người sáng tác và giới thưởng ngoạn. Đúng hơn, giữa hai giới, không thể, qua gạch, nối—nghĩa là cần dẫn giải—đi tới một cảm thông toàn triệt. Bởi, theo Trần Thanh Hiệp, Thái Tuấn, gần đây hơn, Nguyễn văn Trung, Nguyên Sa, một tác phẩm nghệ thuật không có vấn đề giải thích. Giải thích là làm biến trạng đặc chất tác phẩm, là giết chết sáng tạo. Người thưởng ngoạn phải đi vào tác phẩm bằng trực quan mà không bằng suy luận.

Kết lại, văn chương, nói riêng, phải chăng đi từ giá trị tiêu khiển cho giới thượng lưu-ngày xưa, đến chỗ chỉ có giá trị cho chính nó—với các trường phái bí hiểm ngày nay ? Và trong chiều cạnh đó, có thể gọi, văn chương là một phù phiếm ? !

Ý KIẾN BẠN TRẦN BIÊN THÙY
Học viên Nông Lâm Súc Cần thơ, sinh năm 1948

Độc giả bây giờ đọc tiểu thuyết nào là một vấn đề rất bao quát, bởi có nhiều hạng độc giả, độc giả với những nhà văn : Dương trừ La, Hoài diệp Tử... độc giả với những nhà văn : Dương Hà, Tùng Long, Trọng Nguyên... độc giả với những nhà văn : Sơn Nam, Bình nguyên Lộc, Ngọc Linh... độc giả với những nhà văn : Dương nghiễm Mậu, Mai Thảo, Thế Uyên.

(1) Tôi nghĩ ngay : Dương nghiễm Mậu, Mai Thảo, Thế Uyên, Viên Linh (nhưng tôi yêu Viên Linh văn, không hơn Viên Linh thơ). Và gần đây tôi có cảm tình với Nguyễn thụy Long.

(2) Tác phẩm và đời sống của một tác giả lúc nào cũng liên kết và mường tượng trong tôi. Đời sống của một nhà văn, nhất là một nhà văn, thì luôn luôn bao giờ cũng phải trung thực với tác phẩm của mình. Tôi gặp Ngạc trong một trạng thái tâm hồn gần mình nhất. Tôi nghĩ tác giả Tuổi Nước Độc ở vào hoàn cảnh, suy nghĩ, toan tính... tuy cách đây mười mấy năm. Nhưng chính cái mười mấy năm đó làm cho tôi nhận liệu được dung nhan của tác giả và chính mình. Tôi đã nhìn thấy đời sống của Dương nghiễm Mậu. Nhìn thấy đời sống khắc khoải với mình, với đất nước. Tôi nghĩ. Tôi tưởng tượng và tôi ưa ông. Tôi nói nhiều đến Dương nghiễm Mậu bởi ông có một sợi giây vô hình quấn chặt lấy người đọc. Cũng như Thế Uyên, lúc nào và bao giờ cũng gần với thực tại, đời sống lính chiến nhất. Viên Linh làm thơ tôi rất yêu ông. Nhưng đọc văn của Viên Linh, tôi thấy như có ai đánh mất một cái gì. Nghĩ đến Nhã Ca, Thanh tâm Tuyền, tôi cũng biết viết như nghĩ về Viên Linh. Tôi chỉ sợ... có thế thôi. Một hành động. Một sự toan tính. Tất cả cái vụn vặt. Tôi nhận thấy không ai qua Mai Thảo. Mai Thảo có một bồ từ ngữ. Tôi thấy bất cứ lúc nào ông cũng dùng nó làm phương tiện để bắt người đọc nhìn vào bề sâu tác phẩm của ông.

Phần nhiều, tôi không đọc hết các tác phẩm của những tác giả tôi thích. Nhưng tôi theo dõi rất đều rất kỹ các tác phẩm của họ.

Tôi có một nhận xét : Viên Linh, Dương nghiễm Mậu, Mai Thảo, Tạ Tỵ, Thế Uyên. Tất cả những cây viết này có nhiều thay đổi trong năm 1966.

(3) Người ta đã giết văn chương bằng những tạp chí sốt rét ba xu. Những nhà văn được sơn tên tuổi màu đỏ như nhãn hiệu ba tàu, nằm nhan nhản trên sạp báo. Họ nói, họ làm, họ vênh váo, văn chương đã bị mạch lươn rồi. Người đọc mua để thỏa mãn thị hiếu tức thời. Rồi người ta đọc người ta cười (!?). Có lẽ tôi phải nói nhiều. Các nhà văn đó cũng trẻ chứ. Cũng có mặt trên cái đất chiến tranh này chứ.

(4) Như tôi trình bày ở trên. văn chương không có mục đích để giải trí hay có giá trị với chính nó. Văn chương không xoa dịu hay giúp đánh mất thì giờ. Nó đến với tôi và giúp tôi có một sự suy nghĩ để, có thể trở thành.

(5) 10 tác giả tôi ưa thích : Dương nghiễm Mậu, Mai Thảo, Thế Uyên, Thanh tâm Tuyền, Lê Xuyên, Vũ khắc Khoan, Nguyễn mạnh Côn, Viên Linh, Trần phong Giao, Nguyễn thụy Long.

Ý KIẾN CỦA BẠN ÁNH VIỆT

(1) Khi đề cập đến tiểu thuyết Việt Nam, tôi thường nghĩ đến một Khái Hưng (quá khứ) và Võ Phiến, Mai Thảo (hiện tại)

(2) Theo dõi một nhà văn, tôi thường căn cứ vào tác phẩm để qua đó thấy được quan niệm nghệ thuật, lập trường, tư tưởng và lý tưởng phục vụ của tác giả. Nếu có điều kiện, tôi cũng thích tìm hiểu đời sống riêng tư của tác giả vì nghĩ rằng sự tìm hiểu này sẽ bổ ích nhiều cho việc đánh giá, nhận định về tác giả được chính xác hơn và do đó, càng thêm trân trọng quí mến tác giả.

(3) Theo ý tôi, nghệ thuật chiếm lĩnh một vài trò lớn lao hàng đầu trong đời sống văn hóa chính vì nội dung của nó bắt nguồn từ cuộc sống muôn màu, muôn vẻ của xã hội. Mặt khác, chức năng chủ yếu của nghệ thuật là nhận thức hiện thực khách quan, hầu gợi và thỏa mãn mỹ cảm của quần chúng. Đặc biệt, văn chương là một bộ môn quan trọng bậc nhất trong các ngành nghệ thuật vì lẽ rằng với những đặc trưng riêng biệt của nó — tính chất phong phú của đề tài, ngôn ngữ xử dụng, hình thức biểu hiện — nên có đầy đủ khả năng nhạy bén tác động mạnh mẽ và trực tiếp đến tình cảm và lý trí của con người nhằm gây những phản ứng sâu sắc đối với cuộc sống. Đối tượng chủ yếu của văn chương là con người, là cuộc sống với những quan hệ xã hội, ràng buộc, gắn bó mà nhà văn đã sống, đã thể nghiệm để rồi phản ánh vào tác phẩm. Và dù muốn hay không, tư tưởng của tác giả, từ tác phẩm, sẽ chiếu tỏa ra chung quanh để soi sáng hay ru ngủ người đọc. Như đã nói chức năng chính của văn chương là gây nhận thức. Giá trị của nhận thức là khẳng định được cái đẹp, cái tốt, cái mới cũng như cái xấu xa, phản động, thoái hóa. Đồng thời văn chương còn có chức năng thỏa mãn mỹ cảm của con người bởi lẽ những cái đẹp, cái cao thượng, điều thiện chí được biểu hiện một cách tập trung và cụ thể trong tác phẩm văn chương.

(4) Phát xuất từ cơ sở nhận định trên đây, thực trạng tiểu thuyết của Việt Nam hiện đại, nói chung, chưa đáp ứng thỏa mãn yêu cầu chính đáng của quần chúng đọc giả. Ngoài một Doãn quốc Sĩ thường xuyên đốt cháy nhiệt tình yêu nước trong sáng tác nhằm giúp người đọc thêm mến yêu quê hương đất nước ; một Nguyễn mạnh Côn muốn mở rộng cánh cửa lịch sử của lớp trẻ chứng kiến những bộ mặt lừa lọc, gian trá phản bội núp sau chiêu bài giải phóng dân tộc với hy vọng góp phần nâng cao giác ngộ và ý thức trách nhiệm trong từng lớp thế hệ trẻ đối với vận mệnh và tương lai của quốc gia dân tộc ; một Võ Phiến rất đỗi chăm chỉ, thận trọng và say mê len lỏi vào từng ngõ ngách tâm tư quần chúng, nâng niu từng cá tính địa phương, bảo trọng từng màu sắc dân tộc bằng một ngòi bút tinh táo nhưng cảm động, lạnh lùng mà thiết

■ *xem tiếp trang 32*

Mỗi tuần

MỘT VẤN ĐỀ

KINH NGHIỆM VỀ VỰC THẲM TRONG THI CA

(TIẾP THEO VÀ HẾT)

NẾU hái độ tinh thần của con người tư tưởng trước vực thẳm, được kinh nghiệm như một thực tại nội tâm, hàm chứa những giải pháp tích cực và rõ rệt được thu vào những viễn quan chặt chẽ, thì ngược lại, chúng ta chỉ thấy trong văn chương những rung cảm tuy dạo dạt và mãnh liệt mà chỉ uyển chuyển và linh động chứ không khúc chiết, không thể qui kết thành những quan niệm có hệ thống, chỉ để lộ ra những cái nhìn sâu sắc, những trực giác sáng loà, những nhận định táo bạo, song phiếm định. Đấy cũng chính là tính chất phong phú của văn chương, tính cách đa nghĩa đến độ hàm hồ của ngôn ngữ, mà cái hàm hồ ở đây lại mặc khải sắc thái bao dung của ngôn ngữ : muốn diễn tả một cách cô đọng rất nhiều khía cạnh linh động và uyển chuyển của thực tại. Thực tại vực thẳm, thực tại được cảm thấy rất thấm thía chứ không phải được lĩnh hội một cách thấu đáo bằng ý thức, đó là chỗ khác biệt giữa thi sĩ và triết gia. Nhà thơ chỉ thấy thực tại qua rung động của tâm hồn như một lăng kính chiếu vào vạn vật, qua một cảm thông hội hợp đối tượng trong bầu sinh khí của tình người. Rung cảm của thi sĩ chính là một lối nhận thức, nhận thức đặc biệt, ở đó tâm hồn hòa nhập với đối tượng, không có trạng thái phân ly dứt khoát giữa chủ thể và những gì được chủ thể nhận biết. Hơn thế nữa, tâm hồn thi sĩ luôn luôn có khuynh hướng ảo hóa thực tại, người ta bảo là nhà thơ thêu dệt mọi sự, vì chàng thường tô điểm vạn vật bằng những màu sắc độc đáo của tâm hồn sáng tạo nơi chàng. Nói thế để bảo rằng trong văn chương nói chung và trong thơ nói riêng (hình thức tiêu biểu nhất của văn chương), kinh nghiệm về vực thẳm — cũng như bao nhiêu kinh nghiệm khác xảy ra nơi thi sĩ — nhuốm đậm màu tình cảm. Thi sĩ có thói quen tìm cái đẹp trong tất cả, chàng thường coi cuộc đời thiết yếu là một nghệ phẩm, dù nghệ phẩm đó được cấu tạo bằng nhiều yếu tố mâu thuẫn, bởi tâm hồn bao la của chàng hội hợp được và ôm trọn lấy mọi khía cạnh phức tạp của thực tại trong một rung cảm độc nhất ; đó là tính cách hàm dưỡng của những tiếp thụ chủ quan trong lĩnh vực văn nghệ. Như thế, thi sĩ nhìn cuộc đời theo mộng tưởng của chàng và nghệ phẩm tuyệt hích, vẻ đẹp của cuộc đời, có thể chứa chất cả những đắng cay, thê thảm, chết chóc, kinh hoàng, lẫn với hân hoan, say đắm. Điều này có nghĩa là thi sĩ khao khát vô biên, ước vọng không cùng, tự do phóng khoáng đến tột độ. Bằng một rung cảm, và chỉ qua một rung cảm, thi sĩ muốn thu tóm được hết cả vẻ đẹp muôn màu của cuộc đời, trong cái đa sang tạo của hồn chàng. Một hình ảnh đơn sơ như ngọn đèn phụt tắt cũng đủ gợi cho chàng cái chết đột ngột và bi thảm của một bậc anh hùng xuất chúng, và ngược lại, trận cuồng phong tàn phá cả một kinh thành có thể chỉ được chàng cảm thấy mãnh liệt như một hơi rượu bốc mạnh làm tê điếng cả đầu óc lúc chàng say. Cái mâu thuẫn đó chỉ là trạng thái đặc biệt của tâm hồn nhằm « xuyên tạc » thực tại để tái tạo thực tại. Vận động chuyển hóa đó thường được mệnh danh là *ảo thuật của tâm hồn nghệ sĩ*. Bởi vậy, thái độ của thi nhân là thái độ tin yêu, nâng niu và dung hợp thực tại trong tâm hồn chàng. Tin yêu đây là một niềm tin yêu dành cho chính cái chủ quan rung cảm của mình, nâng niu mối xúc động của mình trong đó có chứa đựng một thực tại đã được tô chuốt (để hiện ra với những khía cạnh huyền diệu hơn và tân kỳ hơn thực tại cụ thể bên ngoài). Thế thì vực thẳm như một đối tượng của tâm cảm đã nảy sinh và biến hóa ra sao trong hồn của những nhà thơ ?

« Đến giữa đường đời tôi, tôi thấy mình trong một khu rừng tối tăm, vì tôi đã lạc lối mất rồi. Hỡi ôi ! thật là một điều khó nói làm sao, khu rừng này hoang sơ, khúc khuỷu và rậm rạp biết chừng nào, cứ nhớ tới nó tôi cũng đủ kinh hãi rồi ! Nó khắc bạc đến nỗi cái chết cũng không khắc bạc hơn mấy chút... Tôi chẳng biết phải giải thích tôi đã vào khu rừng đó cách nào, như tôi đang ngủ mê man lúc tôi bỏ xa con đường chính vậy... » Đấy là những câu mở đầu cho tập thơ trường thiên mang tên là « *Divina Commedia* » của Dante Alighieri (1265-1321) thi hào lỗi lạc bậc nhất của nền văn chương Ý Đại Lợi. Những câu thơ đó nói gì ? Nỗi kinh hoàng ngơ ngác của tác giả trước cái không gian u ám trùm lên đời mình lần đầu tiên chứng tỏ nó có một sức mạnh ghê gớm lắm ; mà Dante không biết vì sao và bằng cách nào mình gặp nó ; « như đang ngủ mê man » phải chăng là lời hơ gợi ra tình trạng tâm hồn tê dại, trong trạng thái hỗn loạn không còn phân biệt được chi nữa. Tất cả những yếu tố hợp thành hoàn cảnh đó làm bộc lộ chân tướng của một thực tại mới mẻ và, dưới hình thức sơ khởi, nó là vùng bóng tối trùng trùng, dày đặc, nó là vực thẳm. Dante viết « Divina Comedia » khi đã đứng tuổi, từng trải qua bao nhiêu kinh nghiệm sống, vì ông có khá nhiều kẻ thù chính trị, bởi ông là một người ái quốc, luôn luôn tha thiết với quê hương ; ông lại bị lắm kẻ ghen tài muốn ám hại, và nỗi khổ tâm lớn nhất của ông là ông phải lưu vong vì bị nhóm đối lập cầm quyền truy nã. Tác phẩm của Dante là một ống nợp vĩ đại thể hiện mọi tình cảm và ao ước cũng như kiến thức mà ông thu thập trong đời. Tác phẩm mở ra như một bước hẫng của tâm hồn, một tâm hồn quen thuộc với dòng đời trôi chảy êm đềm thốt nhiên khám phá ra một sự thực khủng khiếp « cứ nhớ tới nó cũng đủ kinh hãi rồi » ! Sự gặp gỡ đột ngột khiến tác giả hoang mang và sợ sệt. Lạc lối vào « nơi buồn bã » đó, tác giả chơi vơi, và ông cố tìm một điểm tựa, một người hướng dẫn. Virgile, thi sĩ La Mã xưa, hiện ra như một cứu tinh. Bởi Dante hết lòng thán phục tác giả « Enéide », tôn làm một bậc thi thần, vậy là Dante coi sáng tạo nghệ thuật như một nguồn an ủi thiêng liêng, một nơi trú ẩn của tâm hồn nhạy cảm, và sau Virgile là Béatrice, « nàng thơ » của ông trong đời sống thực cũng như trong tác phẩm, mối tình đầu từ thời ít,t

ác và cũng là mối tình đích thực độc nhất của Dante. Béatrice lìa trần gian giữa tuổi xuân xanh, và suốt đời Dante, dù có vợ con, ông cũng chỉ nhớ tưởng đến nàng. Linh hồn Béatrice hiện đến trong vùng tối ám, đôi mắt sáng long lanh như sao trời, tiếng nói thơm và dịu ngọt như tiếng nói của thiên thần. Từ đó nhà thơ được hiện thân của tình yêu phò trợ; Béatrice là sức mạnh của một niềm tin vừa cụ thể vừa cao vời. Thế rồi, dưới sự hướng dẫn của Virgile và Béatrice, Dante viếng thăm cùng khắp miền địa ngục, qua thanh giới, và hồn chàng vươn dần đến thiên đường tràn ngập ánh sáng. Cuộc hành trình tinh thần của Dante bắt nguồn từ vùng tăm tối, nơi nhào nặn mọi tâm hồn bằng đau đớn, sầu khổ, tội lỗi và tủi nhục, tiến đến miền ước phúc. Điều đó có ý nghĩa là những tâm hồn lớn phải trải qua những kinh nghiệm đắng cay, chua chát, những khốn đốn, bi thương thực sự thấm thía, rồi mới thấy được ánh sáng chan hòa của tâm hồn trải rộng. Dante vẽ nên mọi khía cạnh phong phú của tâm hồn bằng những hình ảnh sống động, dưới nét uyển chuyển, biến hóa vô cùng của bút pháp thiên tài, một bút pháp đã thể hiện được sự giải phóng con người ra khỏi vòng tù ngục của những đam mê lầm lạc và hướng đến những niềm khao khát lớn lao, mà lớn lao nhất là nỗi thiết tha tuyệt đối bất tử của linh hồn. Đến hết hai miền địa ngục và thanh giới, Virgile, tượng trưng lý trí của con người, đã nhường cho Béatrice, tượng trưng niềm tin được mặc khải bằng tình yêu rạng rỡ, dẫn Dante tới thiên đường cao sáng. Như thế là sau cùng, qua mọi khổ đau trải hết những kinh nghiệm khốn đốn, Dante chỉ còn tin vào tình yêu bất diệt nhưng có thể nói cách khác là *nơi Dante kinh nghiệm đích thực về vực thẳm của tâm hồn phải thiết yếu dẫn đến tình yêu, và ở đây, tình yêu là giá trị độc nhất vượt được thực tại vực thẳm, cứu vớt được con người ra khỏi vực thẳm,*

Tình yêu chớ không phải thù hận, Dante chỉ ca ngợi tình yêu, và bộc lộ, và mô tả, và thể diễn niềm tin không lay chuyển ở tình yêu, ngay từ những thi khúc đầu tiên, cho đến cuối cùng tác phẩm «Divina Commedia». Khác hẳn ông, nhà thơ viết kịch trứ danh của Anh quốc, William shakespeare (1564-1616) đã tạo ra một thế giới đầy thù hận trong các kịch phẩm lớn của ông. Tất cả bi kịch của Shakespeare đều phảng phất bóng dáng của định mệnh qua những ám ảnh của những nhân vật chính, dần dần thể hiện thành hành động, trở nên thê thảm. Từ « *Hamlet* » với mối thù phải trả và những day dứt về cuộc sống, những bí ẩn tối tăm cần giải tỏ, khiến nhân vật chính, chàng hoàng tử Hamlet, phải lìa đời bằng một ly rượu độc, cùng với kẻ đã giết cha chàng, và đem sang bên kia thế giới cả một dĩ vãng u ám đầy những nỗi phiền muộn, cay đắng và những xung đột nội tâm thầm thẳn ; tác giả dẫn mọi người đến « *Othello* » trong đó cái chết của Othello chỉ là một cuộc tự vẫn của kẻ biết mình lầm lỗi, ngộ nhận, nghi ngờ lòng trung thành của vợ nên đã giết oan nàng, và kết thúc đời mình để thục tội, một thứ tội không hoàn toàn do chàng mà do mưu kế của một đệ tam nhân – gần như hiện thân của định mệnh tàn khốc, với « *Macbeth* » ảo tưởng của một viên đại quan đủ là đầu mối của một cuộc ám sát thê thảm và sau cùng đưa đến cái chết của chính viên quan Macbeth, kẻ thí vua vì tưởng mình thật sự đủ khả năng và quyền lực thay vua mà trị vì muôn họ ; tham vọng và mưu chước đều không cưỡng lại được định mệnh. Macbeth còn mang thêm tội lớn với nhà vua, cố tình chiếm ngôi mà rút cục không ngồi được bao lâu trên ngai vàng và bị giết, tức là mang tội với chính mình bởi đã tự đẩy mình vào chỗ chết. Những vở «King Lear» hay «Henry VI» không kém thê thảm. Tựu chung, qua tất cả những bi kịch lớn của Shakespeare, người ta có thể thấy định mệnh đè lên nhân vật, như một gánh nặng, quá nặng, làm gãy gập lưng kẻ phải gặp gỡ nó và phải mang nó. Tại sao Romeo và Juliet không được thỏa lòng yêu thương nhau ? Hai dòng họ cừu địch không cho phép con cháu kết hợp với nhau, ngăn trở đến cùng và đưa cả hai đến chỗ chết. Cái chết đến với các nhân vật của Shakespeare như giải pháp cuối cùng của họ hoặc như phán đoán, tối hậu của định mệnh khắc nghiệt dành cho họ. Họ thấy vực thẳm ngang trong cuộc đời, ngay trong tình yêu, nó ngăn cách họ và chia biệt họ với nhau và với mọi người : mỗi cá nhân là ngõ cụt của chính mình, không lối thoát, vô hy vọng cuộc đời và phải đảm lĩnh lấy nỗi hiểm nghèo của cuộc sống nơi mình, đang chờ đợi ở đầu kia của đoạn đường ngắn ngủi là sự tồn tại của mình. Shakespeare tiếp nối, dù ông không biết thế, cuộc hành trình văn nghệ của Eschyle và Sophocle hai nhà bi kịch lớn của Hi Lạp thời thượng cổ. Trong kịch phẩm Eschyle những nhân vật như Prométhée Agamemnon, Oreste đều là những khuôn mặt cô đơn đi tìm chân lý, dưới những hình thức khác nhau, nhưng cùng chung định mệnh, thường

tiểu luận của

nguyễn nhật duật

bị hành hạ (Prométhée), bị thù ghét (Agamemnon) bị săn đuổi (Oreste). Đi xa hơn nữa, những nhân vật của bi kịch Sophocle là tượng trưng cho tinh thần thiết tha yêu sự thật, trong sự công bình nhân đạo, nhưng lại bị hắt hủi và xử tội (Antigone), bị thần linh trừng trị hay tự trừng phạt (Oedipe Roi), bị áp bức (Philoctète). Nơi bi kịch của Sophode, những mối xung đột, căng thẳng, làm bộc lộ hoàn cảnh bi đát của cá nhân bị cưỡng đoạt quyền quyết định về thân phận mình; đó là định mệnh dưới những hình thức: nhà nước, thượng cấp, quần chúng, vân vân. Vực thẳm chính là cái hố sâu ngăn cách ý thức nhân bản và thực tế, là khoảng tối tăm bất trắc mà cá nhân không thể vượt được để đạt đến chân lý của đời mình bằng tự do hành động.

Trở về với những thời gần chúng ta hơn, tìm trong kịch phẩm của Racine (1639-1699), cũng có thể khám phá ra khuôn mặt bi đát của cuộc đời qua « *Phèdre* ». Nhân vật tội lỗi, người đàn bà mang tên Phèdre, đã cướp chồng của chị và bỏ rơi người chị Ariane đáng thương trên hoang đảo, rồi sau đấy, khi đã làm vợ Thésée, Phedre còn tìm cách quyến rũ con trai của chồng là Hippolyte. Đến lúc sự thật bị tiết lộ, sau khi nàng đã xúi chồng giết đứa con yêu bằng những lời vu cáo cho Hippolyte chỉ vì nàng bị cậu thanh niên cự tuyệt, Phèdre lúc này mới kiểm điểm lại đời mình đầy đầy tội ác, thấy hiển hiện cả một quá khứ mờ ám và tương lai đen tối. Vực thẳm hiện ra như một thực tại không thể chối cãi, như một hình phạt và như một chỗ trú cuối cùng dành cho một tâm hồn vẩn đục, vì nàng còn biết ẩn mình nơi đâu khác nữa, khi sự thật đã rõ ràng, khi Thésée đã hiểu mối oan tình của Hippolyte. Nàng kêu lên : « Où me cacher ? Fuyons dans la nuit infernale... » (*Phèdere*, IV, 6). Nàng kinh sợ ánh sáng, ánh sáng phơi trần sự thật, ánh sáng chiếu rơi vào dĩ vãng của

■ xem tiếp trang 21

người hành khách thường trực

CON tàu vẫn đều đều lướt tới như một con thú điên khùng ngày đêm băng mình chạy về phía trước không biết mệt.

Người khách trầm lặng ngồi nghiêng người tựa cằm lên cánh tay tì trên mép khung cửa sổ toa tàu đăm đăm nhìn ra ngoài. Sau một đêm ngủ gà ngủ gật trên con tàu lắc lư xình xịch, các hành khách đều lần lượt uể oải thức dậy với một ngày hành trình tiếp nối. Ánh mặt trời nhiệt đới ban mai chan hòa trên cảnh vật còn ẩm ướt sương đêm. Cột điện thoại, rừng cây, bãi cỏ băng băng tiếp nhau chạy lùi về phía sau, nhỏ dần rồi mất hút. Những ngày, những tháng, những năm và những kỷ niệm của đời người cũng lùi xa trong ký ức như vậy. Thỉnh thoảng, người khách lơ đãng quay nhìn vào trong tàu. Những bộ mặt lờ đờ mệt mỏi thiếu sinh khí và xa lạ. Có người vẫn ngửa đầu tựa vào thành tàu, mắt nhắm nghiền tiếp tục ngủ thêm đôi chút. Có người mở mắt nhìn lơ mơ vào khoảng không. Có người nhá bánh mì lót dạ. Những tiếng trao đổi ngắn ngủi rời rạc giữa vài người. Thỉnh thoảng tiếng khóc của trẻ con nổi lên. Người khách hết quan sát bên trong lại nhìn ra ngoài cửa tàu đăm đăm nhìn cảnh vật và suy nghĩ.

Bỗng cùi tay người bên cạnh thúc vào hông một cái, người khách vẫn không quay lại vì nghĩ rằng có lẽ người ta sơ ý chạm phải đó thôi, trên tàu chật chội, những sự đụng chạm sơ ý xảy ra rất thường hơi đâu mà chú ý. Nhưng cùi tay của hai người hai bên đều thúc vào đồng thời một người khác vỗ vỗ vào đầu gối vừa gọi : « Này anh kia ! » người khách trầm lặng biết chắc rằng người ta muốn hỏi mình điều gì nên mới quay đầu lại. Khi thấy trước mặt mình là một người đàn ông bận đồng phục ka ki, đầu đội mũ lưỡi trai gắn huy hiệu hỏa xa, anh bèn quay cả người vào bên trong ngay ngắn đối diện với nhân viên nầy và mở to mắt vừa lộ vẻ ngạc nhiên vừa như muốn hỏi « ông hỏi gì tôi ?». Nhân viên nọ thấy anh trố mắt nhìn ngơ ngác có vẻ không hiểu gì nên nói cộc lốc :

— Cho xem vé tàu.

Anh hơi lấy làm lạ vì không ngờ người ta lại hỏi vé tàu một cách thình lình như vậy. Anh có để ý gì đến vấn đề nhỏ nhặt nầy đâu. Từ ga khởi hành cuộc hành trình, hình như anh cũng theo chân những người khác sắp hàng trước một cái cửa lưới nhỏ, đút tay vào một cái lỗ vuông đưa tiền cho một người ngồi bên trong mua một tấm vé bằng giấy bìa cứng nhỏ màu xanh in chữ đen. Anh cầm trong tay đi ra cửa. Thấy những người trước anh đưa vé cho nhân viên hỏa xa gác cửa để bấm một lỗ bằng chiếc kềm đặc biệt mới được ra sân ga, anh cũng tự động làm y hệt như vậy, nhưng không nhớ mình có chờ lấy lại cái vé ở tay người gác cửa sau khi bấm xong không. Và nếu đã lấy lại rồi thì không biết có còn giữ không hay đã vô ý bỏ rơi lúc nào rồi. Nếu cất thì không rõ mình đã cất ở đâu. Anh loay loay sờ túi trên, đút hai tay vào hai túi quần bóp bóp từng chỗ lặt vặt xem có chiếc vé bằng bìa cứng nhỏ nhỏ cỡ hai ngón tay không, nhưng không thấy có một vật nào tương tợ như vậy cả. Anh cũng hơi lấy làm lạ cho mình.

Người soát vé tỏ vẻ sốt ruột, mắt hơi long lên đầy vẻ tức bực, tay trái chìa ra chờ đợi, tay phải cầm cái kềm nhắp mấy cái « rốp, rốp, rốp ». Thấy người hành khách trẻ tuổi nầy loay hoay mãi, không thể kiên nhẫn chờ đợi lâu hơn, người soát vé lên tiếng hỏi :

— Vé đâu, đưa coi mau lên.

Người khách trầm lặng vừa ngước mắt nhìn người soát vé với vẻ dò xét vừa tiếp tục dùng hai tay lục lọi khắp người,

Người soát vé thấy vẻ bối rối của người hành khách có vẻ khả nghi bèn nói :

— Anh không mua vé hả ? Đi cọp phải không ? Đừng dối quanh nữa mất thì giờ.

Người hành khách quắc mắt nhìn viên soát vé với vẻ hằn học vì bị chạm tự ái giữa đám đông lạ mặt, líu lưỡi xẵng giọng đáp :

— Sao lại không ? Chờ tôi tìm đã. Tôi bỏ lạc đâu đây chứ ai thèm đi cọp.

Người soát vé hỏi :

— Anh lên từ ga nào ? Anh đến ga nào ?

—Tôi khởi hành ở một ga xép vào lúc nửa đêm khi hôm, tôi không nhớ tên ga nào, tôi mua vé đường dài và chưa biết sẽ xuống ga nào.

Người soát vé trợn mắt nhìn anh ta quay mặt đảo một vòng nhìn các hành khách xung quanh và nói lớn như phân bua :

truyện của

đinh hoàng sa

Những tiếng nguyền rủa than van không ngớt. Con tàu như một địa ngục di động trên đường sắt. Con người những lúc đó tồi tàn không khác nào lũ súc vật bị nhốt chung trong một chuồng. Anh cảm thấy mệt mỏi chán chường quá. Cuộc hành trình thật là vất vả và kinh khủng quá sức chịu đựng. Những lúc này anh chỉ muốn chui ra khỏi đám đông ngột ngạt, xuống ngay một ga nào gần nhất dù là một ga xép tồi tàn giữa chốn rừng thiêng nước độc, nơi lưu đày các phạm nhân hay nơi cư ngụ của một bộ lạc người thượng cũng được. Nhưng không có cách nào thoát ra khỏi chỗ mình nằm. Anh đành cam lặng chịu đựng.

Sau một đêm nặng nề phờ phạc lúc mê lúc tỉnh, khi ánh nắng ban mai rực rỡ bên ngoài, anh thấy dễ thở hơn vì trong toa đã thưa người. Trong đêm tối con tàu đã nhả dần một số hành khách xuống các ga lớn ga nhỏ. Ánh mặt trời đem lại cho niềm hy vọng. Bây giờ anh không còn ý định rời khỏi con tàu một cách vội vã nữa. Đối với anh bây giờ hãy còn sớm chán, anh chưa cần để ý đến chuyện xuống một ga nào trừ trường hợp quá ư bất đắc dĩ. Anh muốn có nhiều thì giờ thư thả để nhìn ngắm và suy nghiệm đã. Cuộc hành trình chỉ một lần. Anh phải hết sức thận trọng trong việc chọn một ga khác vừa ý để xuống mới hy vọng đỡ ân hận phần nào về sau.

Một đêm anh đang thiu thiu ngủ bỗng giật mình vì những lời to tiếng ở cuối toa.

Ngọn đèn gắn trên trần tàu quá nhỏ so với chiều rộng và chiều dài của toa tàu nên ánh sáng quá mờ nhạt không đủ soi rõ mặt hai người đối diện bên này và bên kia thành toa tàu. Người ta gắn đèn trên trần tàu không phải để cho hành khách xử dụng thong thả như ở nhà mà chỉ để cho đỡ tối một chút thôi. Vì thế anh chỉ nghe rõ tiếng mà không thấy rõ người nói.

■ xem tiếp trang 28

— Anh nầy lạ chửa ? Không biết mình khởi hành từ ga nào và cũng không biết sẽ xuống ga nào thế mà cũng đòi đi xe lửa. Hỏi vé thì ú ớ không có.

Thế mà còn cãi là không phải đi cọp. Hay là vừa trốn ra khỏi dưỡng trí viện nào đây rồi chứ gì ? Rồi ông ta cười ha ha đầy vẻ mỉa mai.

Người hành khách mặt mày tái ngắt và bối rối chống chế :

— Ông nầy hay nhỉ ? Tôi nói sự thật mà ông không tin à ! Tôi lên từ ga nao và tôi sẽ xuống ga nào chính tôi cũng không rõ làm sao ông đòi biết được ? Miễn là tôi có vé thì thôi can gì đến ông mà ông lắm lời thế.

— Vậy thì vé đâu nãy giờ chờ mãi không thấy mà còn gân cổ lên cãi ? Co mau đưa đây xem nếu không tôi tống cổ xuống ngay bây giờ cho xem. Tôi đâu phải đứng đây mãi chờ anh.

Tất cả những cặp mắt xung quanh đều đổ dồn vào nhìn anh ta vơi vẻ lo âu hồi hộp cho một kẻ đồng hành lạ lùng đang thương hại.

Anh ta cố bình tĩnh đáp liều :

— Thì thong thả chờ người ta tìm đã chứ. Làm gì mà rối lên thế !

Vừa nói anh ta vừa lôi tuột cả mớ linh tinh trong túi quần ra. Anh ta mở chiếc khăn tay tìm kiếm. Bỗng mắt anh mở thao láo nhìn chăm chăm vào giữa một chỗ gấp. Thì ra tấm vé đã lọt vào nằm giữa chiếc khăn tay xếp nhỏ từ luc nao, hay anh ta đã cẩn thận nhét vào đây mà không nhớ cũng nên. Anh ta từ từ thọ hai ngón tay vào nhón cái vé ra đưa lên cao trước mặt người soát vé và đồng thời như để dành tan nghi ngờ của mọi người :

— Đây, nó nằm trong nầy mà tìm mãi không thấy chứ tôi có gian dối gì đâu. Chưa chi mà đã kết tội người ta lung tung.

Người soát vé vừa đưa kềm vào bấm một lỗ nhỏ hình ngôi sao bốn cạnh lên tấm vé vừa nói lai nhải :

— Lần sau anh nên cầm sẵn vé mỗi khi có nhân viên đến kiểm soát là đưa ra ngay để khỏi mất thì giờ và tránh những lôi thôi đáng tiếc. Tôi đâu có làm việc cho một mình anh trên tàu nầy mà bảo tôi cứ đứng chờ cả giờ được. Anh phải hiểu cho điều đó.

Khi người soát vé trả lại vé cho anh ta và đi qua người khác, anh ta còn nói với theo :

— Bất cứ người nào bước lên tàu hành trình dù ngắn dù dài đương nhiên là phải lo một tấm vé rồi. Cần gì phải kiểm soát lôi thôi thêm phiền cho hành khach. Đó là một sự mạ lỵ không thể chịu đựng được.

Rồi anh ta đảo mắt nhìn những người xung quanh hỏi đồng :

— Có phải vậy không quí vị ?

Hỏi xong anh ta im bặt như chờ đợi một lời biểu đồng tình hay phản đối dù lúc thốt ra câu hỏi anh không chú ý mong câu trả lời của một ai. Nhưng tất cả đều im lặng. Không ai chú ý gì đến những lời anh nói. Chỉ có vài cặp mắt thờ ơ nhìn anh xa lạ. Sự im lặng uể oải lười nhác và lạnh lùng. Mọi người ăn, sống vui, buồn, xê dịch rồi chết tự nhiên và an phận chứ đâu có ai bận tâm suy tư thắc mắc như anh. Đó là niềm yên lặng của sa-mạc làm anh thấy mình lạc lõng và cô độc giữa những kẻ đồng hành. Anh đang chìm lỉm dưới đáy biển sâu của niềm yên lặng đó. Anh là người tỉnh giữa những kẻ ngủ say hay anh là người điên giữa những kẻ bình thường ? Sự sáng suốt của anh có ích gì cho anh hay cho ai đâu ! Nó chỉ làm anh thấy rõ nỗi bi thảm thân phận mình. Chỉ làm anh e dè sợ sệt trước cuộc đời. Nó là một vực thẳm ngăn cách với người chung quanh. Thực ra anh vẫn khao khát niềm thông cảm và sự gần gũi để lấp bớt khoảng trống ghê rợn trong hồn.

Để che đậy nỗi sượng sùng do niềm yên lặng khó chịu mà anh đã vô tình khơi ra, anh khẽ thở dài và lặng lẽ quay mặt nhìn ra cảnh vật bên ngoài. Cây cỏ đất đá không hề khơi cho anh nỗi sượng sùng nào mà thường làm tâm hồn anh lắng dịu và thoải mái nhiều.

Con tàu vẫn lướt đi và thỉnh thoảng dừng lại một ga trong chốc lát. Một số hành khách lặng lẽ bước xuống. Một số hành khách mới vội vã leo lên ngơ ngác loay hoay tìm chỗ ngồi. Nhiều khi có vài hành khách chưa kịp tìm chỗ ngồi, còn đứng xớ rớ thì con tàu đã thét còi chuyển bánh trườn tới. Có người vô ý bổ nhào trên sàn tàu. Những người đã có chỗ ngồi đường hoàng phần nhiều đều thích thú cười rộ. Anh không thấy đáng cười chút nào mà còn tỏ vẻ ái ngại. Tại sao anh không thể hòa mình vào những thích thú chung của mọi người để cuộc hành trình đỡ tẻ nhạt nặng nề phần nào ? Người khách bị té thường lồm cồm đứng dậy với nét mặt sượng sùng và ánh mắt căm hận. Nhưng rồi cuối cùng hắn ta cũng tìm ra một chỗ ngồi dù rất khiêm nhượng. Vào những ngày cuối năm quá đông khách, tàu chật ních cả người. Tới mỗi ga khách xuống thì ít mà khách lên thì nhiều. Nhưng rồi vẫn đủ chỗ cho mọi người tuy mỗi người phải đứng có một chân. Tiếng cãi cọ gây gỗ nhau chí chóe. Tiếng con nít khóc thét vì ngộp thở. Có người phải vào cả trong phòng vệ sinh để có một chỗ đứng tạm bợ. Có người lỡ đau bụng cũng không có cách nào chen chân đi đâu. Mùi hơi người, mùi xú uế xông ra nồng nặc.

phận người

nguyên tác ANDRÉ MALRAUX ☐ bản dịch TÔ THÙY YÊN

— 8 —

Mười phút sau khi rời Kyo, Katow, băng qua những hành lang, vượt qua những cửa xép, đến một căn phòng trắng, trống, chiếu sáng bằng những ngọn đèn bão. Không có cửa sổ. Dưới cánh tay của gã Tàu đã mở cửa cho ông, năm cái đầu cúi xuống chiếc bàn nhưng tia nhìn hướng về ông, hướng về cái dáng dấp cao quen thuộc đối với tất cả những toán xung kích : đôi chân dang ra, cánh tay đong đưa, áo va-rơ không gài nút cổ, mũi ở trên không, tóc chễnh mảng. Họ đang tập xử dụng lựu đạn các loại khác nhau. Đó là một *tchon* – một trong những tổ chức chiến đấu cộng sản mà Kyo và ông đã thành lập ở Thượng Hải.

— Bao nhiêu người đã ghi tên ? ông hỏi,

— Một trăm ba mươi tám, một gã Tàu trẻ nhất, một thiếu niên đầu bé, trái cổ rất nổi lộ và đôi vai xuôi, mặc theo lối thợ thuyền, trả lời,

— Nhất thiết phải có cho tôi mười hai người trong đêm nay.

« Nhất thiết » xuất hiện trong tất cả các ngôn ngữ mà Katou nói.

— Bao giờ.

— Bây giờ,

— Tại đây ?

— Không: ở trước cầu tàu Yên Tang.

Gã Tàu ra chỉ thị ; Một trong những người đó ra đi.

— Họ sẽ có ở đấy trước ba giờ, gã thủ lãnh nói,

Vì đôi má hóp, thân hình lớn gầy của gã, gã có vẻ rất yếu đuối ; nhưng sự chuyển âm của giọng nói, sự bất động của những bắp thịt trên khuôn mặt chứng tỏ cho một ý chí hoàn toàn dựa vào khí phách.

— Việc huấn luyện ? Katow hỏi.

— Về lựu đạn, được rồi. Tất cả các đồng chí bây giờ đã biết hết các loại lựu đạn của ta. về súng lục – những khẩu Nagan và Mauser thì đúng hơn — cũng được rồi. Tôi huấn luyện họ với những viên đạn rỗng, nhưng phải có thể bắn mã tử... Tôi không có thì giờ đưa họ ra ngoài đồng trống...

Trong từng căn phòng (bốn mươi căn phòng tất cả) hiện sửa soạn cho cuộc khởi nghĩa, vấn vấn đề đó được đặt ra.

— Không đủ đạn dược. Có lẽ nó sẽ đến ; hiện giờ, ta không nên bàn tới nữa. Còn súng ?

— Cũng được đi. Khẩu đại liên làm tôi lo ngại, nếu ta chẳng bắn thử một ít.

Trái cổ của gã lên và xuống dưới làn da, mỗi lần gã trả lời. Gã nói tiếp .

— Điều nữa, chẳng có cách nào có thêm một ít vũ khí sao ? Sáu súng trường, mười ba súng lục, bốn mươi hai lựu đạn có thuốc nổ ! Một trong hai người không có súng.

— Ta sẽ đi lấy của những kẻ có súng. Có thể nay mai ta sẽ có súng lục. Nếu là trong ngày mai, bao nhiêu người trong phân bộ của cậu chưa biết xử dụng súng ?

Gã đàn ông suy nghĩ. Sự chú ý làm cho chàng có vẻ lơ đãng. « Một gã trí thức », Katow nghĩ,

— Khi nào ta đã tước súng của cảnh sát ?

— Nhất thiết.

— Hơn một nửa số.

— Còn lựu đạn ?

— Tất cả đều biết xử dụng, và rất giỏi. Tôi có đây ba mươi người là họ hàng của những người bị hành quyết hồi tháng hai... Tuy nhiên nếu như...

Hắn ngần ngừ, chấm dứt câu nói bằng một cử chỉ mơ hồ. Bàn tay méo mó, nhưng mịn mỏng.

— Nếu như sao ?

— Nếu như những tên bỉ ổi đó không dùng chiến xa chống lại ta.

Cả sáu người cùng nhìn Katow.

— Điều đó chẳng hề gì, ông đáp. Cậu lấy lựu đạn, cột sáu quả lại với nhau, và cậu quăng chúng dưới chiến xa. Cùng lắm, các cậu có thể đào những hầm hố, ít ra theo một nghĩa nào đó. Các cậu có dụng cụ chớ ?

— Rất ít. Nhưng tôi biết chỗ lấy những thứ đó.

— Cho trưng dụng những chiếc xe đạp ; ngay khi khởi sự, mỗi phân bộ phải có liên lạc viên của mình, ngoài liên lạc viên của trung ương.

— Anh có chắc là những chiến xa sẽ nổ tung không ?

— Nhất thiết. Nhưng cậu chớ lo ngại : những chiến xa sẽ chẳng rời bỏ trận tuyến đâu. Nếu chúng rời bỏ trận tuyến, tôi sẽ tới với một đoàn đặc công. Đó là nhiệm vụ của tôi.

— Nếu chúng tôi bị đột kích bất thần ?

— Những chiến xa, thứ đó trông thấy được chớ : ta có những quan sát viên ở bên cạnh. Cậu hãy lấy một thùng lựu đạn, giao cho mỗi người một thùng, cho ba hay bốn người mà cậu tin chắc...

Tất cả mọi người trong phân bộ đều biết rằng Katow bị xử tù giam sau vụ Odessa tại một trong những ngục thất ít khắc nghiệt nhất, đã yêu cầu tình nguyện đi theo kẻ vô phúc bị gởi đến mỏ chì, để huấn luyện họ.

Họ tin tưởng nơi ông, nhưng họ vẫn lo ngại. Họ không sợ súng, không sợ đại liên, nhưng họ sợ chiến xa,

họ tưởng mình như bị giải giới trước những chiến xa. Ngay cả trong gian phòng này nơi đã chỉ quy tụ toàn những người tình nguyện hầu hết họ hàng của những người bị hành quyết, chiếc chiến xa vẫn thụ hưởng sức mạnh của yêu quái.

— Nếu chiến xa đến, các cậu chớ lo ngại, chúng tôi sẽ có ở đấy, Katow nói tiếp.

Làm sao đi ra sau lời nói vô ích đó ? Hồi chiều, ông đã đi thanh tra chừng mười lăm phân bộ, nhưng ông đã chẳng gặp nỗi sợ. Những người này chẳng phải ít can đảm hơn những người khác, nhưng chính xác hơn. Ông biết ông sẽ chẳng thể giải thoát họ khỏi nỗi sợ, ngoại trừ những viên đặc công mà ông chỉ huy còn những toán quân cách mạng sẽ bỏ chạy trước những chiến xa. Có lẽ những chiến xa sẽ không thể rời bỏ trận tuyến ; nhưng nếu chúng vào đến thành phố, thì chẳng thể chận đứng tất cả chúng lại bằng hầm hố, trong những khu phố chằng chịt nhiều ngõ hẻm như vậy.

— Nhất thiết các chiến xa sẽ không rời bỏ trận tuyến, ông nói.

— Phải cột những quả lựu đạn lại như thế nào ? Một gã Tàu trẻ nhất hỏi.

Katow chỉ dạy cách thức cho hắn. Không khí trở nên bớt nặng nề hơn, tưởng chừng sự luyện tập xử dụng đó đã là đảm bảo của một chiến thắng. Katow lợi dụng điều đó để ra đi. Một nửa số người sẽ chẳng biết xử dụng vũ khí của họ. Ít ra ông cũng có thể tin cậy ở những người mà ông đã thành lập những toán chiến đấu có nhiệm vụ giải giới cảnh sát. Ngày mai. Nhưng ngày kia ? Quân đội tiến tới, đến gần từng giờ, trông cậy ở sự nổi dậy của thành phố. Có thể nhà ga cuối cùng đã bị chiếm đóng rồi cũng nên. Khi Kyo trở về, có thể họ sẽ biết tin đó tại một trong những trung tâm thông tin. Gã bán đèn chỉ được thông báo sau 10 giờ.

Katow chờ trong một ngõ hẻm, không ngừng bước ; cuối cùng Kyo đến. Họ cho nhau biết những gì họ đã làm. Họ tiếp tục cuộc hành trình của họ trong bùn, trên những đế giày nhựa, từng bước một : Kyo nhỏ và dẻo như một con mèo Nhật, Katow đong đưa đôi bờ vai. Những đạo quân tiến tới, súng ống sáng ngời nước mưa, hướng về Thượng Hải hung đỏ trong tận cùng đêm tối. Sự tiến tới của chúng đã bị chận đứng rồi chăng ?

Ngõ hẻm họ bước đi, ngõ hẻm đầu tiên của thị trấn Trung Hoa, là ngõ hẻm của những người bán súc vật vì lẽ nó tiếp cận với những ngôi nhà Âu Châu. Tất cả những căn tiệm đều đóng cửa : chẳng có con thú nào ở bên ngoài, và chẳng tiếng kêu nào làm vẩn đục sự yên lặng, giữa những tiếng còi tàu réo gọi và những giọt nước cuối cùng rơi từ trên những mái ngói cong cong hình sừng xuống những vũng bùn. Những con vật ngủ yên. Họ bước vào, sau khi đã gõ cửa, một trong những căn tiệm : căn tiệm của một người bán cá kiểng. Ánh sáng duy nhất, một ngọn nến cắm trong một chiếc đèn rọi của phu mỏ, phản ánh yếu ớt trong những chiếc bình lân tinh xếp hàng như những chiếc bình của Ali-Baba, và là nơi yên ngủ, không nhìn thấy, những con cá chép Tàu khét tiếng.

— Ngày mai ? Kyo hỏi.

— Ngày mai ; lúc một giờ.

Trong cùng của căn phòng, sau một quầy hàng, một nhân vật mơ hồ đang ngủ yên trong khuỷu tay xếp lại của hắn. Hắn chỉ hơi ngẩng đầu lên để trả lời. Tiệm buôn này là một trong tám mươi phòng trực của Quốc Dân Đảng, nơi chuyển tiếp các tin tức.

— Chính thức ?

— Vâng. Quân đội hiện ở Tcheng. Tchéou. Tổng đình công lúc mười hai giờ trưa.

Trong khi chẳng có gì thay đổi trong bóng tối, trong khi gã thương gia thiu thiu trong cùng ngăn ổ của hắn, chẳng làm một cử động nào, bề mặt lân tinh của tất cả các chiếc bình bắt đầu lay động yếu ớt ; những lượn sóng đen mềm, xoáy tròn, nổi dậy trong im lặng ; âm thanh của những giọng nói đánh thức những con cá. Một tiếng còi tàu lại mất đi nơi xa.

Họ bước ra, tiếp tục cuộc hành trình của họ. Lại đại lộ Luỡng Cộng Hòa.

Tắc xi. Chiếc xe rồ máy với nhịp độ của cuốn phim. Katow, ngồi ở bên trái, nghiêng mình, chăm chú nhìn gã tài xế.

— Hắn *nghiện* (1). Uống thật. Tôi nhất thiết không muốn bị giết chết trước chiều mai. Hãy bình tĩnh, cậu bé !

— Clappique sẽ cho chiếc tàu tới, *Kyo* nói, những đồng chí làm ở những kho quân nhu của chánh phủ có thể cung cấp cho ta những bộ quần áo cảnh sát...

— Vô ích. Tôi hiện có hơn mười lăm bộ ở phòng trực.

— Ta nên lấy chiếc tàu tuần với mười hai gã của anh.

— *Không* có cậu thì hay hơn...

Kyo nhìn ông chẳng nói gì.

— Chẳng nguy hiểm lắm đâu, nhưng cũng chẳng phải là chỗ nghỉ ngơi, cậu thấy rõ chớ. Nó nguy hiểm hơn là tên tài xế ma gà này đang lấy lại tốc lực đây. Và cũng không phải lúc để cậu bị hạ ngã.

— Anh cũng chẳng được để bị hạ ngã nữa

— Chuyện chẳng phải vậy đâu. Tôi, người ta có thể thay thế tôi, bây giờ, cậu hiểu... Tôi thích giá cậu chỉ nên lo về vụ chiếc cam nhông sẽ ngừng đợi, và về việc phân phối.

Ông ngần ngừ, lúng túng, bàn tay đặt trên ngực. « Phải để cho hắn tìm hiểu lấy » ông nghĩ. *Kyo* chẳng nói gì. Chiếc xe tiếp tục chạy nhanh giữa những sọc ánh sáng bị phủ mờ bởi sương mù. Điều có lợi hơn là *Katow* không ám muội : Ủy Ban Trung Ương biết rõ chi tiết về những gì chàng đã tổ chức, nhưng trên giấy tờ, còn chàng, chàng am tường thành phố như chính da thịt mình, với những yếu điểm của nó như những vết thương. Không đồng chí nào của chàng có thể phản ứng nhanh chóng như chàng, chắc chắn như chàng.

Ánh sáng càng lúc càng nhiều hơn... Lại những chiếc cam nhông bọc sắt của các nhượng địa, rồi, một, lần nữa bóng tối.

Chiếc xe ngừng lại. *Kyo* bước xuống.

— Tôi đi tìm những bộ quần áo cũ, *Katow* nói. Tôi sẽ cho đón cậu khi tất cả đã sẵn sàng.

---

(1) Bằng tiếng Việt trong nguyên tác.

■ Còn nữa

---

sắc đẹp bảo vệ

HẠNH PHÚC TƯƠNG LAI

Ngày tân hôn, chàng là một thanh niên tuấn-tú, nàng là một thiếu nữ diễm kiều.

Họ sánh vai nhau như đôi Loan, Phượng.

Thế mà sau 5 năm hương lửa, trải qua vài lần sanh nở, xuân sắc của nàng đã đứng chựng để bắt đầu đi lùi vào sự tàn phai.

Bây giờ, khi vai sánh vai, người ta không còn thấy ở chàng và nàng sự xứng đôi vừa lứa nữa.

Sự già nua này đe dọa hạnh-phúc tương lai của nàng 1 cách khủng khiếp...

Thế nên, người phụ nữ muốn nắm giữ hạnh-phúc tương lai của mình, ngoài yếu tố hạnh kiểm thì sự bảo vệ sắc đẹp vẫn là yếu tố vô cùng quan trọng.

Muốn bảo vệ sắc đẹp lâu dài thì ngay từ thanh xuân đến khi nên chồng vợ, lúc nào : về sức khoẻ thì năng tập thể dục, về sắc đẹp thì nuôi dưỡng làn da luôn luôn tươi mịn, không tàn nhang, vết nám ; không mụn sần, quầng đỏ, không khô khan, nhăn, nhờn v.v... với CRÈM THORAKAO

CRÈM THORAKAO lại có sẵn phấn để thường ngày trang điểm đẹp để dản-dị, đồng thời cũng chống được nắng

1

Ông cho tôi một tấm vé tầu
Đi suốt con đường nào còn chạy được
Dẫu tới phương Tây về hướng Đông hay cực Bắc
Miễn làm sao
Cho tôi một tấm vé tầu
Rời khỏi nơi đây.

2

Tôi không mang theo hành lý
Dù chỉ nặng hai mươi cân
Nhưng nếu bỏ tôi trong một chiếc hòm
Và xếp được vào xó toa vật dụng
Cho tim tôi không đập mau
Quá tám mươi lần mỗi phút
Thì cứ ghi
Tầu có mang theo
Năm mươi cân hành lý
Của một người sẽ nhận ở ga sau

Tên tuổi sẽ tùy
Phía nào ra kiểm soát.
Ông cho tôi một tấm vé tầu
Khởi hành đêm nay ngày mai hay sáng mốt
Bất kể về đâu.

3

Nhưng mọi chuyến đi đều bãi bỏ
Tôi đành nhận lãnh tôi
Quay trở về chốn cũ
Tôi đành nhận lãnh tôi
Như một chiếc hòm
Vật dụng của nhà hoang.

4 *gửi Phạm Thái Thủy*

Ông đã biết tôi nhiều lần toan lần trốn
Nhưng sống là làm sao phải thoát vây

Giữa các phe một mình mày chính nghĩa.

5 *gửi T. N. D.*

Em biết không anh đã bán linh hồn
Yêu cuộc sống bằng bản thân bệnh hoạn
Mở ngoác máu như giòng kinh đen
Nhưng trái tim chỉ nhịp nhàng rất chậm.
Hé môi xám hoàng hôn
Ngoạm bình minh trắng nõn

Mở mười ngón tay lem
Ôm riết mối tình em sáng láng

Có hay không tuyệt vọng của niềm vui.

6

Hôm qua tôi thao thức
Xanh viễn mộng hồn người
Mây kéo là hải phận
Mưa mắt em
Tầm tã

Trong ám ảnh hư không
Tìm nhau nơi trú ẩn.

7

Tôi trở dậy trước bình minh
Quơ tay làm dấu thánh
Đêm đêm nhện vẫn dăng
Khuôn mặt nào đã vắng

Người nào yêu tôi
Hãy hiểu vì sao giòng nước mắt
Người nào yêu tôi
Hãy hiểu vì sao những nụ cười,

Mở trái tim tin nhau
Khép nỗi buồn trong đó
Mở trái tim những đêm về một mình
Khóc lặng lẽ nguồn lệ sầu hạnh phúc,

Hôm qua không gặp em

Đời muộn màng thức giấc

Có phải yêu bằng hồn sẽ chết
Hành hình thi thể giữa dương gian

8 *gửi Dương Nghiễm Mậu*

Muốn tìm ra tung tích

Đành tra vấn liên miên
Đời mày muôn sự thật
Hãy ngậm miệng ngồi im.

9

Đã xối xả nguồn vui mưa tháng năm
Gột rửa anh nồng nàn trời cuối hạ
Rưng rưng nắng Saigon
Trong phút giây này mà đã mất

10 *gửi Nguyễn Trung*

Ông cho tôi một tấm vé tầu
Dẫu những chuyến đi đều bãi bỏ
Ông cứ cho tôi một tấm vé tầu
Để đêm nay ngày mai hay sáng mốt
Có lính dậy bên tôi
Tôi cũng biết ý mình khi ở đó,

Đâu cũng vẫn không gian
Những chiều ngang dọc nọ.

11

Đời mất dần năm ba dấu than
Để thêm nhiều dấu hỏi
Sống đâu phải loanh quanh
Dù chết chỉ là cái chấm,

Có hiểu vì sao yêu là viễn mộng
Mới quen em mà tưởng đã lâu rồi,

Lý tưởng là
Một đôi điều có sẵn
Như hừng đông
Sau khép mắt đêm đen.

12

Những sớm mai nền trời hớn hở
Những đêm sao vắng vặc hư vô

Gieo suốt thinn không linh hồn nào trắng muốt

13

VIỄN LINH
viễn mộng

Yêu là cùng mong đợi
Chết một ngày trên một đỉnh hân hoan

Giữa bình minh hình thức nọ.

14

Môi em một chấm hồng
Điểm mặt anh xanh niềm xao xuyến
Dung nhan em một tấm gương
Soi thấu anh vật sù sì không phản chiếu.

15 *gửi Sơ Dạ Hương*

Hãy cho tôi một tấm vé tầu
Dẫu phải về sa mạc
Hãy cho tôi cơn nóng dù điên
Biết đập vỡ giá băng vừa đóng kin.

16

Chơi vơi như kẻ hồng hoang
Tôi thiết gì Đất Hứa

Kiếm tìm em lúc này
Tôi muốn về tân địa,

Amen.

Tháng 7-1966

Sơn Nam

TIỂU THUYẾT PHONG TỤC

38

vạch một chân trời

A LẦU lắc đầu :

— Tôi đâu thấy gì lạ ?

Tư Bá nói gắt :

— Tụi nó nói xí xô xí xào chuyện gì ?

Trong hoàn cảnh bị câu thúc sát gốc cột buồm, hai người đành chịu mù, chịu điếc. Chỉ còn một kẻ đồng lõa là con Nhung ở sau lái tàu. Trời tối, mấy vì sao yếu ớt chiếu xuống như những đóa hoa, tô điểm cho nền trời. Dường như con Nhung từ từ ngồi dậy, nghiêng mình theo dõi một hiện tượng xảy ra sát tàu, phía rừng U Minh.

Bọn Tàu Ô vụt đứng dậy. Từ cửa khoang tàu, ngọn đèn lồng xuất hiện, treo lủng lẳng dưới bàn tay đứa nữ tỳ áo xanh. A Lầu lắc đầu :

— Chúa tàu Long Phi sắp làm thịt bọn mình rồi. Ông ta khấn vái bà Mi Châu rồi nằm chờ giấc thần mộng.

Tư Bá đáp :

— Nếu nó muốn giết tội gì mình chưa nhảy xuống sông. Chết dưới sông, mát ruột hơn mà có hy vọng được sống sót. Đêm nay, tối tăm hơn mọi khi! Hàng trăm mũi tên bắn xuống dê gì trúng nhằm da thịt mình.

Sự xuất hiện của tên chúa tàu khiến A Lầu sợ sệt, ngậm miệng. Chúa tàu nghiêng mình quan sát, gật đầu rồi đi thẳng lại gốc cột buồm. Ông ta đứng ngoài cái vòng trắng vẽ bằng vôi trên sàn tàu mà gọi A Lầu. A Lầu trả lời xong bèn thúc dục Tư Bá đứng dậy.

Vì chưa hiểu ý muốn của tên chúa tàu, Tư Bá chống cự :

— Nó giết hả ?

— Không đâu. Có tin mừng. Bà Mi Châu đã làm điềm trong giấc mộng. Chúa tàu tin bà Mi Châu nên chẳng dám giết hai anh em mình quá sớm.

— Nó nằm chiêm bao thấy điềm gì lạ ?

— Tội nghiệp tôi mà. Cãi cọ hoài, nó nghi ngờ.

Mặc dầu hai tên tử tội dùng dằng chưa tuân lệnh, tên chúa tàu vẫn đứng bình tĩnh. Tư Bá hỏi :

— Nó biểu anh em mình đi đâu ?

— Ai mà biết. Dường như nó quí trọng anh em mình.

Rốt cuộc, vì tò mò muốn hiểu thêm về cổ tục lạ lùng của bọn Tàu Ô, Tư Bá đứng dậy, vừa nói vừa cười bất chấp sự có mặt của tên chúa tàu :

— Nó quí trọng anh em mình theo kiểu tế thần. Nó quì lạy ông thần trên bài vị. Mấy con heo nằm sóng sượt trên bàn cũng được hưởng cái lạy của nó.

Đứa nữ tỳ xách cái đèn lồng đi trước, xuống khoang hầm, Chúa tàu theo sau. A Lầu nói :

— Anh thấy chưa. Nó hiền lành như cục đất. Nó sợ anh em mình.

Tư Bá im lặng, bước thật chậm trên sàn tàu. Vài tên hải tặc cúi đầu khép nép. Chú liếc xuống sông. Nước chảy đen thui, óng ánh như vũng mực tàu. Rặng cây bần rung chuyển, bầy khỉ kêu chí chóe.

Chúa tàu quì xuống, gọi A Lầu. Lát sau A Lầu phiên dịch lại :

— Ông biểu anh em mình lạy bàn thờ bà Mi Châu. Bà Mi Châu đang giận ổng vì ổng bạc đãi anh em mình

Tư Bá vui lòng lạy, lần thứ nhứt lần thứ nhì :

— Đủ chưa ? Đói bụng mà lạy hoài mệt quá. Ủa ? Sao chúa tàu cũng lạy. Mình lạy ông ta à ?

Đột nhiên chúa tàu day lại A Lầu và Tư Bá. A Lầu nói :

— Anh Tư. Ổng biểu anh em mình đứng nghiêm cho ổng lạy.

— Lạy rồi giết hả ?

Chúa tàu quì xuống, lạy ba lần. Tư Bá và A Lầu ưỡn ngực kiêu hãnh: Lạy xong, chúa tàu mời A Lầu và Tư Bá ngồi. Đứa nữ tỳ đem hai chén rượu tràn đầy. Hai người tự tiện nâng chén uống cạn. Tư Bá nói khôi hài

— Điệu nầy chắc nó giao cho anh em mình làm chúa tàu ! Nó giết anh em mình chưa ? Giống như người ta nuôi heo, cho heo no đủ để cân cho nặng, bán cao giá.

Hành động của chúa tàu mỗi lúc càng tăng thêm phần khó hiểu. Chính A Lầu cũng thừ người. Chúa tàu lấy nước rửa mặt, nói lầm thầm. Ông ta quì xuống, dở miếng vải đen trải sẵn trên sàn. Vì lo lắng cho số mạng sắp chết đến nơi nên từ nãy giờ Tư Bá quên chi tiết ấy.

Miếng vải đen được giở lên, kính cẩn. Đứa nữ tỳ lấy tay che mặt.

Thanh gươm lộ ra, lưỡi gươm nằm trong cái bao cũ kỹ bằng cây. Tư Bá hiểu rồi. Hồi chiều, trước khi cầu mộng, chúa tàu dựng thanh gươm lệnh trên bàn thờ bà Mi Châu. Ông ta nằm ngủ rồi có lẽ thanh gươm ấy từ trên bàn thờ rớt xuống như bà Mi Châu đã chứng giám cho lòng thành của ông ta.

Đứa nữ tỳ cầm thẻ nhang, đốt vào ngọn đèn, trao cho chúa tàu. Trong khi đó chúa tàu nâng thanh gươm trên hai tay xá ba bốn lần. Ông ta day lại như bối rối sượng sùng. A Lầu hiểu ý, đem cái ghế nhỏ để gần ông ta. Ông ta bước lên ghế, khoát hai lớp màn đỏ vàng che bàn thờ rồi để thanh gươm nằm xuống. Bốn chữ vàng hiện ra trên bài vị.

— Chữ gì vậy, A Lầu !

A Lầu nói khẽ :

— Thiên Hậu Thánh Mẫu tức là chức vị của bà Mi Châu, vua nhà Thanh phong cho bà chức đó.

Chúa tàu bước xuống ghế rồi nói với A Lầu. vì không nghe được tiếng lạ, Tư Bá theo dõi gương mặt của hai người. Dường như là tin vui, chúa tàu vừa nói vừa gật đầu, cúi đầu.

A Lầu nói với Tư Bá:

— Chúa tàu cho anh em mình trọn quyền theo dõi một con sấu thần vừa hiện ra sát mé hồ. Con sấu đó là vị cứu tinh do bà Mi Châu sai xuống cứu giúp chúa tàu. Anh em mình được trọn quyền đi theo con sấu rồi báo cáo cho chúa tàu biết...

Nói xong, Tư Bá gật đầu chào chúa tàu. Chúa tàu cho đứa nữ tỳ xách cái đèn lồng rọi sáng cho hai vị « thượng khách » bước lên thang.

A Lầu nói :

— Để tôi ra lịnh cho tụi nó đem chiếc tam bản tới lái tàu... Mình trèo xuống tam bản.

Cơ hội thật tốt để cho hai người trốn lánh. Nhưng Tư Bá vẫn chưa toại nguyện. Chúa tàu Long Phi là con cáo già. Tuy bị mù quáng vì điếm thanh gươm rớt xuống từ trang thờ bà Mi Châu, ông ta vẫn nhớ đến con Nhung.

A Lầu nói khẽ :

— Trốn luôn nghe :

Tư Bá lắc đầu ;

— Còn cô này...

Bỗng dưng Tư Bá nhớ đến Hai Tam và bọn Lục Cụ trên rừng. Hay là Hai Tam vì nhớ vợ nên liều lĩnh bơi xuống đến gần chiếc tàu để báo hiệu?

Bọn hải tặc theo sát Á Lầu và Tư Bá với mục đích để phòng trường hợp Tư Bá giải cứu cho con Nhung, Tư Bá thở dài. Lúc đi gần con Nhung chú nói to :

— Thức hay ngủ..:

Con Nhung e ngại chưa dám trả lời. Tư Bá cười dòn :

— Cứ nói chuyện. Nó sợ chú. Ờ ! Ráng ở thêm vài ngày, đây là dịp may ngàn năm có một. Thằng chúa tàu này sống và hung ác vì mê tín dị đoan thì nó cũng chết vì cái tật lớn đó.

— Dạ, cháu không hiểu.

— Thôi, ngủ đi.

A Lầu đeo vào cái bánh lái to tướng của tàu buồm, từ từ tuột xuống dễ dàng. Bánh lái ấy to như... căn chòi, đục thủng từng lỗ nhỏ để dễ bề bẻ qua bẻ lại.

Đến chiếc tam bản, A Lầu hỏi :

— Anh Tư xuống được không ?

— Đồ bỏ !

Tư Bá đã theo sát A Lầu Chú nhảy xuống tam bản trong khi A Lầu chụp cây chèo lái :

— Chú chèo hay tôi chèo. Chú chèo thì dễ hơn, tôi không biết chèo hướng nào bây giờ.

Tư Bá mỉm cười :

— Cái thứ chèo lạo, có một cây chèo đặt giữa lái ghe, chèo lúc lắc... khó coi quá. Chú mầy chèo đi ! Mình giả vờ chèo chậm chạp gần tàu, vòng quanh tàu rồi từ từ cho chiếc tam bản vô bờ, mé bên rừng.

Sông Cái Lớn chảy siết vì nước đang ròng, hút về phía vàm biển. Nhờ quen cách thức « chèo lạo », A Lầu điều khiển dễ dàng. Chiếc tam bản lướt trên dòng nước ngược. Từ trên tàu nhìn xuống, thật khó phân biệt đâu là chiếc tam bản, đâu là khúc cây trốc gốc trôi xuôi, đâu là con sấu.

Tư Bá nói :

— Tao đố chú mầy bà Mi Châu linh thiêng hay không? Tại sao thanh gươm trên bàn thờ bỗng nhiên rớt xuống cứu anh em mình ?

A Lầu nói lưỡng lự :

— Chắc là linh thiêng vì nhiều khi nhờ khấn vái bà Mi Châu mà tàu khỏi bị chìm giữa giông tố. Lắm khi... tàu chìm như thường

— Tao hỏi chuyện thanh gươm. Bà Mi Châu hiện về, hóa phép cho thanh gươm rớt, phải không ?

— Dạ, chắc là không phải như vậy... Ờ ! Hay là chuột chạy.

— Nói bậy. Dưới khoang hầm, nơi chúa tàu ăn ở làm sao có chuột. Chịu thua chưa.

— Dạ, thua rồi. Anh cắt nghĩa thử.

Bấy giờ Tư Bá mới đặt giả thuyết. Bọn lâu la đứng trên sàn tàu để canh chừng tàu bè hoặc xuồng do thám của binh lực triều đình. Chúng nó thấy bóng dáng chiếc xuồng hoặc khúc cây, hoặc cái bè chuối trôi sát mé bãi. Trong đêm tối làm sao chúng phân biệt đâu là thật đâu là giả.

A Lầu chèo mạnh, cười to :

— Tôi biết.

— Biết như thế nào ?

— Nếu là ngày thường thì bọn nó tri hô lên, xuống tam bản chèo tới bãi để ăn thua mang đổi mạng. Ngặt đêm nay chúa tàu cầu mông nên bọn nó lưỡng lự. Tri hô lên thì làm thức giấc chúa tàu. Không tri hô thì rủi xảy ra điều bất lành, vì vậy tụi nó chỉ chỏ bàn tán om sòm rồi đứng dồn qua một phía. Chiếc tàu lắc qua chòng chành, Thanh gươm dựng đứng trên bàn thờ bà Mi Châu... lẽ dĩ nhiên rớt xuống vì cán gươm khá nặng chúa tàu giựt mình vì tàu nghiêng, vì thanh gươm rớt xuống gây tiếng đồng Ổng ta bảo là... điều bà Mi Châu chứng giám.

— Hay lắm. Chú mầy xứng đáng làm... chúa tàu Nãy giờ chèo giáp vòng chưa ?

— Dạ, giáp vòng chiếc tàu rồi. Còn hai chiếc bỏ neo đằng kia ?

— Kệ nó. Ráng chèo thêm một vòng thứ nhì để cho tụi nó biết anh em mình là con vật .lận tụy

Gần hết vòng thứ nhì, Tư Bá ra lệnh cho A Lầu cho tam bản vào bãi bùn, sát rặng cây mần. Lúc đến gần bãi, Tư Bá lên tiếng :

Ai đó ? Ai bơi xuống đó. Đừng giết hại tôi. Tụi tôi là tù vượt ngục.

Rồi chú bảo A Lầu buông tay chèo ngồi xuống. Chú lập lại đôi ba lần câu nói trên, khi chiếc tam bản trôi theo dòng nước ròng. Chú nài nỉ :

— Bà con ơi, cứu tôi.

Rồi sực nhớ đến Hai Tam và Lục Cụ, chú nói :

— Lục Cụ ơi ! Hai Tam ơi ! Bà con mình nè. Nói gì thì nói, tụi nó không đáng sợ đâu. Tư Bá đây nè...

Từ phía rặng bần, có giọng yếu ớt vang ra :

— Mấy ông ơi ! Con nè !

Tư Bá giựt mình :

— Ai mà xưng con với tôi ? Chìm xuồng hả ? Ở đâu ? Đốt lửa lên.

— Dạ con ở đây... Cứu con. Chờ con đốt lửa. Hồi nãy con đốt lửa rồi sợ quá, con dụi tắt rồi.

Niềm hy vọng đã loé lên. Đứa trẻ con nào xa lạ đã lên tiếng ? Đốm lửa hiện chập chờn trên bãi bùn. Một thằng bé ngồi cú rũ trên chiếc xuồng, bếp un cháy lan tỏa khói trắng.

A Lầu nhìn về phía chiếc tàu. Bọn hải tặc vẫn im lặng và chắc rằng chẳng thấy rõ mé bãi.

Tư Bá nói :

— Được rồi em. Tắt lửa đi. Để cho có vẻ huyền bí, Em là ai ? Lại đây coi.

Thằng bé đáp :

— Con ở trên rừng, sợ chết, sợ rắn cắn nên con chạy xuống đây... trả thù. Con sợ quá... thấy hai ông chèo tam bản vô đây. Con dám lên tiếng vì hai ông kêu tên Lục Cụ, Hai Tam.

— Ủa ! Em biết hai người đó hả, họ ở đâu ?

Anh Văn dễ học

dễ nói lưu loát

Nhưng : kết quả sẽ không bao giờ đến khi :

— HỌC GẤP

— HỌC LỆ

— HỌC ĐỐT GIAI ĐOẠN

— HỌC CHO MAU hết sách vì : Đó chỉ là Danh Từ và những Danh Từ... Nhưng với thiện chí và kiên nhẫn học tuần tự từ lớp vỡ lòng (khóa 2 tháng).

Do giáo sư Hoàng-Xuân-Chung Tốt nghiệp văn bằng **E. E.** và **P. E. : The Regent London.**

Đích thân dẫn giảng : **39** đường **Yersin** Saigon.

Rồi đây bạn có thể VIẾT, ĐẶT CÂU đúng VĂN PHẠM

Đó là yếu tố tiên khởi dẫn bạn đến sự nói **đúng cách và chính xác.** Khi xuất ngoại, khi dự những kỳ thi vấn đáp cũng như tiếp xúc thường đàm. Có dạy cá nhân. Phiên dịch và những sách mới nhất hiện nay của Gilivray Wright (chỉ nhận 10 *người*). Nơi học lịch sự như ở Âu châu.

CỎ BỒNG
buổi trưa

HẮN đứng đó, những khúc gỗ khô trắng xốp nằm dưới chân, trời hừng hực lửa. những thanh gỗ vuông vắn khô khan,ngổn ngang,tiếng máy chạy ầm ầm, tảng đá được kéo lên cao rơi xuống lảo đảo, những cây cột ngập vào lòng đất khô sần. Hắn đứng đó, trời hực lửa và những thanh gỗ khô trắng nằm dưới chân. Người đàn bà gánh hai ky đất qũa, đồng cây vẫn nằm bình thản, đó nó nằm đó, hắn nhìn. khô quá, khô quá, những khúc cây khô xác nằm câm nín, không khí hừng hừng, hắn chảy nước mắt, nắng chói và khô khan, nóng nực và yên lặng. Người đàn bà gánh hai ki đất đi qua, tiếng sạn đổ rào rào, rào rào, những viên sạn rơi vội vã, khung gỗ ẩm nước thấm xịt cao dần sạn, rào rào. Những khúc gỗ trắng nắng, chói khô, hắn chảy nước mắt, trời hực lửa, dưới chân hắn mặt nhựa nóng phỏng, những chiếc xe vụt qua nổ ầm ầm bụi cát tung mịt, hơi nhựa khô khan bốc lên, khét, mặt nhựa như chảy ra chói sáng, nắng chói và nóng, hắn chảy nước mắt. Cỏ khô và ngứa, hơi thở nóng, mũi hắn nghẹt như không khí đầy bụi, trời chói lửa, mồ hôi nhễ nhại trên thân hắn, qua cái cổ cáu ngấn ghét khó khăn vượt những mẩu xương nhô cao rịn xuống vùng ngực, quét một lớp nhớp nhúa trên người hắn, hắn đưa lưỡi liếm đôi môi k ô nứt,nước miếng như đặc lại trong vành môi. hắn cử động một cách khó khăn hai mép và chớp mắt. Người đàn ông cởi trần, người đầy bùn khô, nứt nẻ, trong vùng bong mát chậm chạp và uể oải xúc từng mảng đất tung khỏi lòng hố, bàn chân loang lổ cử động, nhấn trên lưỡi xuống đâm vào lòng đất, đất bùn khô bóc da. Những mảnh gỗ thật trắng,và ngon lành, đang khô hực lửa trời. Tiếng máy chạy ầm ầm. Người đàn bà ganh hai ki đất đi qua. Đường nhựa phỏng lửa mù cát. Những tảng đất bay bổng lên, lòng hố lỏng nước, đục ngầu bọt, mát lạnh, mát, đó mát đó, đôi chân hắn đặt trê ı nền nhựa nóng chảy, mát đó, mát lạnh đó, trời nắng gắt, nước mắt chảy, đường chói lửa, mát đó mát đó, nhảy xuống đi, nằm vào vũng nước đi, nhắm mắt lại, mát đó mát đó, nằm xuống đi nằm xuống đi, đừng đồ đi, đừng đổ đất đi, lấp lên tui nè,lấp lèn tui nè, ngoài đó nóng lắm đừng ra, lấp tui đi, lấp đi. Người đàn bà gánh ki đất đi qua, những thanh sắt rỉ nóng màu gạch kêu lanh canh, người đàn ông trần trùng trục cúi xuống nắm kéo sợi chỉ, lựt bựt, lựt bựt, mép giấy giựt giựt, người đàn ông cúi xuống xốc đầu kia lên, bụi mù tung xanh lớp sạn, những ki đất đổ kỳ dị đổ xuống, xẫm và mát. Bụi quá, bụi quá, hắn cúi xuống, lom khom, khoảng lưng trần chói nắng, mồ hôi, khúc xương sống nổi cục. Những ngón tay nhớp mồ hôi lóng cóng vuốt trên thớ gỗ khô xác, hắn rút vội một thanh gỗ ròn và không kêu. bàn tay còn lại chùi nhanh trên vải quần đen rồi đỡ thanh gỗ đưa vội ra sau lưng, máy nổ ầm, trời nóng bỏng, mặt nhựa bốc hơi, những mảng đất b y bổng lên rồi lả tả rơi xuống, người đàn bà gánh ki đất đi qua. Khô thiệt, khô thiệt, khô rang hà, nhẹ và khô, hắn lùi dần ra, bao xi măng thứ hai được dốc xuống bụi rùm, như khói, xanh và nhuyễn, chiếc bao tung lên bay tà tà, mấy người đàn bà xô dạt nhau ra, ré lên tiếng kêu và tiếng cười hô hố. Hắn lùi ra, chân chai sần bước thụt lùi trên mặt nhựa. Hắn đưa cây gỗ lên mũi khịt khịt, mùi gỗ khô và hắc, miếng gỗ vuông vắn. Chân bước vào vùng mát của ngõ hẻm, đất mềm dưới chân, mồ hôi vẫn nhớp, khoảng mát của đầu ngõ qua, trời hừng hừng, đất khô lồn nhồn, tiếng trẻ khóc rè rè ẹ ẹ, những đống rác, mái lá khô chói, mắt cay sè. Những ngón tay khô lóng cóng vuốt trên mép gỗ khô nóng, tốt thiệt trắng xác mà khô rang hà, mà nhẹ hổng nữa chớ.

Hắn bước vào thềm căn nhà lá, mắt dịu lại trước bóng mát, những nhánh lá khô queo chĩa ra xác xơ và ròn gẫy. Người đàn bà ngồi trên giường, đứa bé trong vòng tay, ngửng lên, hắn chìa khúc gỗ ra trước mặt người đàn bà, người đàn bà nhăn mặt giựt lấy rồi vứt ra cửa, hắn kêu lên một tiếng nhỏ trong họng, chạy ra. Trời nóng bỏng, mặt đất khô và khúc cây trắng.

HOÀNG NGỌC LAN
tiếng nấc

X
chút buồn năm tháng

TỚI chai thứ sáu tôi bắt đầu buồn nôn. Tôi đưa ly bia lên miệng uống một ngụm nhỏ. Chất đắng trong bia làm cho tôi không sao nuốt trôi qua cổ họng. Tiếng Loan thì thào bên tai : Sao hôm nay uống nhiều vậy cưng ? Tôi nói lắp bắp : Cám ơn. Cám ơn và đưa tay làm dấu xua đuổi. Người con gái cười buồn rồi đứng dậy bỏ đi. Sự mát lạnh của gian phòng làm tôi ngột ngạt khó chịu. Tôi gọi bồi tính tiền rồi bước ra. Ánh nắng buổi chiều vẫn còn gay gắt. Đầu óc tôi choáng váng. Những lúc buồn tôi thường làm như vậy. Uống la de thật nhiều và ôm ấp người đẹp, để rồi lại chán ngắt sau đó. Tôi băng qua đường. Một tiếng két vang lên. Chiếc xe nhà binh chở đầy lính Mỹ thắng lại thật đúng lúc. Tôi cố gắng bước những bước rất vững chãi. Trên xe một tiếng chửi thề tục tĩu. Tôi vừa đến lề đường bên kia thì chiếc xe rồ máy vút nhanh. Tôi chửi thề Đ.M, Đ.M và đưa tay đấm vào khoảng không theo hướng chiếc xe. Những

những người viết mới

HẮN bó gối ngồi trên một chiếc ghế dài. Căn phòng bẩn và nồng nặc mùi hôi. Đã lạt vào buổi trưa cũng nóng hừng hực.

Hắn nhíu mày nhìn những vết thương còn đọng máu khô. Mùi mồ hôi và tanh tưởi của máu làm hắn lợm giọng. Hắn quay ra cửa sổ. Một đứa con gái phong phanh manh áo ny lông đang đổ nước vào nón. Nước đầy, nó bưng lên ngang mặt uống ừng ực. Tóc nó để dài, không lược chải, rối bù lên như ổ chim. Một thằng con trai gọi xin nước «Chị ơi cho « con » xin miếng nước, khát quá » Cả phòng giam đang lim dim buồn ngủ ré lên cười Hắn đơ hai tay che mồm: «Lại thằng đó. Tối hôm qua thì nó chị ơi hát cho con một bản. Hôm nay thì cho con xin miếng nước. Thằng này thế mà ngoan..»

(...Đám người đông, không đông lắm, ướt, không ướt lắm, Họ tụ tập chung quanh hợp tác xã rau. Trời đổ mưa tầm tã. Thùng thiếc khua như pháo rền. Một bà già mồm còn phúng phính miếng trầu chạy ngược chạy xuôi để cõng cho đám con cháu hăng lên)

Rồi họ ùn ùn kéo nhau ra ngoài phố. Một người đàn ông cầm gậy vượt lên hàng đầu. Một chiếc xe quân cảnh đỗ ngược xuống dốc. « Đốt xe, đốt xe » Những thằng bé la lên ầm ĩ. Người đàn ông cầm gậy chạy nhanh nhất. Hắn quơ cây gậy lên đầu « đốt xe, đốt xe ». Chiếc xe « díp » quặt nhanh đầu lại. Một tràng tiểu liên nổ rền.

Bữa cơm trưa của trại giam bày trên một khu đất. Từng chồng đĩa nhôm xếp bên cạnh một chậu canh. Nước canh đen sì không biết là canh gì. Vài miếng mỡ nổi lều bều.

Những người đàn bà được lệnh ra đầu tiên. Họ ngồi sáu người một «mâm». Cơm được xới từ những cái rổ cáu ghét.

Trong một phút ngoài sân đã đầy bóng người. Họ ngồi xồm bới cơm và chan nước canh. Một ngày chưa ăn rồi còn gì ?

Hắn ngồi lại một mình trong phòng. Cảnh tượng khốn khổ ngoài sân của đám người háu đói chụp vào mắt hắn. Một thầm sát viên tiến lại «Anh không ăn ư ? Chịu khó một chút chứ, cơm nhà tù mà» Hắn cười. «Anh bị bắt về tội gì ? Vi phạm giờ giới nghiêm. Anh làm nghề gì ?

...Buổi chiều Đà Lạt giới nghiêm từ 6 giờ. Chính quyền thiết quân luật cả ngày lẫn đêm. Bánh mì và trứng biến mất trên thị trường. Cả ngày hôm sau hắn nhịn đói. Sáng thứ bảy mò ra phố mua bánh mì. Hắn bị bắt vào khoảng 8 giờ sáng...)

(..Lan ơi, anh đang bị giam. Giờ này đã gần 4 giờ. Em ở Sàigòn đang làm gì. Có còn nhớ gì tới anh không ?

Từ sáng tới giờ mấy lần anh muốn lên văn phòng ông cảnh sát trưởng để xin ông can thiệp. Anh là bạn cùng lớp với con ông ta.

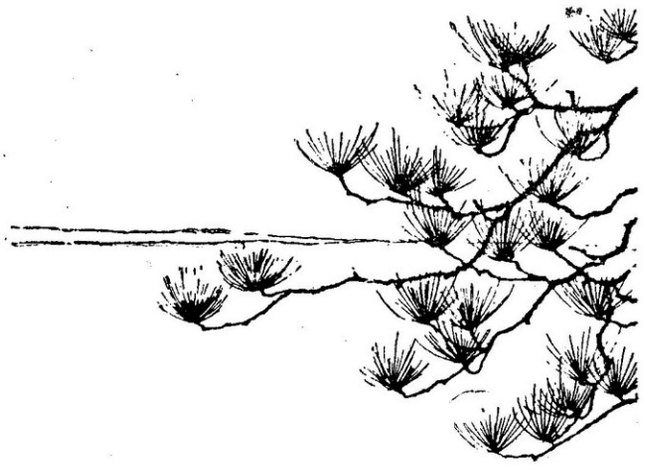

tiếng cười ròn trên xe dội lại. Đầu óc tôi nhưng nhức. Con đường nầy dẫn vào căn cứ không quân Hoa Kỳ nên Bar mọc lên như nấm. Hồi tôi mới đến. hai bên nhà cửa còn lụp xụp. Nhiều lô đất còn bỏ hoang cho cỏ mọc. Những con hẻm chật hẹp và tanh tưởi. Nhưng hồi đó đối với tôi chúng trở nên quen thuộc và cần thiết. Có lần tôi nằm với đứa con gái có khuôn mặt rất giống em gái tôi. Giống đến nỗi mới nhìn thấy tôi đã bàng hoàng kinh ngạc. May là đứa con gái nói giọng Nam hoàn toàn. Còn em gái tôi thì ở tận ngoài Trung và trước đó một ngày tôi còn nhận được thư nó.

□

Tôi rẽ vào một con hẻm thật vắng. Nước bia đã được cơ thể lọc lấy chất men giờ chỉ còn lại thứ nước trong ngần. Tôi thấy nhẹ nhõm trong người và bắt đầu đói bụng. Tôi đi về phía chợ, rẽ vào một quán ăn và kêu một tô phở tái, một ly cà phê đá. Có tiếng gọi thật khẽ ở sau lưng. Tôi quay đầu lại ngỡ ngàng : Phượng, sao Phượng lại ở đây. Còn anh, sao anh cũng ở đây. Tôi bật cười, Phượng cười theo. Tôi đổi chỗ sang ngồi với Phượng : Phượng đi một mình chứ ? Tôi hỏi và Phượng gật đầu. Tôi không ngờ còn gặp lại Phượng. Tôi quen Phượng hồi còn thụ huấn ngành chuyên môn trong một quân trường nọ ở Vũng Tàu. Hồi đó Phượng mướn phòng trong khách sạn Majestic. Có lần tôi nói với Phượng . Anh hãnh diện có bồ hạng sang. Phượng giận dỗi : Anh chửi tôi đó hử ? Xin lỗi, xin lỗi anh chỉ nói rất thật như ý nghĩ của anh. Bây giờ Phượng già hơn trước. Lối trang điểm cũng đã đổi thay nhiều. Phượng nhìn tôi một hồi rồi ngập ngừng : Anh... anh cũng không có gì thay đổi. Tôi cười : Có, có chứ, thay đổi nhiều lắm. Có vợ một con rồi còn gì nữa Không hiểu sao lúc đó tôi nói dối Phượng một cách trơn tru như thế. Phượng ngạc nhiên : Thế à, thật em không ngờ đấy nhé. Còn hượng thế nào ? Em cũng đã có chồng. Phượng trả lời ngắn ngủi và lơ đãng nhìn ra đường. Đường phố buổi chiều tấp nập người qua lại. Tôi cúi xuống ly cà phê với nỗi ngậm ngùi. Tôi chợt nhớ Đông xót xa. Đông ngây thơ trong trắng như tuổi nhỏ của nàng. Trước khi tôi vào khuấy động khung trời thơ dại đó, Đông đã viết cho tôi lời lẽ nửa van lơn nửa rào đón : «Đông chỉ muốn làm một người em bé nhỏ của anh thôi và mãi mãi như thế». Tôi suy nghĩ theo bộ óc suy tư sớm dạn dày : Người con gái nào khi chớm yêu cũng đều nói như vậy. Sau đó tôi đã không ngại tỏ bày tình yêu với Đông. Đông giận tôi. Đông viết : Tôi thấy tôi còn nhỏ mà ông dùng những tiếng đó làm tôi lạnh cả người. Những lời lẽ đó ông nên nói với những người con gái khác. với tôi ông đừng dùng... Thì ra Đông đã nói thật. Đông trong trắng như tuổi thơ chưa một lần phạm tội ? Thế là hết, Đông vô lý khi từ chối tình tôi, nhưng nàng có lý để chấp nhận cuộc sống hồn nhiên thơ ngây của nàng. Khung trời Đông ở còn dẫy đầy hoa bướm và sách vở học trò. Phương trời tôi đi còn rực sáng hỏa châu và bom đạn rình mò trên từng cái sống.

kinh nghiệm về vực thẳm

■ tiếp theo trang 13

nàng, ánh sáng bộc lộ khuôn mặt nàng trước sự phán xét của chồng và mọi người khác. Nàng khao khát bóng tối, thứ bóng tối nhận chìm đời nàng xuống, mà cũng là thứ bóng tối che chở cho nàng, bao bọc lấy tội lỗi của nàng; bóng tối đó chính là sự chết, là bóng tối của địa ngục, địa ngục quyến rũ tâm hồn sa đọa, địa ngục lôi kéo cuộc đời nặng chĩu những mưu mô hiểm độc. và nàng rên rỉ : « Et moi, triste rebut de la nature entière, je me cachais au jour, je fuyais la lumière. La mort est le seul Dieu que j'osais implorer... Misérable ! et je vis ? et je soutiens la vue. De ce sacré soleil dont je suis descendue ?... » (*Phèdes* IV, 6). Cuộc sống hay chính nàng chỉ còn là rác rưởi, là cặn bã, không thể kéo dài hơn nữa, nên Phèdre trốn tránh trần gian và nàng tự vẫn để kết thúc luôn cả cái ám ảnh hãi hùng về quá khứ đáng ghê tởm. Thésée cũng hối hận vì đã quá nghe vợ mà giết mất đứa con vô tội, chàng khổ sở, dày vò mình, bực bội mình, ăn năn không cùng, tưởng nhớ Hippolyte bao nhiêu lại tự trách bấy nhiêu: «Confus, persécuté d'un mortel souvenir, De l'univers entrierje voudrais me bannir... L'éclat de mon nom même augment mon supplice». Tức là chàng cũng muốn tìm cái chết, vì muốn chạy trốn ám ảnh, muốn đày mình ra khỏi cả vũ trụ, điều đó có nghĩa gì nếu không phải là muốn lao vào địa ngục ? Ngay cả Hippolyte, chàng không giải tỏ được nỗi oan khiên nên theo lệnh cha, chàng đã tự xử, và cái chết của Hippolyte chỉ là tượng trưng cho sự trong sạch của hồn chàng, không để một mối nghi ngờ nào làm vẩn đục đời mình : chàng chấp nhận cái chết để chứng tỏ chàng không chịu sống một cuộc sống trong đó tâm hồn chàng không được yên ổn, tình yêu thực sự của chàng không được thỏa mãn, ý chí của chàng bị ngăn trở và tình phụ tử bị chia cách. Tất cả vở kịch là những bi thảm và xung đột nội tâm, là những ngộ nhận và ám ảnh hãi hùng của mỗi nhân vật và giữa họ với nhau. Lucien Goldmann cho rằng «*Phèdre*» là bi kịch về niềm hi vọng được quyền sống trong nhân giới mà không phải nhượng bộ, không phải chọn lựa và không phải thỏa hiệp, mà cũng là bi kịch về sự nhìn nhận tính cách thiết yếu ảo tưởng của niềm hi vọng đó. » (*Le Dieu caché*, Gallimar, 1957).

Trở lại địa hạt thi ca, và đi vào thế giới đầy hình ảnh, đầy tình cảm mãnh liệt của chủ nghĩa lãng mạn, có thể thấy vực thẳm qua những nỗi chán chường, sầu khổ, phiền muộn của các nhà thơ như Lamartine, như Musset Vigny, hay Hugo, những tâm hồn thất vọng vì cuộc đời bất trắc trái trở, muốn tìm nguồn an ủi nơi thiên nhiên bao la. Những thi sĩ đó không gặp được sự đáp ứng mà họ khao khát ở con người, họ cảm thấy bị ruồng bỏ, bị hắt hủi, bị phản bội, nhưng họ tin ở tình yêu của họ, một tình yêu dào dạt cảm hứng, tràn ngập tâm hồn họ, và họ chỉ còn biết đem ra mà hòa hợp với vạn vật, họ ngây ngất với cỏ cây sông núi ngay cả trong cơn đau đớn vì đời, như Lamartine mơ màng và say đắm lên tiếng hỏi thiên nhiên : «Objets inanimés ! avez-vous donc une âme ?» (*Le Lac*). Họ còn ca tụng nỗi sầu khổ như thực chất của những tâm hồn cao cả, như Musset đã viết : «Rien ne nous rend si grands qu'une grande douleur» (*Nuits*), vì thi sĩ nhìn thế giới như một giấc mơ, không thực tại nào có thể tồn tại mãi mãi trong cuộc đời và con người thuộc về niềm đau khổ, bởi mọi cuộc chinh phục hạnh phúc trong cuộc đời đều đưa tới đau khổ, đó là một kinh nghiệm sống thực của Musset : yêu George Sand và bị nàng từ chối; rồi thi sĩ bảo rằng để sửa trị đau khổ thì chỉ còn sự hủy diệt, ít nhất cũng là hủy diệt cái «tôi» của quá khứ, hủy diệt bằng lãng quên, lãng quên nó và lao mình vào thiên nhiên, với trăng sao, cây cỏ, với sông nước, núi non. Hạnh phúc đã chạy trốn, kỷ niệm về hạnh phúc vẫn còn, cũng như niềm đau khổ qua đi mà kỷ niệm về đau khổ thì tồn tại đó, rất dịu dàng, dịu dàng như kỷ niệm về hạnh phúc, rồi «Le seul bien qui me reste au monde. Est d'avoir quelquefois pleuré», *đã đôi lần khóc*, có thể và chỉ cần nhớ thế ! Trong khi đó, cái chết của đứa con gái thân yêu trong một chuyến đắm thuyền đã khiến Hugo nức nở, tuyệt vọng, thấy như cuộc đời không còn đáng để ông sống nữa, và tình cảm thiết tha, nỗi đau đớn không cùng, đã khiến ông viết nên hai câu thơ tuyệt diệu : «O Seigneur, ouvrez-moi les portes de la nuit. Afin que je m'en aille et que je disparaisse» (*Pauca meae*). Nhưng niềm đau khổ nơi Vigny lại được thể diễn theo lối khác, bởi tâm hồn nhà thơ này muốn đảm lĩnh lấy đau khổ mà vươn lên khỏi nó, bằng thái độ thách đố đau khổ ngay giữa lòng đau khổ. (Ở đây Vigny gần như tương đồng với Nietzsche). Vigny chịu đựng đau khổ vì tình cảm danh dự bắt buộc thế, và vì cái cao thượng của tâm hồn là ở nghị lực : chấp nhận đau khổ và nín lặng, không than van, không rên rỉ. Ông bảo : «Fais énergiquement ta longue et lourde tâche», rồi : « Souffre et meurs sans parler » (*La Mort du Loup*). Đau khổ là một gánh nặng chúng ta mang trên vai suốt cả quãng đường dài cuộc đời, hãy can đảm mà chịu đựng nó, bởi không thể tránh nổi nó, nó trở thành một trọng trách của con người, việc hứng nhận đau khổ thiết yếu của cuộc đời ; cho đến chết, và trước sự chết nữa cũng đừng sợ hãi, đừng nài xin được sống thêm. Vực thẳm hiện ra bằng đau khổ và bằng cái chết, phải đón lấy chúng, phải yêu chúng vì mỗi nỗi khổ đau là một kinh nghiệm qui hóa chỉ xảy ra một lần, cũng như cái chết : « Aimez ce que jamais on ne verra deux fois... J'aime la majesté des souffrances humaines » (*Maison du Berger*). Rõ ràng là Vigny nhìn cuộc đời như một chuỗi những hoàn cảnh bi đát phải được chấp nhận bằng thái độ hào hùng, quả cảm và nhất là bằng sự nhẫn nhục.

Cũng trong viễn quan lãng mạn, tâm hồn đa cảm của Gérard de Nerval trườn mình tới những miền u ẩn, huyền bí; trí tưởng tượng của ông chạy trốn ám ảnh về một tình yêu thời thơ ấu đã mất; tình yêu Adrienne hay Sylvie không ai rõ hẳn, nhưng nó để lại vết tích sâu đậm trong tâm hồn Nerval. Thi sĩ hoài tưởng dĩ vãng rồi lại vươn lên những vùng cao chót vót, rồi ngụp lặn trong những khoảng không gian tăm tối, tâm hồn Nerval lao vào vực thẳm, đắm đuối ở đó. Và cũng ở đó, Nerval khám phá ra những thực tại linh nhiệm, bắt gặp những sức mạnh siêu nhiên, thần bí như vũ trụ hồn, sinh hồn bất diệt, ma quỉ, vân vân. Cảm thức sáng tạo của Nerval đi sâu vào lòng sự vật, khai phá những vùng hoang địa của tâm hồn, đảo ngược thực tại trong một vận động ảo thuật, bằng một ngôn ngữ trong suốt và hàm súc, qua những nhịp điệu tân kỳ, biến hóa. Chúng ta hãy nghe thi sĩ Nerval của bóng tối, của mê lộ tâm hồn trong những câu thơ hết sức gợi cảm :

« Je suis le Ténébreux, le veuf, l'Inconsolé, Le Prince d'Aquitaine à la tourabolie: Ma seule *Étoile* est morte, et mon luth contellé, Porte *le Soleil noir*

de *la Mélancolie*. Dans la nuit du Tombeau, Toi qui m'a consolé..! La fleur qui plaisait tant à mon *coeur désolé* Suis-je Amour ou Phoebus ?.. Lusinan ou biron ?,.. J'ai rêvé dans la Grotte où nage la Sirène... » (*El Desdichado*). Cả bài thơ là một chuỗi những ám chỉ, thực tại tâm linh như một vùng tối ám, mà hồn thi sĩ đòi thoát khỏi những câu thúc của thân xác để đạt tới cõi ước mơ, cõi bất tử trong cái chết của mảnh hình hài hữu hạn. Vực thẳm của cái chết hiện ra như một giải cứu cần thiết cho tâm hồn thoát xác. Ở đây, thơ Nerval đã đạt đến lĩnh vực siêu hình bằng ngôn ngữ thần bí qua những hình ảnh lãng mạn, dào đạt cảm xúc.

Cuộc phiêu lưu tinh thần của Rimbau cũng không kém đam mê. Nhà thơ thiếu niên này mải miết khai phá thực tại tuyệt đối qua vùng bóng tối thăm thẳm của địa ngục. Tác phẩm *«Une saison en enfer»* là một cuộc tìm kiếm, trong «Đêm Địa Ngục», một «Bất Khả Thể», bằng cảm xúc cuồng nhiệt với một thứ ngôn ngữ đầy màu sắc kỳ lạ được tinh luyện kỹ lưỡng. Thi sĩ muốn làm một «cuộc nghiên cứu bằng ảo thuật» về hạnh phúc, thấy đời mình đã bị lạm dụng một cách vô ích. Nhưng «vĩnh cửu chưa hẳn là đã mất» đối với tâm hồn khổ khổ của chàng (*L'Éclair*); chàng đã thấy ánh sáng nảy sinh ngay giữa vùng tăm tối, như bình minh xuất hiện bên kia đêm trường.

Thi ca Đức cũng không thiếu những tâm hồn u ẩn đắm chìm vào kinh nghiệm về vực thẳm; chẳng hạn như Holderlin, như Novalis, như Rilke.

Cuộc tình dang dở giữa Holderlin và Suzanne Gontard là nguồn thi hứng bất tận cho tâm hồn nhạy cảm của chàng. Người mẹ của mấy đứa học tại gia trở thanh thần tượng dưới cái tên lý tưởng là Diotima. Nàng hóa thân trong các phẩm của chàng thành hình thái nhân bản của lý tưởng cao cả mà chàng nuôi dưỡng nơi tâm hồn. Nàng là nguồn phát xuất những giấc mơ tuyệt diệu ; Diotima là thể hiện bằng tình yêu của vẻ đẹp Hi-Lạp xưa, Hi-Lạp nguyên truyền tinh túy của những tâm hồn khoáng đạt, đấy là đề tài của cuốn tiểu thuyết « *Hyperion* ». Từ cái đẹp và tình yêu, Holderlin dẫn tâm hồn người đọc đến niềm say sưa chiêm ngưỡng những sức mạnh linh nhiệm, một hình thức tôn giáo trong nghệ thuật : Nhưng bên trong phần tâm cảm sâu thăm thẳm của lòng chang, Holderlin vẫn sống một niềm hoài tưởng thiết tha, chân thành đến độ người đọc nghẹt thở, với những bài thơ rất ngắn và quyến rũ mãnh liệt về tình yêu. Trong những bài «*Bica Menon*», chàng đã nói lên nỗi niềm đau đơn thống thiết về cuộc tình đã mất hút trong quá khứ, hồi tức những kỷ niệm êm đềm để có thể chiếu sáng vào một hiện tại tang tóc của mối tình. Chàng khao khát tìm lại nàng Diotima trong thế giới huyền ảo của những hình thái bất tử giữa những hình ảnh diễm tuyệt và vĩnh cửu. Vở kịch « *Empedodles* » bỏ dở dang khi chàng mất hết tri kuôn, là thể hiện lao của tâm hồn chàng, diễn tả sứ mệnh của nghệ sĩ tiên tri được thần linh kêu gọi, nhưng *bị đời ruồng bỏ, nâng mình lên đến độ thanh khiết tối cao và toàn diện bằng ý chí chấp nhận* hay đúng hơn là *ban cho chính mình cái chết, cái chết được quan niệm như tặng phẩm tuyệt bích của thực tại tối linh dành cho tâm hồn đau khổ và siêu việt*. Những « *Bai ngợi ca* » cuối cùng càng tuyệt vời, ở đó tác giả mặc khải vai trò riêng biệt của thi sĩ trong cuộc đời, của thi sĩ vừa là sứ đồ vừa là nạn nhân của các thần linh « *Bai ngợi ca đấng Độc Nhất* » báo hiệu sự xuất hiện của một đấng cứu thế mới, trong lòng giống Dionysos và Heraskles. Ở đây chúng ta gặp lại cảm thức bi thảm của Nietzsche một lần nữa, vì Đấng được Nietzsche nhìn là tượng trưng của nghệ sĩ sáng tạo, độc đáo, ly khai nghiệm sâu thẳm của mình

tiểu luận của

nguyễn nhật duật

trong tác phẩm làm nguồn ơn phúc, ban cho cuộc đời.

Thi ca và tiểu thuyết của Novalis cũng rất gần với tác phẩm Holderlin. Nàng Sophie Von Kuhn, vị hôn thê của chàng, đã qua đời sau hai năm tình ái mặn nồng. Cái chết của nàng khiến chàng tê điếng, sầu khổ vô cùng, đến độ gần như cuồng trí. Từ đó, chàng cố tìm cách an ủi mình bằng những cuộc đối thoại tưởng tượng trong Đêm với nàng, coi như nàng còn sống bên chàng cho mãi mãi. Dần dần những hình ảnh quen thuộc được gợi ra một cách cố cưỡng đã trở thành ảo tượng. Tâm hồn chàng luôn luôn đắm chìm vào bóng đêm tăm tối, sâu thẳm, tìm cách lập lại với hình ảnh Sophie đã chết một cuộc sống như thật ở bên nhau qua từng cử chỉ, từng lời nói hàng ngày. Những *«Bài ca ngợi đêm trường»* là một công trình hội hợp, hòa nhập những tâm hồn và thể xác trong vô thức huyền diệu của giấc ngủ và mơ mộng, bằng tình yêu đầy nhục cảm đối với Đêm sâu, Đêm rộng lớn bao la, trong đó Sophie đã chết được làm cho sống lại : *bởi cái chết không đáng sợ hãi, cái chết của Sophie chính là sự trở về với đời sống thực, vượt khỏi đau khổ và tang tóc, trở nên hình thức lý tưởng và thiêng liêng*

>

Nhà trang trí và đồ gỗ

BEAUBOIS

Sẵn lòng góp ý kiến về trưng bầy căn phòng quý bạn tới một đẹp mắt và một vừa ý lý tưởng

qua nghệ phẩm tức là qua rung cảm của người yêu, của Novalis vậy. « Ý nghĩa của thi ca, theo Novalis, đã dự phần vào ý nghĩa thần bí; đó là ý nghĩa của những sự vật độc đáo, cá nhân, tiềm ẩn, huyền nhiệm, tức là ý nghĩa của những tình cờ thiết yếu ». Xu hướng thần bí này, lấy vực thẳm của tâm hồn làm nền tảng là hình thức cao nhất của sự hòa hợp giữa tôn giáo và tình yêu, nhà thơ tự thấy có sứ mệnh biểu lộ trong thi ca.

Đến Rilke, viễn quan lãng mạn thần bí đạt tới mức sâu sắc nhất. Qua hai thi phẩm « *Duineser Elegien* » và « *Sonette fur Orpheus* », nhà thơ Tiệp Khắc này ca tụng vạn vật, nói lên hồn chúng, nói cho chúng, vì chúng có hồn mà không thể nói được. Ông cho rằng phải ngợi ca sự chết, phải trầm mình trong vực thẳm hủy diệt, phải đắm đuối trong đau khổ, sở dĩ thế chỉ *vì sự chết là thành phần của cuộc sống vì những hình thái cao nhất và sau nhất của cuộc sống* — như sự bừng nở như tình yêu và như những nghĩa cử hào hùng — *đều vây bọc lấy cái chết và chấp nhận nó như một sa sầy tất thiết.* Cũng như một thi sĩ sầu muộn của Ý là Leopardi đã viết : « Tình yêu và sự chết là anh em với nhau », lời đó đủ để gợi ra mối tương quan mật thiết giữa hạnh phúc và hủy diệt. Chàng Orpheus trong thần thoại, kẻ làm trung gian giữa hai thế giới, trở nên biểu tượng của một tâm hồn siêu việt, đã phó vào tiếng sáo những khúc ca ngợi khen đời sống và những thanh âm tán tụng cái chết. Trong « Bi ca Bờ Duino » ông bảo rằng « chỗ cư ngụ của chúng ta không có trong thế giới này » Phải chăng đấy là lời ám chỉ rằng chính hiện hữu mặc khải cái chết như một lời kêu gọi và vực thẳm hiện ra ở đó, ngay trong ý thức về cuộc sống ? Kinh nghiệm về địa ngục, về vực thẳm tâm hồn đã gặp được ở nghệ thuật của Rilke một diễn tả cực kỳ tinh vi và cao sáng không cùng.

Đến đây, sau vài thí dụ điển hình đã dẫn chúng ta có thể kết luận rằng kinh nghiệm về vực thẳm trong thi ca đã mặc lấy rất nhiều hình thức khác biệt. Nó có thể là một kinh nghiệm sợ khởi để dẫn tới những lời ca tụng đau khổ, hoặc nó đưa lại một niềm hoài tưởng hạnh phúc đã mất ; nó cũng có thể biến thành một thực tại tuyệt đối, một thể hiện thiêng liêng, mà thi sĩ ca ngợi ; đồng thời nó cũng khả dĩ trở nên một sức mạnh nâng tâm hồn thi nhân lên những miền thiên đường ngời ngời ánh sáng, hoặc nó đẩy con người xuống vùng địa ngục tối tăm. Nhưng dưới bất cứ hình thức nào nó cũng thoạt hiện ra như một khoảng thâm u, chập chùng

■ xem tiếp trang 30

phê bình

□ NGUYỄN TRUNG

TRƯỜNG HỢP TRƯƠNG VĂN Ý

HỘI họa ở Saigon, tự nó, không có sinh hoạt, không có sức sống, hay đúng hơn, nó chỉ sống một cách gượng gạo cho qua ngày. Dường như mảnh đất, không khí và cả con người không thể nuôi dưỡng nó. Hoặc nếu có thì chỉ từng trường hợp riêng rẽ. Nó thiếu một sinh hoạt truyền thống và cộng đồng. Những cuộc triển lãm vừa qua không hề gây một chút hào hứng gì đối với giới thưởng ngoạn cũng như phục hồi một phần nào sức sống của nó. Vả chăng, sức sống « thực » của hội họa không tùy thuộc vào những cuộc triển lãm liên miên tại Thủ Đô mà phần đông không ngoài mục đích thương mãi. Những cuộc bày tranh ở vỉa hè, khách sạn nhằm thỏa mãn thị hiếu hạ cấp của những người lính ngoại quốc để được những thuận lợi về thương mãi đã trở thành một sự kiện kinh tế thời chiến hơn là một sinh hoạt có tính cách văn hóa.

Saigon có tất cả sáu nơi có thể bày tranh — Nhà Văn hóa, phòng triển lãm Đô thành, phòng Thông tin, khách sạn Catinat, Hội Việt Mỹ, Trụ sở Pháp văn Đồng Minh — nơi chưng bày lý tưởng nhất, về phương diện thương mãi, là khách sạn Catinat. Nhưng dù ở đâu, người ta cũng chỉ gặp những sản phẩm thương mại và tranh ảnh trở nên những phương tiện kinh tài của các lái buôn. Họa hoằn mới thấy một vài cuộc triển lãm « đứng đắn », nhưng nó đã trở thành lạc hậu quê mùa đối với làn sóng « phục vụ khách hàng » của những họa sĩ có tài « tháo vát » khác. Làn sóng đó đang chế ngự một cách không mấc cỡ sinh hoạt hội họa ở Saigon. Và người ta thấy xuất hiện những ông họa sĩ nhà giàu, những người ngày hôm qua người ta không biết là ai, làm nghề gì, bây giờ trở thành họa sĩ, với những bức tranh đắt hàng. Trừ trụ sở Pháp văn Đồng Minh và Hội Việt Mỹ — ở đó ít ra cũng có sự kiểm soát của những nhân viên hiểu biết — còn các phòng triển lãm khác ngày nay chỉ là những nơi buôn bán. Và cuộc buôn bán thịnh vượng đến đỗi có thể thay đổi một số lớn đời sống. Sự kiện xã hội đó không ăn thua gì đối với sinh hoạt thực sự của hội họa, nhưng nó cũng cho thấy rằng, đối với một số họa sĩ, muốn có một phòng tranh đủ tư cách cho một cuộc trình bày nghệ thuật đứng đắn thì quả là một ý nghĩ không thực tế.

Người ta có thể làm những việc trắng trợn mà chúng ta không thể lường được để thỏa mãn lòng tham lợi, biến phòng tranh thành cái chợ mà món hàng có thể đem đi bất cứ lúc nào để rồi sẽ được thế vào chỗ trống món hàng khác: Người ta rất ngạc nhiên trong cuộc triển lãm do một cơ quan văn hóa quốc tế tổ chức, sau khi khai mạc, đã thấy xen kẽ vào những tranh có đánh số (tức là những tác phẩm đã được hội đồng giám khảo chọn lựa) một số tranh nhan nhở không biết từ đâu đến. Và ai cũng biết sự dễ dãi của khán giả ta, mọi nguyên tắc, dù nguyên tắc đó là để bảo vệ uy tín của một số cơ quan chính quyền, đều bị xem thường và lướt qua. Không gì quan trọng bằng lợi tức trong lúc này.

■ *xem tiếp trang* 30

TRẦN UYÊN TỪ
khuôn mặt chiên tranh

□ *Buổi sáng lũ trẻ giả đò ngồi khóc*
bên hộp diêm hình chữ nhật
hộp diêm là cái hòm mỏng
đựng xác con chuồn chuồn
rồi lũ trẻ bắt đầu khóc thảm thiết
Ba ơi ! Ba ơi !

□ *Buổi sáng lũ trẻ xếp chiếc tàu bay giấy*
và bảo nhau sẽ oanh tạc nơi này
vì có rất nhiều trại địch
khi chiếc tàu bay hạ cánh
lũ trẻ hoảng hốt
cùng kêu la thất thanh

□ *Buổi sáng lũ trẻ chia phe bắn nhau*
vài đứa trong nhà vài đứa ngoài vườn
bên này gọi bên kia là địch
rồi có nhiều đứa giả chết nằm lăn

□ *Buổi sáng lũ trẻ đắp cát làm thành lũy*
lấy lá tre khô che những mái nhà
rồi đốt lửa cao ngùn ngụt
và bảo với nhau làng xóm đã ra tro

□ *Bây giờ thì chiến tranh có thật*
ba chúng đã chết ngoài mặt trận
mấy ngày mới đem về được
chiếc hòm chưa sơn phủ kín lá cờ
mùi hôi xông lên nồng nặc

□ *Bây giờ thì chiến tranh có thật*
làng xóm chúng đã bị tàu bay pháo kích
không còn một người nào ở lại

□ *Bây giờ thì chiến tranh có thật.*
lũ trẻ lớn lên đứa về quốc gia thắng theo việt cộng
và đã bắn nhau chết thật, chết thật
như vậy đó, như vậy đó

NGUYỄN NHƯƠNG NGHIÊM
thành phố và những ngày giới nghiêm

chuyến tàu nào đã bay qua không gian em
khi mụ già mặt đỏ đứng chống gậy trên chót vót cao
anh ngước nhìn buổi chiều lực lưỡng
nằm xuống hết những thây người lêu nghêu
có cả vạt thắt lưng và khi giới nhọn
nằm xuống hết cùng nín thở nghe anh
thổi tiếng sáo dịu ngọt vào mắt trót
và hãy nằm xuống hết những sinh động vật không có tay chân
những sinh động vật đui mù điếc lác

□

hỡi con mèo nhỏ của chúng ta ơi
chuyến xe ngựa đã đi qua vùng giới nghiêm rồi
chúng ta nhìn được mặt người xà ích nổi mụn
hỡi con mèo nhỏ của chúng ta ơi
hãy nhảy xuống đất và leo ngồi trên ghế
chúng ta đùa dỡn và bày trò chơi

□

loài chim mang cánh chiến tranh nào đã bay qua thành phố em
thả vô số truyền đơn và tiền bạc
chúng ta ơi còn mẹ cha không
tình yêu trốn chạy những ngày lựu đạn
loài chim mang thư tình nào bay qua đồng bằng xanh
tất cả chúng ta cùng chung hy vọng
và anh tách biệt lơ lửng trên dòng sông
cho em hết cuộc đời dậy sóng

□

cuộc hành quân lớn qua cánh đồng khô
lúa bỏ chạy tù binh trở về nằm ngủ
hỡi dây thép gai hầm trú ẩn hãy bình yên đi
chúng ta bắt tay chuyện trò thân mật
hỡi những người đi đường và bạn thân
hãy uống rượu rồi cùng nhau múa hát

□

tuổi trẻ nào bay qua mười mấy năm anh
mười mấy năm chúng sống với những trái cam tươi
lăn lóc giữa tháng ngày độc dược
hỡi niềm an ủi duy nhất của anh
hãy ngồi đây trên ghế cao chờ giờ bốc hơi bay bổng
và hỡi buổi chiều mọc cánh tay xanh.
hãy vói bắt em giam vào đêm tối

□

chuyến tàu nào sẽ bay qua không gian đêm
hãy thả cho anh thật nhiều trái sáng
bởi vì lão già mặt đen chắc chắn sẽ chống gậy đến tìm anh
đòi món nợ thiếu từ lâu đời chưa trả
và loài ngựa rừng của chúng ta ơi
hãy mang tuổi trẻ đi vào hang đá.

người hành khách...

■ *tiếp theo trang 15*

— Tại sao không mua vé mà cậu dám lên tàu đi đâu vậy ?

Tiếng một người đàn ông trả lời ngập ngừng và yếu ớt :

— Dạ... dạ... không. Tôi có mua nhưng lỡ đánh mất.

Người kia quát tháo :

— Láo khoét. Ai mà tin được. Nói vậy dễ quá ai nói không được. Tất cả mọi hành khách đều nói như cậu rồi ai cũng không mua vé cả thì sở hỏa xa phải ngưng hoạt động mất. Nầy, cậu lên từ ga nào ?

— Dạ tôi mới lên ở ga vừa rồi.

— Tôi còn lạ gì những người như cậu. Tôi làm nghề soát vé trên mười lăm năm nay, tôi quá biết cái trò đó rồi. Cứ trốn chui trốn nhủi được chừng nào hay chừng ấy, đến khi rủi bị tóm được thì lại bảo là mới lên ga gần nhất. Thôi được cậu có đem tiền đó không ? Cậu trả tiền phạt gấp đôi giá vé từ ga gần nhất tới ga sắp đến. Rồi đoạn đường từ đó đến nơi anh định xuống phải mua vé khác theo giá thường.

Giọng người kia nấu nỉ :

— Dạ thưa ông tôi không có tiền. Ông thương giùm làm phúc.

— Không được. Biết đâu cậu là một tên phạm pháp đang lẩn trốn bảo tôi giúp sao được. Vả lại tôi đâu có quyền gì, tôi chỉ biết thi hành phận sự. Giúp cậu để hại tôi à ! Cậu phải xuống khỏi tàu ngay.

— Xin ông làm ơn làm phúc bỏ qua cho tôi tội nghiệp. Ông đuổi tôi xuống đây cũng như ông giết tôi. Tôi đâu có quen biết ai ở đây làm sao tôi sống được. Thời buổi này khó khăn nguy hiểm lắm chứ đâu có dễ dàng gì ?

— Nói dễ nghe quá hả. Sắp tới một ga nhỏ rồi đây cậu phải xuống ngay hay muốn tôi cho gọi điện thoại mời cảnh sát địa phương đến bắt nhốt.

— Dạ đừng, để tôi xuống cũng được.

Tiếng còi thét lên một hồi. Con tàu chạy chậm dần và dừng lại. Hành khách trong toa đều ngồi yên không thấy ai rục rịch xuống cả. Tiếng người soát vé gắt gỏng :

— Thôi xuống mau cho rồi cha nội.

Tiếng người kia kì kèo :

— Ông làm phước cho tôi đi nhờ đến sáng bây giờ khuya khoắt tôi biết xoay xở thế nào được.

— Thôi đừng nói nữa vô ích. Tàu sắp chạy bây giờ.

Tiếng lôi kéo. Tiếng người bật ra khỏi tàu. Tiếng chửi từ dưới vọng lên ; « Đồ vô nhân đạo ! »

Tiếng còi tàu hú lên chát chúa. Tiếng máy xình xịch. Con tàu lại chuyển bánh lấy đà chạy nhanh dần trở lại tốc độ bình thường.

Tiếng một thiếu nữ ngồi bên cạnh anh hỏi :

— Có chuyện gì vậy anh ?

Anh mải nhường mắt về phía xảy ra chuyện ồn, nghe tiếng hỏi anh hoi giật mình quay lại. Anh nhớ từ lâu đâu có thiếu nữ nào đồng hành ngồi bên cạnh anh đâu. Có lẽ trong khi anh mải mê theo dõi câu chuyện kia thì thiếu nữ nầy mới từ dưới ga bước lên một lối khác và lặng lẽ đến ngồi gần anh mà anh không hay. Thiếu nữ không đẹp lắm nhưng không phải là xấu. Dáng người thanh gọn, không có vẻ chải chuốt và có nét dịu hiền dễ mến. Nhất là sự xuất hiện có vẻ bất ngờ làm anh có cảm giác ngỡ ngàng là lạ một cách thú vị. Anh hỏi :

— Cô vừa mới lên ?

— Vâng, tôi vừa mới lên, nghe léo xéo đàng kia như có chuyện gì bất thường.

— À, cũng chả có gì quan hệ lắm. Có một hành khách đi lậu vé nên bị nhân viên hỏa xa tống xuống khỏi tàu đó thôi.

— Tội nghiệp. Giữa đêm khuya khoắt ở một nơi vắng vẻ thế này chắc bơ vơ lắm.

— Kể cũng tội nghiệp thật. Trong đoạn đầu cuộc hành trình của tôi cũng gặp chuyện lôi thôi với người soát vé nhưng may là tôi chỉ lạc vé và tìm lại được ngay.

Người thiếu nữ hỏi lơ lửng bằng một giọng thật dịu dàng :

— Tại sao người ta không xem như tất cả những hành khách nào đã bước lên tàu, hành trình dù ngắn dù dài đều đã có một cái vé rồi ?

Anh nhìn thật lâu vào đôi mắt người đối thoại làm cô này phải chớp chớp mắt mấy cái lộ vẻ e thẹn bối rối. Riềm mi giao động thật đẹp, thật dáng yêu. Anh ngạc nhiên vì không ngờ một thiếu nữ trông mảnh khảnh hiền lành như vậy lại có thể có một nhận định sâu sắc và tế nhị đến thế, chính anh cũng đã có lần nghĩ hệt như vậy.

— Tôi không ngờ cô có một nhận định gần như hoàn toàn trùng hợp với tôi. Tôi cũng đã có lần nghĩ như vậy. Nhưng đâu phải ai cũng ngay thẳng cả. Như anh chàng vừa bị tống xuống khỏi tàu vừa rồi chẳng hạn.

— Tôi tin rằng đó chỉ là một trường hợp đặc biệt. Bất đắc dĩ lắm người ta mới liều như vậy tưởng cũng không nên quá khắt khe tội nghiệp. Trong đời ai không có một lần gặp hoàn cảnh đó.

— Tôi hoàn toàn đồng ý với cô. nhưng sở dĩ người ta bắt buộc phải kiểm soát có lẽ vì sợ có nhiều người lợi dụng quá thì sở hỏa xa sẽ vỡ nợ đó thôi. A, thế cô sống ở vùng nầy à ?

— Không ạ, tôi đi thăm người cô bị đau nặng có chồng ở đây. Bây giờ tôi trở về nhà. Quê tôi ở một thành phố ven biển.

— Chắc ở đó có bãi cát trắng, có dừa xanh, có thông reo. Thành phố chắc đẹp và đáng yêu lắm.

— Vâng, gần như thế. Tôi không thể ở lâu bất cứ ở nơi nào khác. Đi đâu tôi cũng trông chong về.

— Có lẽ tôi cũng mong đến một nơi giống như vậy.

— Có gì ngăn anh đến đó đâu !

— Hiện giờ tôi chưa quyết định gì.

— Thế anh sẽ xuống ga nào ?

— Chính tôi cũng không biết nữa cô ạ !

— Bộ anh định làm người hành khách thường trực trên con tàu này à ? Thiếu nữ vừa hỏi vừa mỉm cười ỡm ờ nửa đùa nửa thật.

Người khách trầm lặng mỉm cười trả lời :

— Cô hỏi đùa thế mà không chừng đúng cũng có. Đôi lúc tôi cũng mang máng sợ rằng biết đâu mình sẽ không bao giờ được xuống một ga nào suốt cuộc hành trình.

— Cuộc hành trình nào cũng có ngày chấm dứt chứ. Thế nghĩa là rốt cuộc ở cuối cuộc hành trình anh cũng phải xuống chứ. Chẳng lẽ cuộc hành trình của anh không bao giờ chấm dứt sao?

— Bảo rằng chấm dứt thì cũng đúng hay không bao giờ chấm dứt thì cũng không phải là sai.

Thiếu nữ ngạc nhiên :

— Thế nghĩa là thế nào ?

— Có gì đâu ! Nếu bảo rằng cuộc hành trình nào cũng phải có khi chấm dứt thì dĩ nhiên tôi phải xuống nhưng lúc đó hoàn toàn vô nghĩa, vô ích rồi. Còn bảo rằng cuộc hành trình sẽ tiếp tục mãi mãi chỉ có nghĩa là con tàu và hành khách từ hữu thể chuyển qua vô hình đó thôi.

truyện của

đinh hoang sa

— Tôi tạm biệu rồi. vậy có gì bất tiện nếu anh cứ xuống ga với tôi trong một thời gian, nếu thích thì ở luôn, nếu chưa vừa ý thì lại tiếp tục

– Cám ơn cô. Từ đây đến ga cô xuống nếu tôi thấy hứng tôi sẽ quyết định xuống theo. Thật ra tôi không thí nghiệm bừa như vậy.

Việc chọn một ga xuống đối với tôi là một vấn đề rất hệ trọng không thể đùa được. Nhiều khi rủi bị kẹt luôn thì chán lắm và sẽ ân hận khôn nguôi suốt đời.

Nhưng khi người thiếu nữ đến ga xuống thì anh đang ngủ rất say. Cô ấy có thức anh mấy lần nhưng anh vẫn không hay biết gì. Đến khi tàu huýt còi sắp chuyển bánh tiếp tục cuộc hành trình cô ta vội vã bước xuống tàu. Lúc thức giấc không thấy người thiếu nữ bên cạnh nữa, anh mới biết là mình đã ngủ quên lúc cô ấy xuống ga. Anh chỉ thấy hơi buồn và tiếc chứ cũng không đau xót ân hận gì lắm.

Rồi sau đó mỗi lần người khách trầm lặng định xuống một ga nào cũng gặp những rủi ro bất ngờ. Nhưng thường là do thái độ thiếu cương quyết của đương sự mà ra cả. Không bao giờ người ấy hăm hở nhất quyết bước xuống ga nào đó ngay khi tàu mới vừa ngừng lại. Mỗi lần định xuống người ấy đều dằn đo phân vân mãi đến lúc con tàu đã chạy rồi mới thấy tiếc vu vơ và tự trách mình, tại sao không hành động sớm hơn,

Một ngày kia người khách trầm lặng làn la gọi chuyện với một thiếu nữ khá xinh mới lên tàu và ngồi gần mình, nhưng cô ta có vẻ lạnh lùng không muốn tiếp chuyện và kiếm cớ từ chối : « Xin lỗi ông, tôi bị mệt cần nghỉ cho khỏe ». Rồi cô ta lim dim mắt yên lặng không nói gì nữa.

Người khách trầm lặng thất vọng. Nỗi mệt mỏi chán chường như đâm tua tủa trăm ngàn chiếc rễ dài và nhọn như mũi kim ăn sâu nhức buốt khắp mạch máu thớ thịt và não tủy.

Càng ngày những hành khách trẻ mới lên tàu ngồi gần người khách trầm lặng mỗi khi cần hỏi han điều gì đều kính cẩn « Thưa ông » hoặc « Thưa cụ ». Người khách trầm lặng đau đớn biết chắc rằng, thế là hết, và thấy không còn thiết tha gì việc xuống ga nào nữa. Đúng như lời thiếu nữ nọ ngày xưa đã nói đùa : « Bộ anh định làm người khách thường trực trên con tàu này à ? » Thôi cũng đành là một hành khách thường trực chỉ xuống ở ga cuối cùng của cuộc hành trình với một cái xác lạnh hay nói một cách khác rằng sẽ không bao giờ xuống một ga nào cả và cuộc hành trình sẽ tiếp tục mãi mãi.

Trong tiếng xình xịch đều đặn nhịp nhàng một cách nặng nề buồn nản của những bánh sắt nghiến trên đường rầy, người hành khách thường trực bỗng nghe rõ một tiếng nổ long trời lở đất rung chuyển cả muôn ngàn đế n sao và thấy rõ mình lẫn con tàu vỡ tung rồi quay tít không ngừng trong khoảng không đen kịt bao la.

ĐINH HOÀNG SA

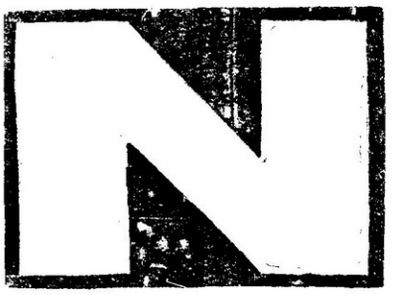

Nghệ Thuật và Bạn Đọc

Thơ

Trần Triều Sa, Thanh Hải Sơn Thanh, Phong Yên Tịch, Minh Liên, Lương Tâm Nguyễn, Di Mạt Thy, Thân Thùy Uyên Nguyên, Hoàng Mai Trang, Phạm Thụy Dương, Minh Hân, Vũ Lê, Vansima, Đông Trần, Triều Phượng Dung, Tyta Trần Việt Thành, Nguyệt Cầm Tử, Miên Thảo, Hàn Miên Mạc, Trương Tấn Lễ, Đoàn Đạm Hiếu, Trần Thiện Khải, Vi Trang, Hoàng Bích, Trần Dạ Khánh, Vũ Đình Phương.

Văn

Thương Hoài Lý, Uyên Khanh Hoài Hạnh, Đoàn Việt Hùng, Hồn Bướm Trắng, Trần Quang Diệt, Ngô Văn Cương, KimTrâm, Phạm Thụy Dương, Ma Cầm Tuyền, Nguyễn Ngọc Nghĩa, Vân Triều.

Quá bốn số kể từ số sau mà chưa thấy bài mình đăng, các bạn nên gởi cho Nghệ Thuật những sáng tác khác. Thân ái.

Nhắn tin

Ông NGUYỄN VĂN LIÊM (Qui Nhơn) Đã gửi ông 2 số báo Tông thiếu, về câu hỏi riêng, xin được miễn.

Bạn NGUYỄN TRUNG QUANG — Bài bạn phải bỏ vì viết 2 mặt giấy.

LỘC (Gia định) yên tâm. Rất cám ơn.

Một Độc Giả ở Cam Ranh — Bốn số báo ông thiếu tòa soạn hãy còn. Ông gửi cho 40đ tiền tem, cho địa chỉ, chúng tôi sẽ gửi ra.

Các bạn đón nghe tiếng hát bi đát
Của một quê hương nhiều khói súng

NHỮNG MÙA KHÔNG NẮNG

THƠ :

Đỗ quế Lâm, Hồ trường An,
Đoàn yên Linh, Trần như Linh Thuận

Bìa : Hồ ngọc Thu, 4 phụ bản chân dung.

kinh nghiệm về vực thẳm

■ tiếp theo trang 26

bóng đêm dày đặc và nó quyến rũ tâm hồn sáng tạo theo một đà tiến mãnh liệt ; tùy theo sắc độ của tâm hồn mỗi nhà thơ, thực tại vực thẳm nương theo một chiều hướng mà đưa tâm hồn theo với nó. Bởi vì nó phát xuất tự chính sự tiếp xúc giữa tâm hồn và thực tại trong một kinh nghiệm căn bản.

Kinh nghiệm về vực thẳm chi phối cuộc sống toàn diện của tinh thần các nhà tư tưởng lớn ; nó đè nặng lên tâm hồn của những thi nhân có tầm vóc nghệ thuật lớn lao, tức là của những tác giả có khả năng rung cảm mãnh liệt với những thực tại bao trùm cuộc sống, như tình yêu, hạnh phúc, đau khổ, hủy diệt, sáng tạo, thiên nhiên, vân vân.

Vực thẳm là tượng trưng cho bề sâu đích thực của những tâm hồn u uẩn, từng trải lắm kinh nghiệm bi thiết của kiếp làm người trong vũ trụ và giữa đam đông. *Nhưng vực thẳm không tại vị vĩnh viễn trong tâm hồn dưới hình thức tiên khởi của nó, nó đòi hỏi phải được hóa thân, phải được biến trạng trong một công trình suy niệm hay sáng tạo nghệ thuật. Tâm hồn nào chết điếng trong vực thẳm nội tâm, không vượt khỏi nó, thì chỉ là một tâm hồn bạc nhược,* thiếu tính chất tích cực và chủ động của nếp sống tinh thần đã đành, còn thiếu cả năng lực phấn đấu tối thiểu nữa. Nói khác đi kinh nghiệm vực thẳm ngưng đọng chỉ là một kinh nghiệm để non vì sự hèn yếu của tâm hồn, bởi *có phát sinh vực thẳm phải có sự biến hóa vực thẳm, dòng sinh hóa tất yếu là một sự hình thành rộng lớn, nhất là đối với thực tại nội tâm,* bởi nó chứng tỏ một sự chín muồi kinh nghiệm không thể thiếu, nó còn là sự tiến triển cần thiết của đời sống nói chung.

HẾT

phê bình

trường hợp TRƯƠNG VĂN Ý

□ NGUYỄN TRUNG

■ tiếp theo trang 26

Hội họa đã bị hạ giá một cách quá đáng. Tuy nhiên, trong số người làm nghệ thuật ở đây, cũng có một vài người không hùa theo phong trào vụ lợi đó: Trường hợp TRƯƠNG VĂN Ý là một trường hợp phản kháng cái tính chất bần tiện của hội họa hiện tại và cũng là một trường hợp phản kháng cái hình thức nghệ thuật nghèo nàn ở Saigon vậy.

TRƯƠNG VĂN Ý đã tốt nghiệp trường Mỹ thuật Gia Định và hiện giờ là giáo sư ban Thạch bản và Ấn loát tại trường Trang trí Mỹ thuật. Chúng tôi muốn nhấn mạnh việc anh Ý tốt nghiệp trường Mỹ thuật để nói lên sự ngạc nhiên khi nhìn những tác phẩm tân tiến của anh, không dính dáng gì đến những luật tắc trường quy hết : Trừ hai bức tranh lụa vẽ theo lối cổ điển ảnh hưởng sâu đậm lối vẽ của cố họa sư Lê văn Đệ, và nó bị coi như mất tích giữa 40 bức họa tân kỳ được thực hiện bằng một kỹ thuật mới lạ : Thủ-ấn-thạch-bản.

Đó là một phối hợp giữa kỹ thuật cổ điển của nghề in thạch bản (Lithographie) và một cảm quan về nghệ thuật mới — nghệ thuật vô hình dung. Nghệ thuật thạch bản là một nghệ thuật — như tên của nó — áp dụng những phiến đá phẳng mặt để in những văn tự hay hình vẽ. Nó đòi hỏi một sự hiểu biết nhiều về hóa học để lợi dụng ngay những phản ứng của các hóa chất được dùng để in. Thí dụ người ta vẽ mực dầu trên mặt đá phẳng, xong làm ướt đi, những chỗ còn nguyên (chưa có vết mực dầu) giữ nước lại, ngay cả trong những khe nhỏ bé tự nhiên của mặt đá. Dầu và nước tự bảo toàn nguyên vẹn phạm vi của mình, nước sẽ làm những khoảng không in khỏi bị dơ bẩn do mực gây ra. Đó là nguyên tắc căn bản của nghề in thạch bản. Nghệ thuật ấn loát này cũng đã hấp dẫn một số nghệ sĩ Tây phương như Prud'hom, Delacroix, Ingres, Daumier, Picasso v.v...

Trong 40 ấn bản của Trương văn Ý mà 10 bản đã in trên lụa, anh đã tìm cách dẫn dị hóa kỹ thuật in trên đá để có thể dễ dàng thực hiện một không khí nghệ thuật trên những bức họa vô hình dung của anh. Nhận xét chung, nghệ thuật Trương văn Ý đã dựa trên căn bản tinh thần đạm bạc có lẽ vì ảnh hưởng người thầy là cố họa sĩ Robert Von Erben, người Mỹ gốc Đức. Cái tinh thần đạm bạc gần như khắc khổ đó, cho thấy bản chất rất Đông phương của họa sĩ. Tính chất trầm lặng, khiêm tốn, vô ngã đó của nghệ thuật mà một số họa sĩ tây phương đệ tử của Thiền học đi áp dụng trong sơn dầu đã thấy nở hoa trên những tranh thủ ấn thạch bản của Ý một cách hồn nhiên, có khi đi đến cực độ của sự đạm bạc như bức số 10 chẳng hạn, với một màu đen ngã xanh duy nhất hoặc bức 32 đã được trình bày với toàn thể tối sầm lại để chừa một khoảng trống nâu nhạt như một gương mặt buồn thảm.

Đặc tính thứ hai của nghệ thuật Trương văn Ý thuộc về những tiết diện. Những đường nét như những điệu vũ, phong phú, phóng khoáng đưa người coi tranh tới thế giới của một hạnh phúc nhẹ nhàng. Như bức số sáu với những nét xây dựng nhanh theo đường xiên, hoặc bức số 11 theo một hòa hợp màu xanh với những nét xây dựng theo chiều thẳng đứng v.v... tất cả đều thay đổi, từ điệu vũ này qua điệu vũ khác.

■ xem tiếp trang 32

độc giả tham dự cuộc phỏng vấn của Nghệ Thuật

(tiếp theo trang 32

Ý KIẾN BẠN NGUYỄN QUỐC VỌNG
sinh viên — sinh năm 1946

(1)Có loại tiểu thuyết mà sau khi đọc xong buộc lòng độc giả phải suy nghĩ thật nhiều, bởi vì nó đã phản ảnh được hiện trạng của đất nước, bởi vì nó đã phản ảnh được nỗi đau xót của quê hương, những dằn vặt của lớp thanh niên, nỗi bơ vơ của lớp người trẻ không biết làm gì khi những thần tượng sụp đổ. Tôi nghĩ rằng đây mới chính là loại tiểu thuyết mà chỉ có những người thích suy tư ham thích hơn hết, bởi vì khi đọc nó, tôi đã tìm thấy nỗi băn khoăn của mình đã được trang trải với « *đầy tuổi tôi* » của Dương nghiễm Mậu, tôi đã tìm thấy sự thèm khát hòa bình trong « *người tiên hòa bình* » của Lý hoàng Phong, y hệt như sự thèm khát của chúng tôi, lớp người khi sinh ra đã nghe tiếng súng.

Có loại tiểu thuyết luận đề, với trung hiếu tiết nghĩa, với tam tòng tứ đức mình như không phải nói tới khung cảnh của bây giờ, mà là một thời đại thật xa xưa nào đó. Cho nên khi nói đến tiểu thuyết Việt Nam, tôi muốn nghĩ ngay đến những nhà văn của nhóm *Sáng Tạo, Văn Nghệ*, những nhà văn của *Văn Học, Văn, Nghệ Thuật* bây giờ, lẽ dĩ nhiên những nhà văn này mỗi người có một bút pháp riêng, một lối nhìn riêng.

(2) Chính vì sự ham thích quá ôm đồm đó cho nên tôi theo dõi những nhà văn đó một cách thật khó khăn và thật tốn tiền, bất kỳ một tác phẩm nào của họ tôi đều cố gắng có bằng được sự ham thích này bắt buộc tôi phải theo dõi đời sống riêng của họ, và thương mến họ như đã thương mến tác phẩm của họ, tôi biết Dương nghiễm Mậu tên thật là gì, làm gì, ở đâu, tôi biết Mai Thảo, Nguyễn đình Toàn, Võ Phiến, Thế Uyên... là những người như thế nào, hiểu biết đời tư để biết họ có trung thành với quan niệm sống của họ không ? Bởi vì đối với tôi, nhà văn ít ra cũng phải viết những điều gì mà mình đã suy tư, đã sống, đã sung sướng, đã đau đớn, nhà văn không được vay mượn nỗi đau đớn của người khác làm nỗi đau đớn của mình, nhà văn không được « tưởng tượng » những cái mình chưa sống qua, chưa gặp phải, bởi vì thái độ đó đã đánh lừa không phải riêng cá nhân họ, mà còn đánh lừa cả những niềm tin mà độc giả đã trao cho họ.

(3) văn chương, thật ra có rất nhiều vai trò, nhưng đối với tôi văn chương phải có một giá trị thật sự nào đó đối với xã hội, một nhà văn hơn hẳn một nhà họa sỹ, bởi vì nhà họa sỹ chỉ cho ta thấy một sự kiện hiện hữu, nhà họa sỹ vẽ lên khung vải một căn nhà, một phong cảnh, một người, và độc đáo hơn như Picasso, một bức tranh của nhà danh họa này cho chúng ta nhìn sao thì nhìn, người thì nghĩ cái này, người nghĩ cái khác, bức họa của một nhà họa sỹ không nói thêm điều gì ngoài những cái mà ông đã vẽ lên khung vải, trái lại nhà văn sau khi đưa lên một sự kiện, còn suy diễn và có thể thì tìm ra những lối thoát.

(5) Vì sự ham thích đó, cho nên tôi thích khá nhiều nhà văn, vì là số đông nên tôi đã sắp từng nhóm các nhà văn tôi thích, gọi là thích nhất, những nhà văn nào tôi muốn để ngang một số thứ tự, số 1, nghĩa là không hẳn người viết tên đầu là người tôi thích hơn người thứ bảy, thứ tám — mà tất cả tôi đều thích như nhau Dương nghiễm Mậu, Mai Thảo, Thế Uyên, Thanh tâm Tuyền, Nguyễn đình Toàn, Lê tất Điều, Võ Phiến, viên Linh, Nhật Tiến, Nguyễn thụy Long.

Ý KIẾN BẠN ĐOÀN THƯƠNG HẢI
Sinh viên Luật Khoa — Huế

(1) Tôi không tài nào hiểu hết nghĩa của câu hỏi 1. Nếu nghĩ đến một tác giả trước hết là vì tác giả ấy có đủ uy tín và thẩm quyền bắt mình phải nghĩ đến thì tôi chọn Thanh Tâm Tuyền. Nếu nghĩ đến một tác giả vì tài năng của người đó và cảm tình dành cho người đó thì tôi chọn Lý Hoàng Phong.

(2) Tôi ít theo dõi một tác giả nào. Nhưng thích biết chút ít về đời tư của họ. Biết cho vui vậy thôi nhưng thật cần thiết.

(3) Dĩ nhiên văn chương có thể dùng để giải trí (Nếu những tác phẩm viết feuilleton trên các nhật báo được gọi là tác phẩm văn chương và tác giả của chúng được gọi là những nhà văn, thì đó là một chứng minh hùng hồn). Nhưng giải trí không phải là mục đích mà văn chương muốn nhắm đến. Tôi vẫn nghĩ văn chương phải liên hệ với hoàn cảnh: vì vậy văn chương phải làm được một cái gì. Dĩ nhiên không thể và không nên đòi hỏi quá nhiều ở cái « phải làm được cái gì » đó.

(4) Trước khi đọc một tác phẩm tiểu thuyết có nghệ thuật (Những tiểu thuyết không có nghệ thuật thì không được gọi là tác phẩm và miễn bàn đến) tôi thường nghĩ đến tánh chất giải trí của nó. Nhưng tính chất giải trí không thể thỏa hiệp với sự dễ dãi. Vì vậy tôi vẫn nghĩ, vẫn mong muốn nhìn thấy văn chương làm được một cái gì như tôi đã nói. Chẳng hạn tôi mong sự ra đời những tác phẩm có nghệ thuật về về hoàn cảnh việt Nam trong đó cuộc chiến tranh phiêu lưu kéo theo bao nhiêu sự đổ vỡ khốn cùng về đủ mọi phương diện. Điều đáng buồn là những tác phẩm ý thức như thế thật hiếm hoi, hầu như không có.

(5) Lý hoàng Phong (Sau Cơn Mưa). Thanh Tâm Tuyền (Khuôn Mặt). Mai Thảo (Bản Chúc Thư Trên Ngọn Đỉnh Trời). viên Linh (Những Truyện Ngắn và Đoản văn đăng trên Nghệ Thuật) Sơn Nam (những truyện ngắn) Dương Nghiễm Mậu (cũng đành) Túy Hồng (Thở dài). Võ Phiến (Mưa Đêm Cuối Năm) Thế Uyên (những truyện đăng ở văn học) Nguyễn đình Toàn (Những kẻ đứng bên lề).

Quý độc giả tìm đọc

Tuần San Đuốc Tuệ

Cơ quan phát huy tinh thần Phật giáo khai triển văn hóa dân tộc

Phát hành ngày Thứ bảy *Đ.T. : 25.558*

độc giả tham dự cuộc phỏng vấn của Nghệ thuật

■ tiếp theo trang 11

tha, giúp người đọc thêm phần nộ trước những bất công, gian xảo của xã hội hoặc tự hào với những nét đẹp kiên trinh của một dân tộc anh hùng; một Mai Thảo tài hoa, với tâm hồn sôi nổi thường trực và bằng bút pháp trữ tình lãng mạn rất đỗi lạc quan, thường hướng người đọc tới một chân trời bát ngát mây vàng hoặc một đỉnh cao chói lòa ánh sáng và đang cống hiến vào kho tàng ngôn ngữ dân tộc những chữ, tiếng thật đẹp, thật mới, thật gợi cảm, gợi hình, một Dương nghiễm Mậu đang phơi bày cái tâm trạng dằn vặt ê chề, tủi nhục điển hình của lớp thanh niên nạn nhân thời cuộc bằng những suy tư sắc sảo, chín chắn v.v.. Hầu hết sáng tác của họ chứa đựng nhiều ray rứt, phẫn nộ, xót xa, đen tối, phũ phàng nhưng nói chung, nội dung tác phẩm vẫn bàng bạc một niềm tin yên, hay nói cách khác, truyện của họ có lúc thật buồn nhưng là một thứ buồn không dập tắt lòng tin, như sau cơn mưa, trời vẫn rạng rỡ.

(5) Mười nhà văn mà tôi thường đọc :

Nguyễn mạnh Côn, Võ Phiến, Mai Thảo, Doãn quốc Sỹ, Dương nghiễm Mậu, Thanh tâm Tuyền, Viên Linh, Dương Kiền, Thế Uyên, Nguyễn đình Toàn.

Ý KIẾN BẠN NHẤT PHƯƠNG M. L
Học sinh — sinh năm 1947

(1) Bắt đầu đọc tiểu thuyết năm 11 tuổi. Tâm hồn tôi lớn dần trong những bối cảnh rất có hậu. Những năm chiến tranh gần đây, mọi việc xảy ra làm tôi hoa mắt, lắc đầu như chối bỏ những điều tôi đã va chạm, chứng kiến vì tôi sợ mình lầm. Nhưng Thanh Tâm Tuyền, Võ Phiến, Thế Uyên, đã vô tình giúp tôi xác định được phần nào sự thật.

(2) Tôi theo dõi họ qua tác phẩm trước nhất vì nó là phương tiện duy nhất nối liền độc giả với người viết.

3—4 Dần theo số tuổi, văn chương tôi đọc giữ hai vai trò : 11 đến 15 tuổi, tôi đọc để có thêm mớ hiểu biết việc đời hầu nói chuyện với mấy bà «cụ non» chung lớp và cũng để giải trí. Những tác giả tôi ưa lúc đó phải kể là : Bà Tùng Long, An Khê, Lê Xuyên dần đến Bình Nguyên Lộc, Ngọc Linh.., Nhưng đến năm đệ tứ học giảng văn, tìm hiểu giá trị từ tác phẩm tôi học, tôi đã ý thức được phần nào giá trị văn chương. Chính nó có giá trị sáng tạo. Sáng tạo đó phản ánh của cuộc đời, của thời đại. Nó đã mang ảnh hưởng nào, sự thay đổi nào trong xã hội nó sống ? Nó không là súng-thương-tên-đạn dùng để đàn áp, hầu thay đổi những gì người ta muốn. Nó chỉ là những tư tưởng mới lạ được thoát ra do những người đã dấn thân trong thời đại. Và lại đối tượng của tôi trong hiện tại vẫn là chiến tranh và thân phận con người (nhất là thân phận đàn bà).

Tôi đọc tiểu thuyết tìm gặp những hình ảnh phũ phàng, tang tóc. Tôi buồn cho cuộc sống, tôi không biết mình phải làm gì. Mang lấy những nỗi suy tư vụng dại, tôi tìm cho tôi một chân lý cuộc đời bên các tác phẩm. Nó không cải tạo xã hội được, nhưng ít ra nó cũng giúp cho người đã đọc tìm hiểu nó biết rằng ; Mình cũng là một trong những chứng nhân có mặt ở thời đại này. Mình sẽ không thấy lạc lõng nuối tiếc khi sống vì mình không phải là người mù lạc trong sa mạc (có văn chương làm bạn đường.)

(5) Thế Uyên, Võ Phiến, Thanh Tâm Tuyền, Nhã Ca, Mai Thảo, Dương Kiền, Lê Tất Điều, Dương Nghiễm Mậu, Nguyễn Mạnh Côn, Ngọc Linh.

Ý KIẾN BẠN LIÊU QUỐC NHY
Sinh viên Trường Đại học Khoa học, Saigon

(1) Khi nói đến tiểu thuyết Việt Nam, người đầu tiên tôi nghĩ ngay là Thanh Tâm Tuyền. Với ông tôi đã tìm thấy được những lo nghĩ, suy tư và bất lực của tuổi trẻ trước cuộc chiến hiện tại (Ex.. Ung Thư) Và lối viết mới mẻ xoáy tận tiềm thức, đào sâu dĩ vãng khiến ta dầu muốn dầu không cũng phải bị lôi cuốn vào mê hoặc.

(2) Theo thiển ý của tôi, tác phẩm và đời sống riêng của một tác giả dầu có liên lạc phần nào với nhau, nhưng giá trị thực tại của một tác giả là tác phẩm chớ không phải ở đời sống riêng của họ.

(3) Đối với tôi, văn chương không phải hoàn toàn chỉ để giải trí. Nó cũng không thể là một khí cụ tuyên truyền, một thứ sấm truyền dọa trẻ. Tuy rằng xã hội có thể ảnh hưởng đến văn chương và văn chương cũng có ảnh hưởng ngược lại, văn chương chỉ có giá trị với chính nó.

(4) Vâng, tiểu thuyết đã đáp ứng được phần nào điều mong mỏ đó, tôi đã tìm thấy điều này qua một vài cây viết trẻ hiện đại, những người này đã thể hiện được phần nào hướng tiến của văn chương với ý nghĩ riêng rẽ của nó.

(5) Danh sách 10 nhà văn tôi thích nhất :

Thanh Tâm Tuyền, Mai Thảo, Dương Nghiễm Mậu, Sơn Nam, Nguyễn Mạnh Côn, Nguyễn Đức Nam, Kiệt Tấn, Cung Tích Biền, Thế Uyên, Nhã Ca.

xem tiếp trang 31

trương hợp...

■ tiếp theo trang 30

Những bức chúng tôi vừa nêu ra là tương đối thành công nhất. Điều chắc chắn là Trương văn Ý đã sáng tạo với một tình yêu Đông phương, với một niềm hoài cổ, dù lối vẽ của anh được coi như tân kỳ, trái hẳn với nguyên tắc của hội họa cổ điển. Ta thấy trong cách xây dựng, nhất là cách cho màu đã vương mang tinh thần của những tranh thủy mạc mà chính anh cũng đã từng thực hiện, như ở bức 29 hoặc số 10 chẳng hạn. Và đó cũng là lối thoát chung cho hội họa Đông phương hiện tại : áp dụng những kinh nghiệm kỹ thuật tây phương để thực hiện bản chất của mình.

Anh đã nói với chúng tôi : « Với một tinh thần xây dựng nghệ thuật, tôi tin tưởng rằng con đường nghệ thuật còn dài và nhiều chông gai nhưng thích thú, nếu ta biết trọng và đặt nó đúng với địa vị của nó. Nếu không, xin đừng sờ đến hay lợi dụng nó để trục lợi bất chánh hoặc quá tự mãn đến đố kỵ nhau». Quả thực anh là con người họa sĩ biết tự trọng, anh ngạc nhiên đến sửng sốt khi thấy người ta trả giá tranh như trả giá một món hàng khác và đã từ chối những vụ trả giá đó. Anh biết đâu những vụ trả giá đó đã thành thông lệ trong «thị trường» tranh ở đây.

Phòng tranh Trương văn Ý mở cửa từ 1 đến hết ngày 10 tháng 7 tại Pháp văn Đồng Minh Hội.

Thuốc xổ
NHÀNH MAI

Xổ đàm độc, phân nóng nhiệt, lãi kim và trị bón, sau khi xổ rất khoẻ khoắn. Các tiệm thuốc Bắc đều có bán. Saigon do Nhành Mai 24 Trần khắc Chân (gần chợ Tân Định) K.N. B.Y.T. số 535 ngày 20.11-63.

CON NÍT **Nóng và Ban**
và ngứa được chứng làm kinh trong lúc nóng cao độ

Cho uống thuốc CHI LINH hiệu NHÀNH MAI. Thuốc còn trị các chứng ban : ban đỏ, ban trắng và ngứa được chứng làm kinh do Nhành Mai 24 Trần khắc Chân (gần chợ Tân Định) KN 534 — 20.11.64.

...ra tới thư nói sắc đẹp

KIM LIÊN 103 Ngô tùng Châu, Sg.

1) Em Diệu, Tuy Hòa, cao 1m,50 nặng 40k xương lớn không thể nào làm nhỏ được, mập thì em muốn thon có thể, cần thể dục và ăn nhiều rau, uống nước ít, xoa nắn thêm thuốc Cellulinol tan mỡ dư, còn là mang tật đành chịu. Da em có vết tròn đen hay xám em cố gắng xài Crème Thorakao để trị các vết nám bổ da cũng thay thế phấn. Mắt em đừng nhỏ chanh thường, dùng Pommade euréomycine, Bel chỉ làm thêm đẹp về mỹ thuật, bệnh không được.

Thanh Nguyệt Saigon. Như vậy em thuộc làn da đen, tốt hơn em ít ra nắng, hằng đêm em dùng Lait Total-Lait Scherk để bổ da và mỡ, nếu da nhờn phải dùng Foaddetein với phấn Coty hay Bourjois, cũng có thể em dùng kem Hormolux cũng bổ da thế phấn trị mụn tàn nhang.

2) Tô Châu Phan đình Phùng Saigon. Da nhờn em ít ăn mỡ nhé, rửa mặt savon Dove với nước mưa hay lọc, giữ da đừng để mồ hôi và hằng đêm dùng Lotion Facial Protène nhúm bông gòn lau ra chất nhờn trừ mụn coi chừng máu em nóng hay là gan nóng cũng bắt đầu sanh mụn.

3) Em Hoàng Đakao. Em gần nhà may Thiết Lập 268 Pasteur Saigon ngang viện Pasteur cũng có nhiều nơi may, nhưng riêng chị thì rõ nơi ấy may áo khéo được khách tin nhiệm hàng ngoại quốc đắt giá, em cứ đến coi chị mách có sai không.

Thuốc dán

HIỆU CON RẮN

Trị : Ghẻ nhọt, tức ngực, hạch đàm sưng trặc, nhức đầu, đạp đinh, nước ăn chơn và các thứ bịnh ngoài da, Các tiệm thuốc Bắc đều có bán. Saigon do Nhành Mai 24 Trần khắc Chân (gần chợ Tân Định).

KN BYT số 536 ngày 20-11-63

sửa lại cho đúng

Trong bài thơ Viễn Mộng của Viên Linh nơi trang 18-19 đoạn 5. xin đọc là *gửi N.T.D.*

đoạn 10 « Có tỉnh dậy bên tôi.» xin đọc là « Có tỉnh dậy nơi đâu ».

N T

Trong bóng tối kinh hoang bi thảm
Nước mắt em chảy ướt đầy hai tay
Tương lai bỏ đi rồi vì lưỡi lê, dây kẽm gai, báng súng, ngục tù
Trái đất nầy đang rung chuyển bởi oán thù và ngộ nhận.
Những lần đạn dữ đã cầy nát cả thiên đường tuổi trẻ
Chúng ta đành bơ vơ như kẻ lưu đày
Nhưng anh muốn gục đầu xuống vai em và nói
Yêu em
Yêu em muôn đời
Dù chỉ được yêu âm-thầm trong bóng tối...

YÊU TRONG BÓNG TỐI

tiểu thuyết của TUẤN-HUY

đã phát hành sau những khó khăn về đủ mọi phía mọi mặt

DÀY 400 trang. ẤN LOÁT CÔNG PHU và MỸ-THUẬT — TIẾN-HÓA X B.

Đặc biệt giới thiệu : sách mời

1) **HIỆN SINH, MỘT NHÂN BẢN THUYẾT** J. P. SARTRE

2) **CHỦ NGHĨA HIỆN SINH** P. FOULQUIÉ

Do Thụ-Nhân dịch. Những cuốn sách gối đầu giường của hàng triệu bạn trẻ trên khắp thế giới, đồ đệ của Hiện sinh chủ nghĩa.

3) **ĐỊA NGỤC MÔN** (RASHOMON), nguyên bản của AKUTAGAWA, một truyện ngắn duy nhất trên thế giới được diễn thành phim. Tài liệu quí cho các nhà văn tương lai và những bạn ưa sưu tầm khảo cứu.

Nhị-Nùng xuất bản

Sách pháp luật, chính trị, kinh tế

BÁN TẠI NHÀ SÁCH

KHAI TRÍ

62, Lê Lợi — Saigon

Dân luật tu tri	*Phan văn Thiết*	100
Hình luật tu tri	«	95
Các tranh tụng về dân sự	«	95
Kiểu mẫu văn khế	«	95
Hộ tịch chỉ nam	«	100
Phụ nữ Việt Nam trước pháp luật	«	65
Pháp luật thực hành	«	50
Nhân viên công lực cẩm nang	«	15
Luật dân sự tố tụng	*Nguyễn văn Đầu*	250
Dân luận khái luận	*Vũ văn Mẫu*	130
Dân luật lược khảo (hai quyển)	«	300
Luật nhà phố	*Công Báo*	65
Luật thuế vụ	*Bộ Tài Chánh*	160
Thuế lệ dẫn giải	*Đinh quang Chính*	80
Luật Lao Động	*Bộ Lao Động*	145
Tạp lục các bản văn áp dụng luật lao động	«	150
Tìm hiểu luật lao động	*Huỳnh khắc Dụng*	140
Án lệ lao động	«	250
Quy pháp vựng tập I II III Iv v vI	*Tòng T. Phủ*	720
Luật thương mãi	*Trịnh đình Thảo*	45
Luật thương mãi (hai quyển)	*Lê tài Triển*	150
Dân luật thực hành	*Đoàn bá Lộc*	40
Chế độ tài sản trong gia đình Việt Nam I II	*Vũ văn Hiền*	220
Tổ chức chính trị và hành chánh việt Nam	*Bùi quang Khánh*	100
Chính trị học	*A. de Grazia*	250
Chính trị học hiện đại	*Tôn thất Trạch*	50
Chính trị cổ nhân	*Nguyễn tử Quang*	38
Kinh tế học	*P. A. Samuelson*	200
Phát triển kinh tế	*G M Meier*	200
Kinh tế phục vụ quần chúng	*M. Salvadori*	60
Hành chánh công quyền	*H. E. Simon*	200
Xã hội học	*B. Selzick*	250
Tiền tệ lợi tức và chính sách tiền tệ	*Lei S. Shaw*	250
Kinh tế quốc tế	*Ellsworth*	200
Mô thức chính trị quốc tế	*L. M. Alexander*	250
Tài chánh công	*P. E. Taylor*	250
Tự do cá nhân	*Trần thúc Linh*	70

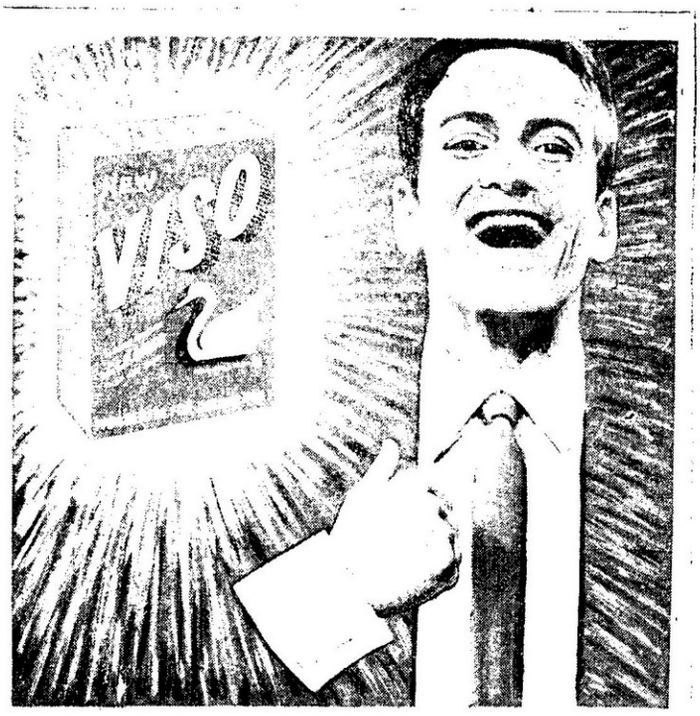

C'est tellement plus agréable
VISO *fait sa blanc*
qu'on voit la différence

CÁC BẠN THANH NIÊN, SINH VIÊN VÀ PHẬT TỬ HÃY TÌM ĐỌC

VẠN HẠNH

tạp chí nghiên cứu phát huy văn hóa Phật giáo và Dân tộc

SỐ ĐẶC BIỆT KỶ NIỆM PHẬT ĐẢN 2510

Nhiều bài biên khảo, sáng tác giá trị của hơn bốn mươi tác giả tên tuổi cộng tác, một nội dung phong phú, dày 300 trang.

Đặc biệt trong số này hai nhạc phẩm mới nhất của hai nhạc sỹ : Thẩm Oánh — Phạm-Duy.

Hình bìa ; Họa phẩm « Diệu liên hoa » của họa sỹ Hà Uyên, in Serigraphie bốn màu. Và nhiều hình ảnh mỹ thuật thuộc khắc cổ học Ấn Độ.

ĐÃ PHÁT HÀNH

ĐÃ PHÁT HÀNH

nhận định

TẬP IV

chiến tranh — cách mạng — hòa bình

của NGUYỄN VĂN TRUNG

Nam Sơn xuất bản

CORNELL UNIVERSITY
FEB 24 1967
LIBRARY

lait

Total®

A BASE DE CALENFIL

nuôi dưỡng và làm tươi da mặt

- MỊN-MÀNG
- XINH TƯƠI
- TRẺ ĐẸP
- KHỘNG BỊ NẮNG ĂN
- KHỎI DÙNG PHẤN

CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
VÀ HIỆU MỸ-PHẨM

MỸ-PHẨM CỦA ISAPJ 22, KỸ-ĐỒNG, SAIGON

GIÁ BÁN 8